



Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
 Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình ảnh: **Mariya_m (Pixabay.com)**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 266-4171

• Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHAP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

hoặc Zelle số phone: **714.266.4171**

(Memo ghi "Ủng hộ CP" -

xin gọi hoặc nhắn tin trước khi zelle)

*

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, những bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hưởng vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Điều Âm lược dịch), tr. 3
- **THÁNG BẢY VỀ, MẸ GIỮA ĐỜI...** (thơ Minh Đạo), tr. 6
- **NHỮNG YẾU ĐIỂM CỦA TƯ TƯỞNG DUY THỨC**, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 7
- **KHI THẤY TÂM BÌNH ĐẲNG** (Nguyên Giác), trang 11
- **KHÔNG ĐỀ 1 & 2** (thơ Trần Hoàng Vy), trang 12
- **TRUYỀN ĐĂNG TỤC DIỆM** (Sa môn Thích Tín Nghĩa), trang 13
- **WAKA 62** (thơ Tây Hành Pháp Sư – Pháp Hoan dịch), trang 14
- **LÒNG TRONG SAO TẠC** (Nguyên Siêu), trang 15
- **NHỚ CHA** (thơ Quy Hồng), trang 16
- **NÊN TRỪ TÀ KIẾN, TẬP HÀNH CHÁNH KIẾN** (Quảng Tánh), trang 17
- **GIỮ GÌN SƠ TÂM** (thơ họa Chúc Hiền), trang 18
- **TỨ NIỆM TRỤ** (HT. Thích Đức Thắng), trang 19
- **NHỚ NGƯỜI NGÀN XƯA** (thơ Diệu Viên), trang 22
- **THÔNG TƯ V/V CỨU TRỢ NAN NHÂN HÒA HOẠN TẠI MAUI** (TV Từ Thiện XH), tr. 23
- **THẤT CHÚNG ĐỒNG CÂU HỘI** (thơ TN Giới Định), trang 24
- **NGƯỜI TRÍ THỨC ĐẠO PHẬT QUA PHONG CÁCH DUY MÃ CẬT** (Huỳnh Kim Quang), tr. 25
- **VẮNG LẶNG TỢ HƯ KHÔNG** (thơ Đồng Thiện), trang 29
- **TỶ-KHEO** (Phật Pháp Thứ Năm – Nhóm Áo Lam), trang 30
- **"NGŨ UẨN GIAI KHÔNG" LÀ GÌ?** (TN. Hằng Như), trang 31
- **CHÙM THƠ "MẮT ĐẠO NHÌN ĐỜI"** (thơ Vĩnh Hữu Tâm Không), trang 34
- **THANH VĂN TẠNG ĐÃ ĐẾN ĐÀI LOAN** (Thích Trung Thành) trang 39
- **NỖI BUỒN TRẢI RA MÙA HẠ** (thơ Thy An), trang 43
- **GIỌT SƯƠNG ĐẦU CỎ** (Huê Trần), trang 44
- **VŨ ĐIỀU CHÀM DƯỚI ÁNH TRĂNG** (thơ Nguyễn An Bình), trang 45
- **ĐỔI PHÓ VỚI DỊ ỨNG** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 46
- **VÔ QUÁI NGẠI** (thơ Phượng Hồng), trang 47
- **NẤU CHAY: BÁNH CANH CÀ-RI** (Internet), trang 48
- **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N), trang 49
- **BỘN CƯỚP CHIA CỦA** (thơ TM Ngô Tăng Giao) trang 51
- **KINH NGHIỆM NIỆM PHẬT TRONG ĐỜI THƯỜNG** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 52
- **PHÍA TÀ DƯƠNG QUÊ NHÀ, GIÁC LIÊU TRAI** (thơ Tịnh Bình) trang 53
- **KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 10** (Thanh Huy), trang 54
- **CỘNG CHA NGHĨA MẸ NHƯ VẰNG NON CAO** (thơ Hoàng Thục Uyên), trang 57
- **HIỂU THẢO VỚI MẸ CHA ĐẦY ĐỦ CÓ BỐN PHẦN** (TL Đào Mạnh Xuân), trang 58
- **CHUNG QUANH BÀI THƠ HOÀNG HẠC LÂU CỦA THỜI HIỆU** (Lam Nguyễn), trang 59
- **CỜ TRÓI tập 1 – chương 5, t.t.** (truyện dài Vĩnh Hào), tr. 61
- **RẰM THÁNG BẢY DẰNG HƯƠNG** (thơ Thanh Nguyễn), trang 66
- **ĐỘNG MỐI TỪ TÂM** (Truyện cổ Phật giáo), trang 68

Báo Chánh Pháp số 142, tháng 09 năm 2023, do Chùa Quang Thiện (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

LẮNG XUỐNG GIÔNG BÃO TỰ TÂM

Mưa, được dự báo là do ảnh hưởng của cơn bão nhiệt đới từ tây nam, phía đông biển Thái Bình quét qua (*), sẽ rơi vào khoảng bốn giờ sáng, nhưng mãi đến bảy giờ mới bắt đầu nặng hạt. Mưa rơi một chặp rồi ngưng, mở ra một khoảng trời nắng sáng, rồi lại tiếp tục rơi với bầu trời âm u, xám ngắt. Mưa rì rả suốt ngày đêm mà trời không lạnh; vẫn hầm hập khí nóng những ngày cuối hạ, khi các trường học vừa vào niên khóa mới.

Người ta có thể dự phòng mọi thứ để chuẩn bị đối phó với thiên tai: giông bão, lũ lụt, động đất hay hỏa hoạn nếu được các đài khí tượng dự báo, cảnh báo sớm. Nhưng với những cơn thịnh nộ, sân si từ nội tâm con người, khó có thể dự đoán và kiềm chế ngoại trừ được giáo dục và huấn luyện thuần thực để giữ được tâm thái bình lặng, an nhiên.

Phương thức căn bản là định tâm (Chỉ) và quán tưởng (Quán).

Các phương pháp chánh niệm, đếm hơi thở, niệm danh Phật, v.v... đều thuộc *Chỉ*. Ở mức độ thâm sâu của *Chỉ*, có thể đi vào trạng thái/cảnh giới vô ngã. Trong khi đó, *Quán* với việc quán tưởng thuần thực bản chất của tâm và ngoại giới, cũng sẽ mở ra chân trời vô ngã đồng thời trải rộng lòng bi mẫn đối với tha nhân, xã hội. Tùy theo căn cơ, không nhất thiết phải theo tuần tự *Chỉ* trước *Quán* sau. Quan trọng là giải bỏ được vọng chấp về một cái tôi, về những sở hữu của tôi. Cái tôi càng mỏng, càng nhỏ thì lòng thương chúng sanh càng lớn. Ngược lại, những ai có cái tôi thật lớn, chỉ biết ái kỷ, vị kỷ... thì không thể nào biết thương yêu, đoái hoài đến kẻ khác, không những vậy còn lạm dụng, chiếm đoạt sở hữu và quyền lợi của kẻ khác để mưu cầu lợi ích cá nhân.

Biết chế ngự tâm thì sẽ giảm đi hoặc chấm dứt hẳn những tham vọng, cuồng nộ, sân hận, bần gắt, ganh tỵ, đố kỵ, si mê... vốn là những ngọn lửa tuy nhỏ, âm ỉ bên trong, mà có thể bùng phát một lúc nào đó, đốt cháy cả bản thân, gia đình, xã hội và cuộc đời. Nhưng nếu huấn luyện tâm như gỗ đá, trở lì trước nổi thống khổ

của chúng sanh, chưa hề mở lòng ra để bố thí, cứu giúp người nghèo đói hoạn nạn, san sẻ tài vật và kiến thức với kẻ thua kém... thì cũng nên xét lại về đạo nghiệp của mình.

Cửa ngõ đạo hạnh chỉ thực sự mở ra khi hành giả rung động trước nỗi đau cuộc đời. Không có lòng thương rộng lớn thì không thể bàn nói gì về cảnh giới vô ngã, niết-bàn. Nhưng làm gì thì làm, trước hết hãy lắng xuống những thịnh nộ, bùng xung của tự tâm. Tâm không bình chỉ tạo thêm rối loạn bất an cho cuộc đời.



(*) Hurricane Hilary, bão mang tên Hilary. Vào năm 1966 người ta cũng đặt tên Hilary một lần duy nhất cho cơn Áp thấp Nhiệt đới (Tropical Depression) quét vào đất liền từ Tây Nam Ấn Độ Dương. Còn ngoài ra, các cơn bão tên Hilary đều xuất phát từ Đông Thái Bình Dương. Cứ khoảng 6 năm là có một cơn bão Hilary. Bão Hilary (Hurricane Hilary) năm 2023 cũng xuất phát từ biển Đông Thái Bình, bắt đầu với tốc độ mạnh nhất là 145 mph (dặm/giờ) tức khoảng 233 cây số/giờ vào ngày 18/8, tốc độ giảm dần cho đến khi đổ bộ vào đất liền miền Nam California vào ngày 20/8, lúc đó chỉ còn là cơn Bão Nhiệt đới (Tropical Storm) với tốc độ 70 mph (112 km/giờ); ảnh hưởng nặng các vùng ven biển phía Nam, khiến gió to sóng lớn ở biển và mưa nặng hạt trên hầu hết các quận hạt miền Nam California, kéo dài đến rạng sáng ngày 21/8.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

HOA KỲ: Nils Martin Giành Giải thưởng Khyentse Foundation cho Luận án Tiến sĩ Xuất sắc về Nghiên cứu Phật giáo

Quỹ Khyentse - một tổ chức phi lợi nhuận được thành lập bởi Lạt ma, nhà làm phim và tác giả người Bhutan đáng kính Dzongsar Jamyang Khyentse Rinpoche - đã thông báo rằng họ đã trao Giải thưởng Khyentse Foundation năm nay cho Nils Martin thuộc Trung tâm Nghiên cứu Các nền văn minh Đông Á (CRCAO) tại Paris. Nils Martin được đánh giá là tác giả của Luận án Tiến sĩ Xuất sắc về Nghiên cứu Phật giáo cho Châu Âu.

Quỹ Khyentse thông báo: Luận án của Martin có tiêu đề "Nhóm Di tích Wanla: Những bức tranh tường Phật giáo Tây Tạng thế kỷ 14 ở Ladakh"- được chuẩn bị tại trường École Pratique des Hautes Études (EPHE) ở Paris và được bảo vệ vào tháng 3-2022 - là một đóng góp tuyệt vời cho lịch sử nghệ thuật và Phật giáo ở Tây Hi Mã Lạp Sơn... Nó đại diện cho một đóng góp xuất sắc về nghiên cứu Phật giáo."

Quỹ Khyentse trao Giải thưởng 8,000 USD cho Luận án Tiến sĩ Xuất sắc về Nghiên cứu Phật học cho các tác giả của luận án Tiến sĩ xuất sắc trong 2 năm học trước. Để đủ điều kiện, luận án phải dựa trên nghiên cứu ban đầu và phải nâng cao đáng kể sự hiểu biết về chủ đề hoặc kinh điển Phật giáo được nghiên cứu. Giải thưởng này được trao cho các học giả ở châu Á và châu Âu trong các năm luân phiên.

(Buddhistdoor Global - August 9, 2023)

Nils Martin khảo sát trần của một bảo tháp cửa ngõ ở Nyoma, Ladakh (Ấn Độ) vào năm 2015

Photo: Khyentse Foundation



HOA KỲ: Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ vinh danh Nhà hoạt động xã hội Phật giáo người Bangladesh Rani Yan Yan

Nhà hoạt động xã hội Phật giáo nổi tiếng Rani Yan Yan - người đã vận động cho quyền con người và quyền của phụ nữ bản địa ở vùng đồi Chittagong của Bangladesh - là một trong 6 nhà hoạt động xã hội được công nhận tại Washington, DC, trong Lễ trao giải thưởng niên lần thứ nhất của Bộ trưởng Ngoại giao cho Các nhà Vô địch Chống Phân biệt chủng tộc Toàn cầu vào ngày 9-8-2023, trùng với Ngày Quốc tế của Người bản địa của Thế giới.

Yan Yan là lãnh đạo của các cộng đồng Chakma và Marma chủ yếu theo Phật giáo - lần lượt là cộng đồng lớn nhất và lớn thứ hai trong số 11 nhóm sắc tộc ở Vùng đồi Chittagong - phần lớn trong số họ theo Phật giáo Nguyên thủy. Đôi khi gặp rủi ro cá nhân rất lớn, hoạt động của Yan Yan đã thu hút được sự chú ý của quốc tế đối với những cuộc đấu tranh của cộng đồng của cô và đối với bạo lực chống lại các nhóm thiểu số ở đất nước Bangladesh.

Bên cạnh sự dũng cảm ủng hộ quyền của người bản địa, Yan Yan, một Phật tử thực hành vốn trước đây xuất gia với tư cách là một nữ tu sĩ, đã lọt vào vòng chung kết của Giải thưởng



Phụ nữ Xây dựng Hòa bình của Viện Hòa bình Hoa Kỳ vì những nỗ lực của cô nhằm trao quyền cho phụ nữ bản địa và thúc đẩy hòa bình ở vùng đồi Chittagong. Cô là cựu sinh viên của Chương trình Đào tạo Ngoại giao tại Đại học New South Wales (Úc), và tốt nghiệp Diễn đàn Châu Á Thái Bình Dương về Phụ nữ, Luật và Phát triển về Lý thuyết và Thực tiễn Pháp lý về Nữ quyền.

(Buddhistdoor Global - August 10, 2023)



Nhà hoạt động xã hội Bangladesh Rani Yan Yan và Ngoại trưởng Hoa Kỳ Antony Blinken



Rani Yan Yan phát biểu khi nhận giải



Lễ trao Giải Thưởng niên Đâu tiên của Bộ trưởng Ngoại giao cho các Nhà Vô địch Chống Phân biệt chủng tộc Toàn cầu

Photos: youtube.com

TÍCH LAN: Đạp xe khám phá mạng mạch Phật giáo từ Nepal - Ấn Độ - Colombo

Tại Tích Lan, các kế hoạch đang được tiến hành để tổ chức một chuyến thám hiểm bằng xe đạp dọc theo mạng mạch Phật giáo từ Nepal qua Ấn Độ đến Colombo, thủ đô Tích Lan.

Một cuộc thảo luận sơ bộ đã được tổ chức với Thủ tướng Dinesh Gunawardena về vấn đề này.

Chuyến thám hiểm bằng xe đạp được đề xuất nói trên sẽ được tổ chức từ Lâm Tì Ni, nơi đàn sinh của Đức Phật ở Nepal, qua những nơi thờ phụng Phật giáo linh thiêng ở Ấn Độ đến Colombo với sự tham gia của 3 lực lượng vũ trang Tích Lan, Ấn Độ và Nepal và thanh niên của 3 quốc gia này.

Hành trình đạp xe dự kiến tổ chức vào tháng 12 sẽ đi qua Câu Thi Na, Bồ Đề Đạo Tràng, Xá Vệ, Lộc Uyển và Sankassa nơi Đức Phật đã trải qua nhiều năm cách đây 2,600 năm. Nó cũng sẽ đi qua Ajanta và Ellora ở Bang Maharashtra, nơi nổi tiếng với những bức bích họa Phật giáo, và đến Nam Ấn Độ. Tại Rameswaram, hành trình sẽ vượt biển bằng phà sang Mannar và đến Colombo bằng đường bộ.

Đánh giá cao những nỗ lực của ban tổ chức cuộc thám hiểm bằng xe đạp nhằm tăng cường mối quan hệ tôn giáo và văn hóa giữa 3 quốc gia - Tích Lan, Nepal và Ấn Độ - Thủ tướng Dinesh Gunawardena tuyên bố bảo đảm sự hỗ trợ hoàn toàn của chính phủ cho hành trình xe đạp này.

(Daily Mirror - August 11, 2023)



Một đoạn của hành trình dọc theo mạng mạch Phật giáo Nepal - Ấn Độ - Colombo (Tích Lan)
Photo: hirunews.lk

NEPAL: Việc xây dựng Trung tâm Di sản và Văn hóa Phật giáo Quốc tế Ấn Độ chính thức bắt đầu

Việc xây dựng Trung tâm Di sản và Văn hóa Phật giáo Quốc tế Ấn Độ (IICBCH) chính thức bắt đầu tại Lâm Tì Ni ở Nepal vào ngày 6-8-2023.

Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi trong chuyến thăm Lâm Tì Ni năm 2022 đã cùng với người đồng cấp Nepal khi đó là Sher Bahadur Deuba đặt viên đá nền móng cho việc xây dựng Trung tâm Phật giáo này. Một năm sau, quy trình chính thức để bắt đầu xây dựng tòa nhà hiện đại với lượng khí thải carbon bằng không bắt đầu vào ngày 6-8 nói trên.

Hòa thượng Dhammapiya, Tổng thư ký của Liên đoàn Phật giáo Quốc tế (IBC) cùng với các nhà sư khác đã tham gia vào nghi lễ 'Bhoomi Pooja'.

Liên đoàn Phật giáo Quốc tế (IBC) ở New Delhi, Ấn Độ, đang giám sát việc xây dựng thực hiện trên lô đất được quỹ Uy thác Phát triển Lumbini (LDT) phân bổ theo thỏa thuận giữa IBC và LDT - ký vào tháng 3-2022.

Sau khi hoàn thành, trung tâm sẽ là một cơ sở đẳng cấp thế giới chào đón những người hành hương và khách du lịch từ khắp nơi trên thế giới đến thưởng thức tinh hoa của các khía cạnh tâm linh của Phật giáo. Tòa nhà hiện đại có hình bông sen nở này sẽ tuân thủ NetZero về xử lý năng lượng, nước và chất thải, đồng thời sẽ có các phòng cầu nguyện, các trung tâm thiền, thư viện, phòng triển lãm, quán ăn tự phục vụ, các văn phòng và các tiện nghi khác.

(Big News Network - August 8, 2023)



Nghi lễ Phật giáo 'Bhoomi Pooja' để chính thức bắt đầu việc xây dựng Trung tâm Di sản và Văn hóa Phật giáo Quốc tế Ấn Độ tại Lâm Tì Ni, Nepal
Photo: lbcWorldOrg

ẤN ĐỘ: Hội nghị quốc gia về Phật giáo Nalanda tại Leh

Hội đồng Truyền thống Phật giáo Nalanda vùng Hi Mã Lạp Sơn Ấn Độ (IHCNBT) tổ chức Hội nghị Quốc gia về Phật giáo Nalanda tại Leh, Ladakh vào ngày 11-8, các nhà tổ chức cho biết.

Có 3 chủ đề của Hội nghị, gồm: Phật giáo Nalanda-Truy tìm về cội nguồn theo dấu chân của các Đạo sư Nalanda/Acharyas; Phật giáo Nalanda-Lịch sử Triết học về sự hiểu biết của Bốn Truyền thống Chính: truyền thống Nyingma, Sakya, Kagyud và Geluk; Phật giáo Nalanda trong thế kỷ 21 : Ấn Độ là vùng đất của Đức Phật và Phật giáo đã ban tặng hệ thống tri thức triết học như một món quà cho thế giới.

Mục tiêu của hội nghị về Phật giáo Nalanda là thiết lập lại nguồn gốc của Phật giáo về vùng đất xuất xứ của tôn giáo này và về trung tâm học tập vĩ đại của Đại học Nalanda ở Ấn Độ.

Hội nghị có khoảng 550 đại biểu bao gồm chư tăng ni các cấp và Học giả từ tất cả các Bang vùng Hi Mã Lạp Sơn và từ nhiều vùng khác nhau của Ladakh UT.

Hội nghị Quốc gia về Phật giáo Nalanda tại CIBS, Chogalmsar, Leh, UT Ladakh sẽ được khai mạc bởi Phó Thống đốc Lãnh thổ Liên minh Ladakh với sự hiện diện linh thiêng của Đức Rinpoche Tôn kính, các học giả và chức sắc khác.

(ANI - August 14, 2023)



Hội nghị quốc gia về Phật giáo Nalanda tại Leh, Ấn Độ
Photo: ANI

HOA KỲ: Những ngôi chùa Phật giáo cổ kính bị hủy hoại trong trận cháy rừng tàn khốc trên đảo Maui

Ba tòa nhà Phật giáo cổ kính đã bị hủy diệt do trận cháy rừng đã tàn phá phần lớn thành phố Lahaina, trên hòn đảo Maui -

đảo lớn thứ hai của Hawaii, vào ngày 8-8-2023.

Năm trong số hơn 1,700 tòa nhà bị phá hủy bao gồm 3 khu chùa của Giáo hội Lahaina Shingon (Chùa Hokoji) được thành lập vào năm 1902, Giáo hội Lahaina Hongwanji có từ năm 1904 và Giáo hội Lahaina Jodo được thành lập vào năm 1912.

Số người chết trong vụ hỏa hoạn đã vượt quá 100, với khoảng 1,300 người vẫn mất tích. Đám cháy rừng lan xuống sườn đồi về phía thị trấn ven biển Lahaina, nơi có dân số 12,702 người.

Các cuộc gây quỹ trực tuyến đã được thành lập cho cả 3 tổ chức Phật giáo này.

(Buddhistdoor Global - August 18, 2023)



Giáo hội Lahaina Jodo, trước và sau trận cháy rừng
Photo: [gofundme.com](https://www.gofundme.com)



Ảnh chụp một khu của thành phố Lahaina ở đảo Maui bị hủy hoại bởi cháy rừng
Photo: [reuters.com](https://www.reuters.com)



HOA KỲ: Chi nhánh Hội Phật giáo Từ Tế tại Hoa Kỳ tổ chức cứu trợ thiên tai cho Maui với quỹ đối ứng trị giá 1 triệu USD

Từ Tế Hoa Kỳ (Tzu Chi USA), một chi nhánh của Hội Phật giáo Từ Tế - tổ chức nhân đạo và từ thiện toàn cầu có trụ sở tại Đài Loan - gần đây đã chia sẻ rằng: Mạng lưới tình nguyện viên của họ ở Hoa Kỳ đã được huy động để phản ứng đáp lại đối với những trận cháy rừng chết người vốn tàn phá hòn đảo lớn thứ hai của Hawaii, đảo Maui, kể từ đầu tháng Tám. Tổ chức này đã công bố một sáng kiến gây quỹ có tên là "Giúp Chữa lành Maui", với quỹ tương ứng trị giá 1 triệu đô la Mỹ để quyên góp.

"Các tình nguyện viên cứu trợ của Từ Tế đã nhanh chóng huy động để đối mặt với thách thức chưa từng có này," Từ Tế Hoa Kỳ tuyên bố. "Chúng tôi

đang hợp tác chặt chẽ với Hội Hồng Thập Tự Hoa Kỳ, Đội Cứu tế Từ thiện và các cơ quan địa phương để cung cấp viện trợ ngay lập tức. Hơn nữa, chúng tôi đang lên kế hoạch phân phối thẻ tiền mặt khẩn cấp để hỗ trợ trực tiếp những người bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi thảm họa này.

"Cho đến ngày 30 tháng 9, tất cả các khoản quyên góp cho 'Giúp Chữa lành Maui' sẽ được kết hợp lên tới 1 triệu đô la Mỹ," Từ Tế Hoa Kỳ cho biết thêm. "Hãy lan tỏa đóng góp của bạn và nhân đôi sự tác động."

Từ Tế Hoa Kỳ lưu ý rằng các tình nguyện viên từ Khu vực Quần đảo Thái Bình Dương đang tổ chức việc đáp ứng cứu trợ thiên tai để bảo đảm về sự phân phối thẻ tiền mặt khẩn cấp cho các cá nhân và gia đình bị ảnh hưởng bởi đám cháy.

(Buddhistdoor Global - August 17, 2023)



Ảnh minh họa cho sáng kiến gây quỹ "Giúp Chữa lành Maui" của Hội Từ Tế—Photo: [tzuchi.org](https://www.tzuchi.org)



TRỞ VỀ MỤC LỤC

THU VỀ

Mây chiều tháng bảy lập lòe trôi,
Góc nhỏ đêm về vẫn lặng coi...
Quanh quẽ Người xa niềm khó đời,
Trầm tư dạ não cảnh hoang bồi.
Quê nghèo mấy thuở thâm bao nỗi,
Gạo hẩm nhiều lần khổ khúc noi.
Mãi hỏi chưa đền... xưa thế vội!
Khi nào đáp trọn!... cả đời tôi...

MẸ GIỮA ĐỜI

Bên thêm tiết lạnh ngấm ngâu rơi!
Vắng vẻ phòng không... Mẹ giữa đời.
Ước tận, con hoài tâm lắng lợi,
Mơ thắm, cháu sống nghĩa đừng rơi.
Từ bi giác ngộ luôn cùng khởi,
Nhân cách soi đèn chớ vội ngại.
Dưỡng dục ân thâm hằng rõ bởi,
Bao thu khuất bóng vẫn đương thời...

NỖI NÀO VỜI

Thu về nhớ Mẹ chẳng hề rơi,
Lấy đức thâm gieo giữa cảnh đời.
Cũng khó sai lầm ham mối lợi,
Chưa từng giận dữ để tình rơi.
Dù đang thiếu, chữa than sâu hỏi!
Dẫu vẫn nghèo, chùn xót khổ rơi?
Trách nhiệm gia nường nên sống bởi,
Giờ đây cháu chắt thâm ơn Người.

thơ

MINH ĐẠO

THÁNG BẢY VỀ

Mây mùa tháng bảy nổi tuôn về
Vắng Mẹ trong đời cảnh mãi thê
Những buổi chiều lên ngôi tựa ghé
Bao thời ngày lụn lợi triển khê
Giàn nan ngấm cá chưa hề kể
Lặn đặng suy cùng chữa trách chê
Vạn chuyện nơi người không khó để
Hàng nường lối xóm nhận thân kê

XA NGƯỜI

Xa Người mãi mãi cháu con trông!
Dưỡng dục ân thâm quận nổi lòng.
Hạ trắng khoai ngô quang gánh lộng,
Đông buồn ruộng rẫy tám lưng cong.
Tiêu điều bốn vách nhà đang hỏng,
Vắng lặng tứ phương dáng vẫn không.
Cũng ngấm duyên xưa nay nghiệp cộng,
Nhưng rồi lại quanh ẩm niêm hong.



NHỮNG YẾU ĐIỂM CỦA TƯ TƯỞNG DUY THỨC

HT. Thích Thắng Hoan

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

II.- GIÁ TRỊ CỦA THỨC MẠT NA: (Nhân Sanh Luận)

Thức Mạt Na là dịch âm từ chữ Phạn Manas, nghĩa là Ý. Mạt Na so với Ý Thức thứ sáu thì thuộc về hàng thứ bảy, nên gọi là Thức thứ bảy. Sự quan hệ của Thức Mạt Na với Ý Thức và Thức A Lại Da được nhận định như sau:

a)- Sự Quan Hệ Với Ý Thức:
1)- Thức Mạt Na nếu không có để làm Căn Thắng Nghĩa (Manas sense) thì Ý Thức không thể nhận thức vạn pháp, cũng như Nhãn Căn (Eye sense) nếu như không có thì Nhãn Thức không thể nhìn thấy vạn pháp.

2)- Thức Mạt Na nếu như không có góp mặt chỉ đạo thì Ý Thức không có những hành động so đo chấp trước, tính toán thiệt hơn, chọn lựa phải quấy mỗi khi nhận thức vạn pháp; nguyên vì bản chất của Ý Thức chỉ hiểu biết vạn pháp qua sự nhận định phân biệt.

3)- Thức Mạt Na nếu như không có thì khi Ý Thức nhận thức xong sự vật đối tượng không có ai mang những hình ảnh đó vào cất trong kho A Lại Da để lưu trữ hồ sơ làm dữ kiện, nguyên vì Ý Thức không thể quan hệ trực tiếp được Thức A Lại Da nếu như không có Thức Mạt Na làm trung gian giao cảm. Hơn nữa ngoài Thức Mạt Na cũng không ai có thể cung cấp những hình ảnh trong kho A Lại Da cho Ý Thức nhớ lại mỗi khi cần đến. Vì sự quan hệ mật thiết với Ý Thức, Thức Mạt Na còn có tên khác nữa là Thức Truyền Tống. Thức Truyền Tống nghĩa là tâm thức có nhiệm vụ thu nhận những nghiệp lực cùng với những nghiệp tướng của vạn pháp đem vào (truyền vào) cất trong kho A Lại Da và cũng như có nhiệm vụ mang lên (tổng lên) những hình ảnh nghiệp tướng của vạn pháp trong kho A Lại Da trình diện cho Ý Thức hồi tưởng.

Sự quan hệ giữa Thức Mạt Na với Ý Thức và Thức A Lại Da cũng tương tự như sự quan hệ của keyboard với monitor và hard drives nơi hệ thống computer. Thức Mạt Na thí dụ như keyboard, Ý Thức thí dụ như monitor và Thức A Lại Da thí dụ như hard drives. Những tài liệu trên màn ảnh monitor (Ý Thức) nếu như không có keyboard (Mạt Na) để viết lên thì không thành tài liệu và nếu như

không có keyboard (Mạt Na) thì không ai save những tài liệu trên màn ảnh đó đem cất vào hard drives (A Lại Da). Cho đến heyboard (Mạt Na) nếu như không có hard drives (A Lại Da) làm kho chứa thì không biết đem những tài liệu nói trên cất vào chỗ nào để được an toàn.

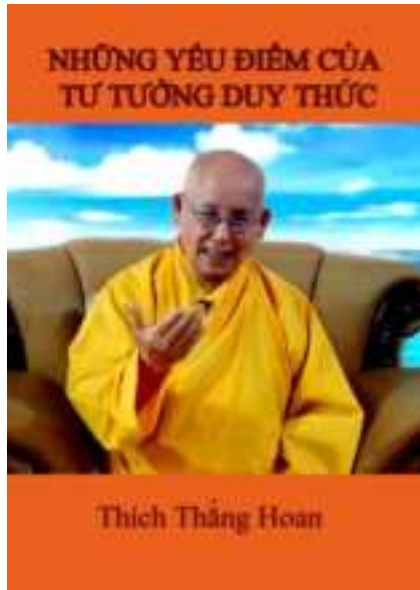
4)- Thức Mạt Na nếu như không có thì Ý Thức không thể nào nhớ lại được những kỷ niệm dĩ vãng mỗi khi cần đến, nguyên vì không có ai cung ứng những kỷ niệm thân thương đó cho Ý Thức hoài niệm.

5)- Thức Mạt Na nếu như không có thì không ai quản lý các hạt giống tài liệu nghiệp tướng và nghiệp lực thiện ác trong kho A Lại Da mà trong kinh thường cho Thức này là loại thức chấp trước ngã pháp.

b)- Sự Quan Hệ Với Thức A Lại Da:

1)- Thức Mạt Na nếu như không có để làm Căn Thắng Nghĩa (Manas sense) thì Thức A Lại Da không thể nào sinh hoạt để xây dựng và bảo trì vạn pháp hiện hữu trong thế gian. Cho đến Thức Mạt Na nếu như không có Thức A Lại Da làm Căn Thắng Nghĩa (Alaya sense) thì không thể sinh hoạt để quản lý vạn pháp. Căn Thắng Nghĩa của Thức Mạt Na và của Thức A Lại Da nhà Duy Thức gọi là Căn Hỗ Tương (correlation sense).

2)- Thức Mạt Na nếu như không có thì không ai điều khiển sự sanh lý của các thực vật. Cây cỏ, v.v... cũng có tình yêu, có sanh lý như con người mà kẻ điều khiển tình yêu của cây cỏ, v.v... theo Duy Thức Học chính là Thức Mạt Na, cũng giống như kẻ điều khiển tình yêu, điều khiển sanh lý của các loài động vật, của con người chính là Ý Thức. Thí dụ, con người có nam tính và nữ tính mà kẻ điều khiển tình yêu nam nữ của con người chính là Ý Thức; thì đây cũng vậy, cây cỏ, v.v... đều có giống đực và giống cái, có dương và có âm mà kẻ điều khiển hai giống đó hòa hợp với nhau để sanh sản phát triển chính là Thức Mạt Na chủ trì, cho nên các nhà khoa học thường gọi sự hành động này của Thức Mạt là sinh hoạt bản năng. Sự sinh hoạt bản năng là sự sinh hoạt không có Ý Thức hợp tác. Điển hình như cây Trinh Nữ tức là cây hổ thẹn (cây mắc cỡ), người ta khi đụng đến nó tức thì lá của nó tự động xếp rạp vào nhau và rũ xuống giống con người e thẹn. Hành động e thẹn



của cây Trinh Nữ, theo Duy Thức Học chính là hành động của Thức Mạt Na. Cũng theo Duy Thức Học, tất cả động vật kể cả loài người trong Dục Giới đều có tám Tâm Thức hiện hữu sinh hoạt trong thế gian. Riêng tất cả thực vật chỉ có hai Tâm Thức, Tâm Thức A Lại Da hiện hữu để duy trì sanh mạng thực vật tồn tại trong thế gian và Tâm Thức Mạt Na để điều khiển mọi sự sinh hoạt của thực vật sanh trưởng trong thế gian. Vì lý do đó, trong Kinh thường nói: "Tinh dữ vô tình đồng thành Phật đạo," nghĩa là loài hữu tình và vô tình tất cả đều thành Phật đạo.

3)- Thức Mạt Na nếu như không có thì nhất định không ai điều khiển những chủng tử thiện ác trong kho tàng A Lại Da sanh khởi để báo ứng đúng theo luật nhân quả. Thức A Lại Da muốn xây dựng một chủng tử nào đúng theo luật nhân quả nghiệp báo thì phải nhờ Thức Mạt Na chỉ điểm, nghĩa là Thức Mạt Na muốn cho chủng tử thiện ác nào sanh khởi trước để trả quả báo thì Thức A Lại Da y theo sự chỉ dẫn của Thức Mạt Na này chun vào chủng tử đó xây dựng thành hình tướng nhân quả để thọ nhận sự báo ứng tốt xấu nơi kiếp tái sanh. Nhờ sự sắp xếp chỉ dẫn của Thức Mạt Na, Thức A Lại Da xây dựng chủng tử thiện ác trước sau có thứ tự theo định luật nhân quả nghiệp báo chỉ đạo và nếu không được sự chỉ dẫn của Thức Mạt Na thì Thức A Lại Da không biết chủng tử thiện ác nào nên xuất hiện trước và chủng tử thiện ác nào nên xuất hiện sau để không lầm lẫn, không mâu thuẫn với nhân quả nghiệp báo.

4)- Một chủng tử thiện ác nào sau khi được chọn lựa sanh khởi thì Thức A Lại Da có nhiệm vụ xây dựng thành một sanh mệnh và bảo trì sanh mệnh của chủng tử đó tồn tại trong thế gian để hưởng thọ quả báo, đồng thời Thức Mạt Na có nhiệm vụ bảo vệ sanh mệnh đó trên cuộc hành trình cảm thọ báo ứng không cho bất cứ thế lực ngoại vi nào chen vào cản trở sự báo ứng nói trên mà Phật Giáo cho hành động này của Thức Mạt Na là chấp ngã chấp pháp và khoa học thường gọi là "sanh hoạt bản năng tự vệ."

Thí dụ, như người đang ngủ mê, chúng ta lấy lông gà se vào mặt họ thì nhận thấy họ lấy tay gãi chỗ bị ngứa một cách tự nhiên không Ý Thức, hoặc chúng ta gãi nhẹ nơi bàn chân của họ thì lúc đó họ lấy chân đá tránh né một cách tự nhiên mà không hay biết ai chọc phá. Cử chỉ của người ngủ mê nơi thí dụ trên chính là hành động bản năng tự vệ của Thức Mạt Na chấp ngã không có sáu Thức Trước hợp tác.

5)- Bản chất của Thức Mạt Na là tánh bình đẳng, cho nên mỗi khi tiếp nhận tất cả ảnh tử vạn pháp của Ý Thức cung cấp đem cất vào kho A Lại Da hoàn toàn không phân biệt nhân ngã bỉ thử, không khen chê hạt giống thiện ác, tốt xấu, sang hèn, bần tiện, thấp cao, nghĩa là không tử nan, không đảo thái một hạt giống nào của tất cả pháp. Chẳng những thế, khi giúp đỡ Thức A Lại Da xây dựng các chủng tử thiện ác sanh khởi trong thế gian, Thức Mạt Na cũng không thiên vị chê bỏ một loại chủng tử nào cả. Bao nhiêu dữ kiện này cũng chứng minh được tánh bình đẳng của Thức Mạt Na.

6)- Đúng về nhân sanh luận, sự chấp ngã và ngã sở của Thức Mạt Na là hành động của nhân sanh. Nhờ sự chấp ngã và ngã sở của Thức Mạt Na, con người mới có cạnh tranh để sanh tồn,

khoa học xã hội mới có thi đua để phát triển, nhân cách mới được tiến bộ; cũng nhờ sự chấp ngã và ngã sở của Thức Mạt Na, quốc gia dân tộc mới được thành lập, tôn giáo và đảng phái mới được xây dựng. Hành động chấp ngã và ngã sở này của Thức Mạt Na chỉ có tánh cách sinh hoạt bản năng tự tồn của tư ngã chưa hẳn hoàn toàn tội lỗi. Chỉ khi nào sự chấp ngã và ngã sở của Thức Mạt Na bị nghiệp ái dục điều khiển thì lúc đó nào ngã si, ngã kiến, ngã mạn, ngã ái thì đua xuất hiện lôi cuốn con người đi vào con đường tội lỗi, nào hành động hẹp hòi, tự lợi, làm quan thì tham ô hại dân, v.v...

Thí dụ như vấn đề ăn, mặc và ở của con người thì không có tội lỗi, nhưng con người trong khi thực hiện ăn, mặc và ở lại bị nghiệp tham lam chi đạo thì hành động trở nên tội lỗi nào tham ăn, tham mặc và tham ở rất xấu xa. Như ngoài đời nam nữ yêu nhau là chuyện bình thường, nhưng trong khi kết duyên để yêu nhau con người bị nghiệp ngã si chi đạo thì lúc đó mình nhìn người yêu khi họ sút môi vẫn thấy đẹp, khi họ lợi dụng vẫn thấy trung thành.

Còn đứng về phương diện giải thoát luận của Phật Giáo, sự chấp ngã và ngã sở của Thức Mạt Na đều là nguyên nhân của sự sanh tử luân hồi trong ba cõi, nguyên vì tất cả pháp đều là duyên sanh vô ngã: đất không phải là ngã của con người mặc dù không có đất góp mặt con người không thể thành hình, cho đến, nước, gió, lửa, nghiệp lực, nghiệp tướng và Thức A Lại Da cũng vậy. Bảy nhân tố đó duyên hợp nhau lại mới thành con người, cho nên con người hiện hữu là thuộc loại duyên sanh vô ngã. Chẳng những thế cho đến vạn pháp hiện hữu trong ba cõi cũng đều là duyên sanh vô ngã cả.

Theo Duy Thức Học, con người muốn xóa bỏ sự chấp ngã và ngã sở của Thức Mạt Na thì phải giải thể nguồn gốc ngã si, ngã kiến, ngã mạn, ngã ái do tham dục điều khiển và muốn giải thể nguồn gốc ngã si, ngã kiến, ngã mạn, ngã ái thì trước hết phải hóa giải sáu hạt giống Phiền Não căn bản trong kho A Lại Da cho được trong sạch. Hơn nữa con người muốn hóa giải sáu hạt giống Phiền Não căn bản thì đầu tiên phải cắt đứt và tẩy sạch hai mươi hạt giống Tuỳ Phiền Não thuộc tay chân của sáu Phiền Não căn bản này không còn dấu vết trong kho A Lại Da. Được như thế thì sáu Phiền Não căn bản không còn chỗ dựa để thao túng thị trường và ngay lúc đó nguồn gốc ngã si, ngã kiến, ngã mạn, ngã ái không còn chỗ nương tựa, liền bị giải thể ngay, Thế là Thức Mạt Na được giải thoát bệnh chấp trước nơi ngã và ngã sở. Từ đó Thức Mạt Na chuyển dần thành Trí Bình Đẳng Tánh trong bốn trí của Phật đạo.

III.- GIÁ TRỊ CỦA TẠNG THỨC A LAI DA:

(Vũ Trụ Luận)

Thức A Lại Da là dịch âm từ chữ Phạn Alaya, nghĩa là Tạng Thức, dịch theo tiếng Việt nghĩa là Thức Chứa. Thức A Lại Da so với thức Mạt Na thứ bảy thuộc về hàng thứ tám, cho nên cũng gọi là Thức thứ tám.

Giá trị của Tạng Thức A Lại Da nhà Duy Thức gọi là Thức Căn Bản (Foundation Consciousness), nghĩa là vạn pháp trong ba cõi nếu như không có Tạng Thức A Lại Da tàng trữ những hạt giống để làm nhân sanh khởi thì chúng nó không có mặt trong tất cả vũ trụ. Tạng Thức A Lại Da thì thuộc

về thể động. Giá trị của Tạng Thức A Lại Da được nhận định như sau:

A)- Tạng Thức A Lại Da có giá trị trên hai phương diện: phương diện Thức Thể và phương diện Thức Tướng.

1)- Phương Diện Thức Thể:

Thức Thể A Lại Da có ba nghĩa: Năng Tạng, Sở Tạng và Ngãi Ái Chấp Tạng.

*)- Năng Tạng nghĩa là Thức Thể A Lại Da có công năng tàng trữ và bảo tồn tất cả hạt giống thiện ác vạn pháp trong ba cõi.

*)- Sở Tạng nghĩa là kho chứa. Thức Thể A Lại Da là cơ sở dung chứa tất cả hạt giống thiện ác vạn pháp của tất cả chúng sanh trong ba cõi.

*)- Ngãi Ái Chấp Tạng, nghĩa là Thức Mặt Na luôn luôn mê chấp Thức Thể A Lại Da một cách luyến ái cho là Ngã của mình. Thức Thể A Lại Da do có ba nghĩa này, nên gọi là Tạng Thức A Lại Da. (Xem lại *Bát Thức Quy Củ Tụng*, trang 83, của Thích Thắng Hoan giảng giải).

a)- Tạng Thức A Lại Da (Sở Tạng) là miếng đất bằng chất liệu tâm thức để cho tất cả hạt giống thiện ác vạn pháp của tất cả trong ba cõi làm chỗ nương tựa sanh khởi. Tâm Địa Tạng Thức A Lại Da này nếu như không có thì những hạt giống thiện ác vạn pháp của tất cả chúng sanh trong ba cõi không biết nương tựa vào đâu để góp mặt trong thế gian. Vấn đề này cũng tương tự như quả địa cầu mà chúng ta đang ở là miếng đất phì nhiêu để cho loài người và vạn vật cỏ cây sông núi, v.v... nương tựa sanh khởi, cho nên Tạng Thức A Lại Da được gọi là Tâm Địa. Điều này cũng giống như Tạng Như Lai là Tâm Địa của chư Phật chánh báo và các cảnh giới y báo chân như pháp tánh của các ngài nương tựa hiện khởi. Tạng Như Lai nếu như không có thì nhất định không có chư Phật chánh báo và các cảnh giới y báo chân như pháp tánh trong mười phương ảnh hiện.

Điều đặc biệt, sự sanh khởi những hạt giống thiện ác của vạn pháp trong ba cõi từ nơi Tạng Thức A Lại Da khác hơn sự sanh khởi những hạt giống của loài người, của vạn vật cỏ cây sông núi, v.v... từ nơi miếng đất phì nhiêu của quả địa cầu. Sự sanh khởi những hạt giống loài người, của cỏ cây sông núi, v.v... nương tựa và phát sanh từ miếng đất phì nhiêu vượt lên ra khỏi mặt đất. Ngược lại, những hạt giống của vạn pháp trong ba cõi lớn lên trong nội tại (tức trong ruột) của Tạng Thức A Lại Da và chọn lấy không gian của Tạng Thức A Lại Da làm môi trường sống cho tất cả pháp, cho nên Tạng Thức A Lại Da là y tha khởi (làm chỗ sanh khởi) của vạn pháp; trường hợp này cũng giống như các loài thủy tộc, như loài cá, v.v... đều lớn lên trong nội tại của khối nước và ngoài khối nước không có các loài thủy tộc; cho đến loài người lớn lên trong không khí và ngoài

không khí không có loài người. Khối nước là môi trường sống của các loài thủy tộc và không khí là môi trường sống của loài người.

Tạng Như Lai cũng giống như Tạng Thức A Lại Da. Chư Phật thuộc chánh báo và các cảnh giới thuộc y báo chân như pháp tánh của các ngài đều hiện hữu trong nội tại (tức trong ruột) của Tạng Như Lai và chọn lấy không gian của Tạng Như Lai làm môi trường sống của các ngài.

Theo *Đại Thừa Khởi Tín* của Hòa Thượng Thiện Hoa dịch giải, Tạng Như Lai và Tạng Thức A Lại Da đều hiện hữu trong nội (tức trong ruột) của Tâm Chân Như, gọi tắt là Chân Tâm và chọn lấy Tâm Chân Như làm thể của mình, nên gọi Tâm Chân Như là thuộc về thể tĩnh. Cũng theo *Đại Thừa Khởi Tín*, Tâm Chân Như chính là khối năng lực vô tướng bao trùm cả không gian của Thế giới Chân Như chư Phật trong mười phương và cả không gian của vạn pháp trong ba cõi.

b)- Phần đông các nhà Triết Học Duy Vật cho rằng: Tất cả hạt giống vạn pháp được tàng trữ và bảo trì trong cơ quan sanh lý của não bộ để phát sanh, khi các tế bào lại hoạt động thể hiện thì phát khởi tác dụng.

Lỗi giải thích này không được chính xác, nguyên vì não bộ ước lượng chỉ độ một tắc vuông, không độ bền và theo tế bào sanh diệt biến hóa luôn để hiện hữu không thể nào tàng trữ và bảo trì tồn tại tất cả hạt giống vạn pháp vũ trụ bao la khắp cả ba cõi để sanh khởi theo luật nhân quả nghiệp báo (Law of Cause and Effect). Lỗi giải thích này không chính xác được thấy trong quyển *Khái Luận Về Pháp Tướng Duy Thức Học* của Đại sư Thái Hư, do Thắng Hoan dịch, trang 84 - 85: "Thử hỏi não bộ ước lượng chỉ độ một tắc vuông thì làm sao có thể bảo trì và tàng trữ những vật quá to tát rộng lớn bao la như nhà cửa, vũ trụ, biển cả, nước non, v.v... cho đến chỗ rất xa tít mù kia có thể nhìn thấy được? Thử hỏi làm cách nào mà đem nhà cửa, vũ trụ, biển cả, nước non đã nhìn thấy dồn nhét vào não bộ chỉ độ một tắc vuông? Giả sử nói rằng: não bộ bảo trì và tàng trữ sự vật cũng không khác nào máy nhiếp ảnh thu ảnh vào, nhưng máy nhiếp ảnh chỉ thu được ảnh từ hình bóng sự vật mà không thể đo lường được vấn đề lớn nhỏ của sự vật. Trường hợp như Nhãn Thức thì thấy được và đo lường được vấn đề lớn nhỏ của sự vật, nhưng máy nhiếp ảnh thì không có khả năng đó. Hơn nữa hình ảnh của máy nhiếp ảnh thì lẫn lộn, không theo thứ tự như não bộ." Bao nhiêu dữ kiện đó cũng đủ hững hờ minh não bộ không có khả năng tàng trữ và bảo trì tất cả hạt giống vạn pháp.

c)- Một số người lầm tưởng Thức Tướng A Lại Da trong mỗi thân thể con người, trong mỗi thân thể chúng sanh hữu tình là Thức chứa. Thức Tướng A Lại Da trong mỗi thân thể con người,



v.v... là thuộc về Kiến Phần (Phần tác dụng) của Thức Thể A Lại Da, gọi là Thức Dị Thực. Bản Chất của Thức này chuyển hóa liên tục không ngừng nghỉ, nghĩa là Thức này hằng chuyển như thác nước đổ xuống dốc để giúp cho chúng sanh nảy nở và phát triển, cũng như kiến phần dòng điện của nhà đèn chuyển hóa không ngừng để giúp cho các bóng đèn trong mỗi nhà cháy, sáng lên mãi không bị tắt. Cụ thể như trong mỗi con người từ lúc sanh ra cho đến khi già cả cũng như trong lúc thức cho đến trong lúc ngủ mê, trái tim của họ vẫn nhip đập liên tục không ngừng nghỉ, điều đó chứng tỏ Kiến Phần Thức A Lại Da của họ chuyển hóa liên tục để thúc đẩy trái tim vận chuyển liên tục không ngừng nghỉ, ngõ hầu giúp các cơ năng sinh hoạt cho sự sống. Vì bản chất biến động của Thức Tướng A Lại Da không thể nào tàng trữ bất một hạt nào của chúng sanh và nó cũng không phải là kho chứa bất biến.

d)- Điều đặc biệt, Sở Tạng A Lại Da mặc dù tàng trữ tất cả hạt giống thiện ác của tất cả chúng sanh trong ba cõi, nhưng trong đó có nhiều khu vực (sections) của mỗi chủng loại của mỗi cá nhân. Trong kho Sở Tạng A Lại Da, mỗi chúng sanh đều có đăng ký một khu vực riêng để cất giữ những hạt giống của chúng sanh đó do Thức Mạt Na thứ bảy của chúng sanh đó quản lý.

Thí dụ như bao nhiêu hạt giống thiện ác do anh A gây tạo qua thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp được Thức Mạt Na của anh A mang vào cất giữ ở khu vực của Sở Tạng A Lại Da chính do Thức Mạt Na anh A quản lý.

B)- Phương Diện Thức Tướng:

Còn Tướng trạng của Thức Tướng A Lại Da thì như thế nào? Thức Tướng A Lại Da chính là kiến phần, tức là phần tác dụng (activities) của Thức thể A Lại Da. Thức Tướng A Lại Da cũng có tên là Thức Dị Thực, biến tướng của Thức Thể A Lại Da nằm trong ngã tướng và pháp tướng của vạn pháp để xây dựng, duy trì sanh mạng của vạn pháp hiện hữu và tồn tại trong thế gian. Vạn pháp có bao biểu hình tướng khác nhau thì Thức Tướng của A Lại Da cũng biến thành theo nhiều hình tướng không giống nhau, thí dụ như Kiến Phần Thức A Lại Da chung vô nghiệp tướng con người thì biến tướng thành Thức Tướng con người, chung vô nghiệp tướng con bò thì biến tướng thành Thức Tướng con bò, chung vô nghiệp tướng con kiến thì biến tướng thành Thức Tướng con kiến, v.v...; Kiến phần Thức A Lại Da chung vô nghiệp tướng cỏ cây thì biến tướng thành Thức Tướng cỏ cây, chung vô nghiệp tướng sum la vạn tượng thì biến thành Thức Tướng sum la vạn tượng, v.v... Hiện tượng này cũng giống như năng lượng của điện không gian, chun vô con người gọi là nhân điện, chun vô thú vật gọi là động điện, chun vô cỏ cây thiên la vạn tượng gọi là tĩnh điện, chun vô bóng đèn gọi là đèn điện, chun vô quạt máy gọi là điện quạt máy, chun vô radio gọi là điện radio, chun vô truyền hình gọi là điện TV, v.v...

Thức Tướng A Lại Da đều có mặt trong tất cả chúng sanh để duy trì sanh mạng chúng sanh hiện hữu trong thế gian, cho nên trong Kinh Phật nói: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh," nghĩa là tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Phật nghĩa là giác ngộ và Tánh nghĩa là

tánh trí tuệ, kết luận Phật Tánh nghĩa là thể tánh trí tuệ giác ngộ của chư Phật. Thức Tướng A Lại Da trong tất cả chúng sanh đều có hàm lượng thể tánh trí tuệ Đại Viên Cảnh của chư Phật trong mười phương. Cũng từ đó trong Kinh Phật nói: "Nhất thiết chúng sanh đồng Thành Phật Đạo," nghĩa là tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật.

B)- Vấn đề Y Tha, Y là nương tựa và là đại danh từ theo Duy Thức Học là chỉ cho Thức A Lại Da thứ tám. Y Tha Khởi nghĩa là vạn pháp trong ba cõi phải nương nhờ nơi Thức A Lại Da che chở và xây dựng để được sanh khởi và góp mặt trong thế gian. Có học thuyết giải thích rằng: chữ Tha là đại danh từ chỉ cho Sắc Uẩn và chữ Y Tha nghĩa là vạn pháp duyên sanh đều nương nơi Sắc Uẩn để hiện khởi trong thế gian. Lập luận đó không được chính xác. Bản chất của Sắc Uẩn chính nó không thể tự sanh trưởng, không thể tự tồn tại trong thế gian, nếu như không có sự hiện hữu của Thức Tướng A Lại La (Thức Dị Thực) để duy trì sanh mạng, cũng từ ý nghĩa đó Sắc Uẩn trong loài người và cỏ cây, đất đá, v.v... không bao giờ ra ngoài giá trị như đã trình bày trên. Sắc uẩn trong thân thể con người nếu như không có tâm Thức hiện hữu thì tự chính nó không có chút cảm giác và sắc uẩn trong thân thể con người nếu như không có Thức Tướng A Lại Da hiện hữu thì dù cho khoa học tân tiến, y dược thần diệu, dinh dưỡng sung mãn đến đâu không thể cứu sống một sanh mạng đã ra đi. Mạng sống của con người và của sắc uẩn chính là nhờ Thức Tướng A Lại Da góp mặt để tồn tại, cho nên nhà Duy Thức mới gọi là Y Tha Khởi.

Tóm lại, Tạng Thức A Lại Da, trên mặt bản thể luận là Trí Tuệ Đại Viên Cảnh, biến tướng của Tạng Như Lai và lấy Tâm Chân Như (Chân Tâm) làm thể của mình; trên mặt hiện tượng luận, Tạng Thức A Lại Da thuộc về thể động cũng lấy Tâm Chân Như làm thể của mình và có giá trị tàng trữ, bảo tồn bất biến tất cả hạt giống (chủng tử) thiện ác của vạn pháp trong ba cõi, ngoài ra còn làm môi trường sống Không Đai để dinh dưỡng cho tất cả hạt giống nổi trên nảy nở, phát triển trên luật nhân quả nghiệp báo trong thế gian, cho nên nhà Duy Thức gọi Tạng Thức A Lại Da là Y Tha Khởi Tánh.

Giai đoạn sanh khởi, tất cả hạt giống thiện ác của vạn pháp trong ba cõi đều nương nơi Thức Tướng A Lại Da để phát triển. Thức Tướng A Lại Da nằm trong Nghiệp Tướng của tất cả vạn pháp được gọi là Thức Dị Thực để duy trì sanh mạng vạn pháp hiện hữu và tồn tại theo luận nhân quả quy định sanh tử. Giá trị của Thức Tướng Da Lại Da chính là Phật Tánh được biến tướng từ Trí Tuệ Đại Viên Cảnh của Tạng Thức A Lại Da. Chính vì tất cả hạt giống thiện ác của vạn pháp trong ba cõi nương nơi Thức Tướng A Lại Da để sanh khởi và phát triển, cho nên nhà Duy Thức gọi Thức Tướng A Lại Da là Y Tha Khởi Tánh.

(còn tiếp)





KHI THẤY TÂM BÌNH ĐẲNG

Nguyễn Giác

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Giới lớn nhất là giới bình đẳng. Phải thấy tâm bình đẳng. Phải giữ tâm bình đẳng. Hòa Thượng Thích Tịch Chiếu đã nói với tôi như thế từ nhiều thập niên trước. Bản thân tôi vốn là một kẻ tối dạ, nên đã choáng váng ngay từ khi nghe câu nói đó. Tôi thấy như dường những lời dạy như thế chỉ có trong ruyền thống Phật Giáo Trung Hoa và Việt Nam, và đặc biệt là Thiền Tông. Tôi tự nhủ là phải học Anh văn để tìm đọc Kinh Phật từ các nguồn khác để hiểu tới nơi tới chốn, và cũng vì văn phạm tiếng Anh luôn luôn rõ nghĩa, minh bạch hơn. Nơi đây, tôi chỉ dám nói là dò theo Kinh điển, không dám nói là chứng ngộ gì hết.

Để thấy tâm bình đẳng là một tiến trình rất lâu dài. Thực ra, không có gì bí ẩn hết, bởi vì bài Bát Nhã Tâm Kinh đã nói minh bạch rồi, rằng tất cả các pháp vốn thực sự bình đẳng trong cái nhìn của một hành giả khi thấy năm uẩn tức là không. Nghĩa là, trong tánh Không, hay trong Không tánh, không có gì dị biệt nhau giữa ta và người, không cách biệt gì giữa người nhìn hoa và hoa được ngắm. Chữ tổ đã nói như thế. Nhưng từ việc tụng bài Bát Nhã Tâm Kinh hàng ngày cho tới khi hết nhiên đồn ngộ là một chặng đường rất dài.

Dòng chữ mà độc giả vừa đọc là một nghịch lý, xin đọc kỹ lại, bởi vì nói rằng từ tụng kinh tới khi hết nhiên đồn ngộ là một chặng đường rất dài. Chỉ có nghĩa là, phải chuẩn bị lâu dài, phải có giới, phải có định, và phải có tuệ, tới một khoảnh khắc thì đột nhiên thấy được thân và tâm của mình thực sự là Không, đi đứng nằm ngồi chỉ là một khối lung linh hiển lộ của Không, và trong tâm vắng bật mọi nghĩ ngợi tư lường. Nghĩa là, một cách tự động, hể trong tâm vừa chợt khởi lên hình ảnh của Đức Phật thì hình ảnh đó được thấy biến mất ngay trong cái nhìn của tâm bình đẳng này. Nơi tâm rất mực thanh tịnh của tánh Không này đã không còn thấy có bờ này hay bờ kia. Khi không còn thấy bờ nào nữa, lúc đó là gặp Phật thì giết Phật, nhưng vẫn phải giả vờ khuyến tấn người tụng kinh và lạy Phật để lấy phước đức. Lúc bấy giờ, có khuyên người ngồi tập thở, hay khuyên người tập sống tịnh thức cũng chỉ vì có nhiều người chưa đủ duyên để vào cửa Tổ sư. Tuy nhiên, nên thấy sẽ có một số người an trụ trong "cái bây giờ và ở đây" của thiền tịnh thức, để gặp mỗi nguy khác, rằng họ không chắc gì thấy được ánh sáng trí tuệ nơi Bát Nhã Tâm Kinh nói là "vô Khổ, Tập, Diệt, Đạo" để phủ nhận pháp Thanh Văn, rồi nói là "vô Trí" để phủ nhận pháp của Bồ Tát Đạo (vì Trí Tuệ Ba La Mật là tận cùng Lục độ), rồi nói là "diệt vô Đắc" để phủ nhận tất cả những quả vị giải thoát bởi vì thực tướng là các pháp bình đẳng, nơi thiền não và Niết bàn bất dị.

Nếu có ai hỏi, xin tìm giùm một lời khuyên ngắn gọn cho pháp Thiền Tổ Sư, tôi sẽ do dự, vì thực sự lời nào cũng có thể gây ngộ nhận. Bởi vì,

nếu nói là phải nhìn vào tâm để thấy tánh, lập tức người nghe sẽ nghĩ rằng có một cái gì đó, nhưng hể nói là phải thấy tánh không, người nghe lại dễ nhầm là không, một đối nghịch của có. Đây là trí tuệ, là đại trí tuệ, không thể vin vào chữ mà vào được.

Có một chữ rất thường được nói trong Thiền Tông: đó là chữ "vô tâm" và chữ này lại mang rất nhiều nghĩa. Hiển nhiên, chữ này trái nghịch với lời Đức Phật dạy về "tứ niệm xứ" – tức là bốn lĩnh vực quán niệm, bây giờ được học giới Tây phương thu gọn thành pháp Thiền Tịnh Thức.

Chữ "vô tâm" dễ dàng bị hiểu trong nhiều nghĩa khác nhau. Trong nghĩa tiêu cực, "vô tâm" bị hiểu là thất niệm, là không biết, là mê mờ, là vô ý thức, và vân vân. Trong nghĩa đó, hiển nhiên là tương đương với vô minh, là lối đi của sinh tử luân hồi.

Trong khi đó, ở mặt ngược lại, các Thiền sư dùng chữ "vô tâm" theo nghĩa tích cực, đây là cái nhìn tịnh thức mà không khởi lên bất kỳ tâm nào, dù là tâm thiện hay ác (như lời Lục Tổ Huệ Năng dạy cho Thượng Tọa Minh).

Phương pháp Thiền vô tâm ai cũng có thể tập được. Độc giả có thể tạm ngưng đọc vài phút để thử cái nhìn này. Tức là, tâm thường trực tịnh thức với tâm không biết, tịnh thức với tâm không tác ý, như thế, tất cả những gì khởi lên trong tâm đều sẽ tự động biến đi nhanh chóng. Bởi vì bình thường, tâm mọi người lúc nào cũng khởi lên niệm này, niệm kia. Khi tâm thường trực tịnh thức với vô niệm, sẽ không thấy bờ này hay bờ kia trong tâm, sẽ thấy không có niệm tham sân si nào khởi lên trong tâm đồng thời cũng không thấy có niệm giải thoát nào trong tâm – nơi đó, là bình đẳng. Nơi đó, không gọi tâm là có, cũng không gọi tâm là không.

Tiếng Anh dịch ra cũng mơ hồ. Ngài Suzuki dịch "vô tâm" là "no mind," nghĩa là đúng từng chữ. Nhưng nếu bạn tìm đọc nhiều sách hơn, sẽ thấy có những cách dịch khác hơn. Thiền sư Gil Fronsdal dịch là "not-knowing." Trong khi đó, các Thiền sư người Hoa Kỳ bản xứ theo truyền thống Thiền Tông Đại Hàn dịch là "don't know mind" và các vị này đã giải thích Thiền pháp "don't know mind" tràn ngập trên các video YouTube.

Chúng ta không nên chấp vào cách dùng chữ, vì chữ có khi không nói rõ nghĩa. Bản thân tôi lại không giỏi tiếng Anh như người Mỹ bản xứ, nên không dám nói là cách dịch nào thích nghi hơn. Tốt nhất, bạn nên xem như chữ nào dịch cũng đúng, nhưng chắc chắn là không có nghĩa tiêu cực, không có nghĩa là tâm mê mờ hay thất niệm, mà chỉ có nghĩa tích cực, đó là tịnh thức thường trực với tâm không biết (bởi vì hể biết, là biết lỗi của tâm liền...).

Đức Phật nói gì về pháp Thiền của vô tâm?

Đức Phật gọi đây là pháp Thiền Vô Tướng. Trong Kinh SN 22.80, Đức Phật dạy chư Tăng ni rằng hoặc là tu Tứ niệm xứ, hoặc là tu Thiền vô tướng thì đều sẽ đoạn diệt không có dư tàn.

Trong Kinh SN 47.9, Đức Phật kể rằng, bấy giờ bệnh trầm trọng khởi lên, thân thể đau đớn, Ngài mới dùng Thiền Vô Tướng bằng cách "*không tác ý*" để cơ thể dứt những cơn đau: "*Này Ananda, chỉ trong khi Như Lai không tác ý đến tất cả tướng, với sự diệt trừ một số cảm thọ, chứng và an trú vô tướng tâm định, chính khi ấy, thân Như Lai được thoải mái.*"

Trong Kinh vừa dẫn, Ngài Bodhi dịch là: "nonattention to all signs" và ngài Sujato dịch là: "not focusing on any signs" và ngài Minh Châu dịch là "không tác ý đến tất cả tướng."

Tất cả cách dịch đó trong Kinh Pháp Bảo Đàn đều có thể hiểu tùy ngữ cảnh là: vô tâm, vô niệm, vô tướng... Tức là, tinh thức nhìn vào tánh Không của tâm, nơi lìa cả có với không, nơi lìa tham sân si mà cũng không bận tâm với giải thoát.

Có chỗ nào Đức Phật nói cụ thể là vô niệm hay không? Câu hỏi này có vẻ trái nghịch với truyền thống, vì chúng ta thường nghe là những lời dạy về niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp... Vậy mà Đức Phật từng dạy cụ thể là vô tâm, vô niệm, và gọi đó là pháp ngắn gọn.

Trong Kinh SN 22.64, ghi lại rằng:

"Một vị tỳ khưu đến gặp Đức Thế Tôn và thưa với Ngài: 'Kính bạch Thế Tôn, con xin Đức Thế Tôn dạy cho con Giáo pháp ngắn gọn...'

Đức Phật dạy: 'Này Tỳ khưu, khi khởi niệm, người sẽ bị Ma vương trói buộc; không khởi niệm, người sẽ giải thoát khỏi Ác ma.' ("Bhikkhu, in conceiving one is bound by Mara; by not conceiving one is freed from the Evil One.")

Bạn có thể giữ tâm tinh thức với vô niệm, hay với tâm "không biết" (cách dịch sau là dựa vào lời của Bồ Đề Đạt Ma, khi trả lời Lương Vũ Đế). Pháp Thiền này còn gọi là không y chỉ vào bất cứ gì hết. Và Đức Phật trong Kinh AN 11.9 gọi đây là Thiền pháp của tuần mã, với lòng ngay thơ vô cùng tận, các vị này không tác ý gì hết, không khởi tâm gì hết, không dựa vào bất kỳ đất nước lửa gió, không dựa vào bất kỳ tầng thiên nào hết, và nơi tâm "không biết" thì vô lượng tham sân si rụng sạch. Trước Kinh dẫn trên, có 2 Kinh (Kinh AN 11.7, Kinh AN 11.8) cũng nói rằng có Thiền pháp "không y chỉ vào đâu," và Thiền pháp này đều không hề tác ý gì về cả thân và tâm và về tất cả những gì khác.

Nơi pháp Thiền này, khi bạn thấy hiển lộ tánh không, bạn sẽ thấy đó chính là bản tâm, vì bản tâm không gọi là có, không gọi là không, tuy là xa lìa tham sân si nhưng lòng tử bi lặng lẽ vẫn khởi lên vì thương xót mình và tất cả chúng sanh trước giờ vẫn mê mờ. Khi bạn thấy bản tâm là tánh không, lúc đó một kinh nghiệm hiển lộ: bạn là tất cả những hình ảnh được thấy, bạn là tất cả những âm thanh được nghe, bạn nhìn thấy người đối diện và chung quanh chính là bạn, bạn nhìn thấy tất cả núi sông cây rừng chính là bạn.

Tất cả đều là bản tâm, một sân khấu khổng lồ trước mắt hiển lộ, là khi một hộp mà uống trọn cả dòng sông.

Bấy giờ, bạn sẽ hiểu Kinh Phật dưới mắt Thiền Tông. Như trong Kinh SN 35.23, Đức Phật nói về toàn bộ thế giới này rằng: "*Và, này các Tỳ-kheo,*



KHÔNG ĐỀ 1

*Một ngày xa phỏ viếng rừng
Mà nghe tiếng nước gọi từng tiếng non
Mà nghe "nước chảy đá mòn"
Ta quên ta giữa đời còn bé dẫu...*

KHÔNG ĐỀ 2

*Suối thâm thì, suối ngân reo
Hình như tiếng suối qua đèo quanh co
Gió về gửi chút thơm tho
Ta nghe vô nhiễm hện hò vô tru!...*

thơ TRẦN HOÀNG VY

tất cả là gì? Mắt và cái được thấy, tai và cái được nghe, mũi và cái được ngửi, lưỡi và cái được nếm, thân và cái được chạm xúc, tâm và cái được tư lường. Đây được gọi là tất cả. Này các Tỳ-kheo, nếu có người nào nói như sau: 'Sau khi đã bác bỏ tất cả điều này, tôi sẽ làm hiển lộ tất cả điều khác' – đó chỉ là sự khoác lác hư dối."

Nơi đây là bình đẳng. Tất cả thế giới chỉ là những gì hiển lộ nơi bản tâm. Và nơi đây, là trí tuệ vô cùng tận, là khi tâm bật sáng, tâm thường trực tinh thức với tâm không biết, với tâm không tác ý, với tâm vô tâm, với tâm vô niệm, nơi không chút bụi dính vào.

TRUYỀN ĐĂNG TỤC DIỆM

Sa môn Thích Tín Nghĩa

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT LIÊN CHÂU

DIỄN VĂN BẾ MẠC NGÀY VỀ NGUỒN LẦN THỨ 13 (Từ ngày 17 đến 20 tháng 8 năm 2023)

TẠI CHÙA KHANH ANH, PHÁP QUỐC
của Trưởng lão Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa, Chủ
tịch Hội Đồng Điều Hành GHGVNTN Hoa Kỳ

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Trưởng lão
cùng chư tôn thiền đức Tăng
Ni tham dự Lễ Bế Mạc Ngày
Về Nguồn - Hiệp Kỳ Lịch Đại
Tổ Sư lần thứ 13 hôm nay,

Kính thưa quý thiện nam
tín nữ gần xa,

Kính thưa chư liệt vị,
Thấm thoát mà 4 ngày
tương ngộ đã trôi qua. Trong
những ngày ấy, chúng ta từ
hàng trưởng lão tỳ-kheo cho
đến hàng tân tỳ-kheo, tỳ-
kheo-ni, sa-di, sa-di-ni đều
đã biểu hiện sự hòa kính,
tương thuận trong sinh hoạt
chung của đại chúng. Đây là
điểm cốt lõi để làm trang
nghiêm Tăng-đoàn theo lời
Phật dạy, cũng như theo Giới
Luật và các nguyên tắc sinh
hoạt tập thể yết-ma tăng.

Chương trình sinh hoạt
của 4 ngày qua, tập trung
vào 3 chủ đề là:

a) Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ
Sư - Ngày Về Nguồn của
Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại;

b) Lễ Hủy kỵ lần thứ 10
Giác linh Cố Trưởng lão Hòa
thượng Thích Minh Tâm; và

c) Đại giới đàn Minh Tâm.

Tuy rằng chương trình đưa ra 3 chủ đề nhưng
đều gom về một mối, với sự liên quan mật thiết
nói lên ý nghĩa của Ngày Về Nguồn, tri ân và truy
tán công hạnh của Lịch Đại Tổ Sư, của chư vị tôn
sư mà chúng ta trực tiếp hoặc gián tiếp thọ nhận
ân giáo dưỡng — đặc biệt là Tăng Ni Việt Nam tại
hải ngoại với sự lãnh đạo thiện hảo và đức độ của
Cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Tâm.

**a) Ngày Về Nguồn – Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ
Sư:** Được chư vị đại diện Tăng đoàn của nhiều
quốc gia, đã hội họp và quyết định luân phiên tổ
chức hàng năm kể từ năm 2007, đến nay đã được
16 năm; nhưng do quyết định của Đại Tăng trong
Ngày Về Nguồn thứ 11 tại Tu viện Phổ Đà Sơn
Canada năm 2016 là sẽ tổ chức 2 năm một lần,
cùng với sự đình chỉ 2 năm vì đại dịch, nên năm

nay là lần thứ 13 chứ không phải thứ 16. Ngày Về
Nguồn được tổ chức nhằm tạo cơ hội cho sự tương
ngộ của Tăng Ni Việt Nam để cùng nhớ ơn Thầy-
Tổ, trao đổi, hàn huyên, học hỏi kinh nghiệm
hoằng pháp từ tăng lữ bốn phương; cũng là dịp để
ôn tập giới luật, tái tạo năng lượng tu tập hành trì
trong môi trường tập thể Thanh Tịnh Tăng để có
thể vững chãi tiếp nối mạng mạch Phật Pháp.

**b) Lễ Hủy kỵ Cố Trưởng lão Hòa thượng
Thích Minh Tâm:** Là để nhớ về công hạnh truyền

bá rất sâu rộng và ảnh hưởng
dài lâu của Người tại hải
ngoại. Mấy mươi năm có mặt
ở ngoài nước, Cố Trưởng lão
Hòa thượng đã luôn đặt nặng
vấn đề hoằng pháp, giáo dục,
và đặc biệt là việc xây dựng
cơ sở, tự viện, mà Người
thường nói là "kiến pháp
tràng ư xứ xứ", tức là xây
dựng đạo tràng khắp nơi,
nhằm tạo điều kiện hoằng
pháp và tu tập cho Tăng Ni
và Phật tử xa quê cũng như
cư dân bản xứ. Các tự viện
Phật giáo Việt Nam ở Châu
Âu, theo sáng kiến và chủ
tâm của Người, đều được đặt
dưới tiêu đề Giáo Hội Phật
Giáo Việt Nam Thống Nhất,
và tên chùa thì được đặt theo
đạo hiệu của chư vị tiền bối,
tổ sư, ân sư có ảnh hưởng to
lớn cho nền Phật Việt, đó là
các chùa Khuông Việt, Vạn
Hạnh, Khánh Anh, Thiện Hòa,
Đôn Hậu, Trí Thủ, v.v... Đạo
hiệu của những vị Tổ sư,
Thiền sư Việt Nam được trải
rộng khắp các quốc gia để
trăm năm sau, người ta còn

nhớ là có một nền Phật giáo Việt Nam hoằng
truyền nơi hải ngoại, mà một trong những vị tiên
phong cuối thập niên 1970, đầu thập niên 1980,
chính là Cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh
Tâm.

c) Giới đàn Minh Tâm: Được tổ chức trang
nghiêm tại Chùa Khánh Anh, trong dịp Ngày Về
Nguồn năm nay, cũng không nằm ngoài ý nghĩa
"truyền đăng tục diệm", tức là từ ân đức của Lịch
Đại Tổ Sư truyền xuống Cố Trưởng lão Hòa thượng
Thích Minh Tâm, chư vị giới tử hôm nay được tiếp
nhận giới pháp và sẽ là những truyền nhân của thể
hệ mới, thừa tiếp sứ mệnh hoằng pháp lợi sinh của
các bậc tiền nhân, mà đạo hiệu của Cố Trưởng lão
rất là xứng đáng để được khắc ghi trong đại giới
đàn này.

Kính thưa chư liệt vị,



Hòa Thượng THÍCH MINH TÂM
(1940-2013)



Trưởng lão HT Thích Tín Nghĩa

Nhìn lại hình ảnh trang nghiêm của Tăng đoàn hôm nay, chúng tôi thật vô cùng hoan hỷ đồng thời có niềm hy vọng đối với các thế hệ Tăng Ni trẻ kế thừa. Sau 4 ngày với những khóa lễ tụng niệm, tụng giới, chúc tán thù ân, hội thảo về hành trạng chư vị Tăng Ni tiền bối hữu công, và đặc biệt là việc truyền trao và tiếp nhận giới pháp qua Đại giới đàn Minh Tâm, quý vị Tăng Ni trẻ đã biểu lộ những hoài bão và thao thức sâu xa đối với việc hoằng dương Phật Pháp nơi xứ người. Quý vị đã cho chúng tôi niềm tin về sự bất hoại của Chánh Pháp.

Với cảm nhận và niềm tin như thế, chúng tôi xin nhắc lại một pháp trong Bảy Pháp Bất Thoái mà Phật chế định cho Tăng-đoàn: **"Tự hội trong hòa hợp, giải tán trong hòa hợp"**. Vâng, đúng như thế, bản thể của Tăng đoàn đã được thắp sáng trong những ngày qua nhờ sự tự hội trong hòa hợp, và giờ này, chúng ta chuẩn bị cho sự giải tán trong hòa hợp. Giải tán nhưng luôn giữ lại trong nhau chân tình pháp lý và sứ mệnh hoằng pháp thiêng liêng của hàng Trưởng Tử Như Lai trong cõi đời uế trước này.

Với niềm tri ân và cung kính, xin nghiêng mình đảnh lễ hiện tiền thanh tịnh Tăng-già, và xin long trọng tuyên bố Bế mạc Ngày Về Nguồn lần thứ 13 năm nay.

Nam mô Thành tựu Trang nghiêm
Công đức Phật

Sa môn Thích Tín Nghĩa

WAKA (62)

*harukaze no
hana o chirasu to
miru yume wa
sametemo mune no
sawagu nari keru*

TÂY HÀNH PHÁP SƯ

西行法師, 1118-1190)

In my dream i saw
the spring wind gently shaking
blossoms from a tree
and even now, though i'm awake
there's motion, trembling in my chest.

*Có một lần trong mơ
gió mùa xuân tôi thấy
thổi qua cành đào to
trái tim tôi từ đấy
thôn thốc đến bây giờ.*

PHÁP HOAN

dịch Việt

(từ bản dịch tiếng
Anh, nguyên tác
thơ của Saigyō
Hōshi Artwork:
Saigyō admiring
mount Fuji)



Lòng trong sao tạc

NGUYỄN SIÊU

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Con người muốn nói gì với con người? Nói bằng lời nói hay nói bằng hành động. Nhấn nhủ với nhau bằng suy tư, hay bằng ý nghĩ, tất cả đều có kết quả. Bình an. Hạnh phúc. Hay tàn phá. Hủy diệt. Một tiến trình sống của loài người có đủ những cảm giác ấy. Ngày hôm nay, thế giới con người đang đắm chìm trong biển lửa của tham vọng. Quyền lực chưa đủ. Bá quyền chưa đủ, mà là cái gì nằm gọn trong túi áo. Nằm gọn trên bàn tay. Không chế bởi năm ngón. Con người muốn nói với bằng vũ khí. Đầu đạn hạt nhân. Hay sức mạnh kinh hoàng của virus. Nhưng tiếc thay, lòng tham vọng luôn có hai mặt, giết người, cũng lại giết mình. Hại người cũng lại hại mình. Sao ta không cho nhau tình thương và sức sống. Giá trị và tiềm năng. Chất liệu và niềm tin hướng thượng, để cho trái đất có màu xanh, núi rừng và ruộng đồng có màu xanh. Khi mà trái đất có màu xanh thì trái đất khỏe. Trái đất nhiều sức sống. Trái đất không bị bệnh. Không bị nhiễm ô virus. Trái đất sẽ cho loài người nhiều lợi lạc: kim cương, hột xoàn. Vàng, thau, chì, kẽm... Mỏ dầu, mỏ than, tài nguyên thiên nhiên vô tận... Hạt trai, ngọc quý, linh dược ngàn năm. Một đất trời đồ ăn, nước uống không tính kể. Nhưng có lẽ, trái đất có quá nhiều của báu, nên làm cho lòng người càng tham hơn. Hãm hại nhau nhanh hơn. Ác độc hơn, làm cho trái đất úa màu. Khô cằn. Dãy dụa sắp chết. Vì đau mình bởi đầu đạn hạt nhân. Vì bom nguyên tử. Và bao nhiêu thứ hóa chất khác làm tê liệt trái đất, hết chất phì nhiêu, dinh dưỡng. Sao ta không thương trái đất này mà đang tâm làm tổn hại. Trong nhà Phật có một vị Bồ Tát mang tên đất. Bồ Tát Địa Tạng. Tạng đất. Một khối đất. Một kho đất. Một trái đất. Một quả địa cầu đất. Bồ Tát Đất nuôi lớn, gìn giữ tất cả vạn loại sinh linh. Bồ Tát Đất có lời Phát nguyện:

*Chúng sanh độ tận
Phương chứng Bồ Đề
Địa ngục vị không
Thệ bất thành Phật.*

Dịch:

*Độ hết chúng sanh
Mới chứng Bồ Đề
Địa ngục chưa không
Thề chẳng thành Phật.*

Đốt rừng. Đốn cây làm đất tro trọi. Đất mất người bạn đồng hành. Đất mất bóng mát. Đất mất nước trong. Đất khô. Đất lở. Đất oằn mình con người biết không? Bao nhiêu gốc rễ bứng về làm bàn, làm ghế làm vật dụng xa hoa. Làm sang. Làm giàu, cho ta, phó mặc cho đất lấy gì vững chắc. Lấy gì bám víu một khi cây rừng đốn hết. Đốn hết cỏ thụ không còn. Rừng già tiêu tan. Mưa nguồn đổ xuống thì nước bám vào đầu, do vậy mà nước tuôn xuống bình nguyên. Xuống ruộng đồng. Xuống nhà dân làng xóm. Tạo thành nước

lũ. Nạn lụt mệnh mông. Nhà trôi. Người trôi. Súc vật trôi. Người dân đói khổ. Cảnh đời lầm than.

*Hai cái đầu nhô lên mái nhà
Mặt mày sợ hãi nước bao la
Không Cha, không Mẹ, không hàng xóm
Không cả tình thương chút ruột rà.*

*Đêm khuya nghe tiếng nước về
Ao ào phá vỡ con đê trên nguồn
Nước tràn, nước ngập, nước tuôn
Màn trời chiếu đất thảm thương dân mình.*

Núi rừng có màu xanh, thì chim muông về làm tổ. Ca hát líu lo. Làm cửa làm nhà cho bao loài sinh vật. Loài có cánh. Loài có chân. Loài không chân... Chúng xây dựng xóm làng, thành ấp, làm thành một thế giới thiên nhiên, tự nhiên. Một xã hội loài vật có tôn ti trật tự. Chúng biết bảo vệ cho nhau, giữ gìn sự sống. Xã hội loài ong, có trật tự. Việc ai nấy làm một cách chăm cù. Xã hội loài mối. Xã hội loài kiến. Chúng làm thành quốc gia độc lập. Kiên trì và tích cực. Loài nai, loài khỉ sống từng đàn, hợp quần. Trâu nước. Sơn dương... nhiều nhiều và thật nhiều sự sống được tích lũy, nuôi dưỡng trong núi rừng màu xanh ấy. Vậy mà hôm nay bom đạn được đổ xuống cây cối, núi rừng, làm cây khô tróc gốc. Lá khô. Cành khô. Rễ khô. Mọc nát. Cháy nám thân hình, cháy đen thành than. Mới chiều nay, nhìn về miền núi xa thấy một dãy rừng cây xanh bát ngát, mà qua ngày sau thấy cánh đồng đất đỏ nhấp nhô. Bom đạn đã cày xới, đã hủy diệt màu xanh, chỉ một đêm thôi, hoang tàn, mộ địa. Hận thù đã trút xuống núi rừng xanh. Hay các vùng cao nguyên. Tây nguyên giờ này chỉ còn những vùng đất đỏ. Bụi đỏ mà thôi. Biến có màu xanh, cho ta tôm cá. Ngọc trai, thất bảo tiềm ẩn dưới đại dương. Biển xanh có gió mát nên thơ. Có sóng rì rào chiều về nơi miền thùy dương cát trắng. Từ hải đảo xa xôi, dệt thành danh lam thắng cảnh. Đây là Hà Tiên chiều về trên bến đò. Màu nước xanh lơ, bãi cát xuôi dòng. Một cảnh thái bình, yên vui, dân chài dư sức sống. Một vịnh Hạ Long tuyệt tác, bút tích thánh thần, được xây dựng bởi tạo hóa.

Ruộng đồng màu xanh, cho hương thơm màu lúa sạ. Lúa chín ngập đồng, dân làng ấm no. Đêm đêm tiếng hát câu hò. Anh trăng mười sáu con đò bến quê. Thanh bình đường làng chen lá cỏ. Dân quê chất phác tay lấm, chân bùn, đã làm nên cuộc sống, êm đềm như chiều về trên cánh đồng xanh. Em bé mục đồng thả điều trời gió thổi. Ngồi lưng trâu tiếng sáo vi vu. Ấy là cánh đồng xanh miền quê thái hòa. Ấy vậy mà có lắm khi ruộng sâu nứt nẻ, bờ đê mất dòng nước trong xanh. Đất cày lên sỏi đá. Còn gì màu xanh của cánh đồng lúa năm xưa. Tàn phá thiên nhiên. Tàn phá trái đất, hậu quả sẽ khôn lường. Con người phải biết thương màu xanh trái đất.

Con sâu rọm nép mình dưới chiếc lá xanh.
Con ốc sên ủ mình trong khóm cỏ xanh. Và con chim sẻ đang kêu chim chíp trên cành lá xanh.
Một sức sống mãnh liệt được màu xanh che chở.

Lòng Tử Bi của Phật cũng màu xanh: Đức Phật sinh ra dưới gốc cây vô ưu, trong vườn Lâm Tì Ni, một vườn đầy cây cối, hoa lá màu xanh. Đức Phật xuất gia, tu khổ hạnh trong rừng già. Dưới những gốc cây của vùng thung lũng Himalaya xanh mượt. Đức Phật tham thiền, nhập định dưới gốc cây bồ đề cành lá xanh tươi. Đức Phật chuyển pháp luân dưới gốc cây bồ đề trong vườn Lộc Uyển, thuyết kinh Tứ Diệu Đế, độ năm anh em ông Kiều Trần Như. Vườn nai lá cỏ xanh mầu. Màu xanh của sức sống tiến trình đạo lộ giải thoát. Đây là Khổ các con phải biết. Đây là Tập các con phải dứt. Đây là Diệt các con phải chứng. Đây là Đạo các con phải tu. Đức Phật thuyết pháp độ sinh suốt 49 năm dưới những gốc cây. Khi thọ thực. Khi tham thiền. Khi thuyết pháp hóa độ, giảng dạy cho hàng thánh chúng. Ngày chỉ ăn một bữa dưới gốc cây. Tối ngủ một lần dưới gốc cây. Lá cây xanh che mưa, chở nắng. Núi rừng xanh làm tịnh thất tu trì. Cuộc sống của Phật không xa rời màu xanh, mà hòa đồng với màu xanh để dập tắt nỗi khổ của nhân thế. Giữa cánh đồng ruộng xanh Phật hóa độ người bà la môn điền chủ và 500 tay cày. Trên con đường mòn hoang vu màu xanh Phật hóa độ anh chàng Vô Nãi. Nơi vườn xoài xanh Phật thọ ký cho nàng kỹ nữ Ampabali đi tu chứng đắc quả thánh. Bên vệ đường đi lúa mạ xanh lác lác, Phật hóa độ cho anh chàng gánh phân Nan Đề sống đời tăng đoàn và đặc quả A La Hán, thi triển thần thông... Suốt 49 năm Phật sống với màu xanh. Cuối cùng, Phật nhập Niết Bàn trong khu rừng sa la, hoa nở đầy cành. Lá xanh rợp mát. Phật vào Vô Dư Niết Bàn. Cánh rừng màu xanh sa la tiễn đưa Phật. Tịch nhiên. Trầm hùng. Rợp màu xanh của trời đất. Giá trị của màu xanh vô cùng.

*Rặng trúc vàng tắm mình trong nắng sớm
Bóng chim qua tịch lặng chốn đôi tây.
Tiếng nước chảy trong vò nghe thấp thòm
Nhịp thời gian trôi con nước với đầy.*

*Ngồi thờ nhẹ để thấy mình thanh thản
Mặc cho đời bươn bả lắm thị phi.
Người ơi! giữ lòng hai chữ Tử Bi
Khắc vào vách đá ghèa nghi sắt son.*

Nền văn hóa đẹp là nền văn hóa màu xanh.
Nền văn hóa giác ngộ. Tôi. Người. Tất cả hãy cấy hạt mầm màu xanh vào những mảnh đất tâm của mình. Vì màu xanh là sức sống. Màu xanh là hy vọng. Hy vọng thành người tốt. Thành người chân, thiện, mỹ, vun quén và trưởng thành. Sáng nay, chú mặc chiếc áo màu xanh, bước chân ra vườn, thấy cây lá màu xanh. Hoa cỏ màu xanh. Ngước mặt nhìn trời, bầu trời xanh lơ. Mặt đất xanh rờn, vun trồng bao sức sống.

*Ngồi bó gối bên chồng sách cũ
Màng nhện giăng bên vách tường rêu
Nhện và sách gặm mòn dòng chữ
Mưa sáng nay, nắng tấp buổi chiều.*



NHỚ CHA

*Cứ mỗi khi thao thức
nhớ Ba từng mỗi mòn
Khi con rơi xuống vực
Cha đau nhiều hơn con*

*Nhớ ngày xưa thơ bé
Con bệnh Ba ngồi chăm
Ba ân cần nhỏ nhẹ
giúp cho con khỏe dần*

*Con lớn thành thiếu nữ
Ba vui nhìn con ngoan
Khi con thành thiếu phụ
Ba thương con lỡ làng*

*Khi đời sang dâu bể
Ngày vui chẳng tày gang
Ngày buồn nhiều vô kể
Ba ra đi nhẹ nhàng*

*Ba của con vui vẻ
Cuối đời thành lặng thinh
Cuối đời trong vắng vẻ
Ôi thế cuộc định hình!*

*Ba của con vẫn thế
Trong tường nhớ của con
Ba mỉm cười rất trẻ
Với tình thương mãi còn.*

thơ QUY HỒNG

(Tháng 7, 2023)

NÊN TRỪ TÀ KIẾN, TẬP HÀNH CHÁNH KIẾN

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Chánh kiến tức nhận thức và quan điểm đúng đắn, khế hợp chân lý là một chi phần quan trọng trong giáo pháp Bát Thánh đạo của Thế Tôn.

Sở dĩ chánh kiến được xếp hàng đầu vì nó có vai trò định hướng, dẫn dắt hành giả đi đúng lộ trình và từng bước xóa tan vô minh để chứng đạt các Thánh vị. Trong tu hành và phụng sự, theo Thế Tôn, nếu không có chánh kiến thì lập tức rơi vào tà kiến, đã 'tà kiến là ác, không lành' và những gì được dẫn dắt bởi tà kiến thật 'không đáng quý', 'không nên ưa thích'.

Chánh kiến là những gì? Căn bản là: Nhận thức rõ và tin sâu vào quy luật Nhân quả-Nghiệp báo; Tin hiểu sâu sắc vào Bốn Thánh đế; Thấy rõ thực tính Duyên khởi của các pháp; Các pháp đều do Duyên sinh nên vô thường, vô ngã. Ngoài ra, những nhận thức và quan điểm được xác chứng thông qua các dấu ấn Chánh pháp như Vô thường -Khổ-Vô ngã cũng được gọi là Chánh kiến. Những nhận thức và quan điểm ngược lại thì lập tức rơi vào tà kiến, dấu nhân danh bất cứ ai hay bất kỳ kinh sách nào.

"Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Chúng sanh tà kiến, sự nhớ nghĩ, quy hướng, và các hành khác của họ đều không đáng quý. Người thế gian không (nên) ham thích. Vì sao thế? Vì tà kiến ấy chẳng lành. Ví như có hạt trái đắng. Nghĩa là hạt trái đắng, rau đắng, hạt rau đắng, hạt tất-địa-bàn-tri và các hạt đắng khác. Nếu ở trên đất tốt trồng các hạt này, sau đó nảy mầm vẫn đắng như cũ. Vì sao thế? Vì hạt này vốn đắng. Chúng sanh tà kiến này cũng như thế. Việc làm của thân hành, khẩu hành, ý hành, sự quy hướng, nhớ nghĩ và các hạnh khác của họ, tất cả không đáng quý. Người thế gian không (nên) ham thích (ưa chuộng). Vì sao vậy? Vì tà kiến là ác, không lành. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên trừ tà kiến, tập hành chánh kiến. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm".

(Kinh Tăng nhất A-hàm, tập I, phẩm 17. An ban [2], VNCPHVN ấn hành, 1997, tr. 232)

Phật giáo truyền vào Việt Nam đã trên dưới 2000 năm. Trải qua nhiều thăng trầm biến thiên của lịch sử đất nước, cộng với quá trình tiếp biến, giao lưu, hội nhập với văn hóa bản địa trong tinh thần phương tiện đã tạo nên một Phật giáo Việt Nam với những bản sắc đặc thù. Dấu ấn dung thông tam giáo (Phật-Lão-Khổng) trộn lẫn những

tín ngưỡng, tập tục của văn hóa bản địa hiện vẫn tồn tại rõ nét trong nhiều lĩnh vực của Phật giáo Việt Nam hiện nay.

Vậy Phật giáo Việt Nam nói chung hay cá nhân mỗi người con Phật Việt nói riêng, có ai đã từng tự hỏi: Những nhận thức và quan điểm nào vốn không phải của Phật giáo đang tồn tại nào trạng của Tăng Ni, những tập tục dân gian nào đang hiện hữu trong chùa chiền Việt là phi chánh kiến? Nếu đó là pháp phương tiện thì cũng cần nhớ rằng, phương tiện chỉ mang tính thời điểm, giai đoạn mà thôi. Qua các thời điểm và giai đoạn lịch sử nhất định thì phương tiện kia có thể đẹp bỏ. Đã không bỏ phương tiện mà còn nhận lầm là cứu cánh là một tà kiến tai hại.

Thiệt nghĩ, Tăng Ni và Phật tử Việt Nam cần bình tâm để phát huy tuệ giác nhằm thấy rõ những mầm gửi tà kiến đang đeo bám trên đại thọ bồ đề. Nhìn từ xa, cây bồ đề có vẻ sum sê xanh tốt nhưng xem kỹ nếu có quá nhiều mầm gửi thì sớm muộn gì cây bồ đề kia sẽ héo úa, thậm chí phải chết khô, ngã gục. Thế Tôn đã dạy, hạt đắng dù có trồng trên đất tốt thì kết quả vẫn là nhiều hạt đắng hơn mà thôi. Ở đây, tà kiến chính là hạt đắng. Nhận thức và quan điểm sai Chánh pháp, tà kiến thì dầu có dốc hết sức, hết lòng; dầu có nhân danh Phật sự hay gì gì đi chăng nữa thì tà kiến cũng 'không đáng quý', 'là ác, không lành'.

Vì thế, cần trau dồi pháp học và pháp hành để phát huy Chánh kiến. Có Chánh kiến rồi thì chúng ta cần nêu cao Bi-Trí-Dũng, mạnh dạn xóa bỏ tà kiến. Cũng như phát hiện ra mầm gửi thì cần nhanh chóng cắt bỏ để cho bồ đề ngày càng lớn mạnh hơn.



KIỆP SƠ

Một thoáng đi về ở kiếp sơ,
Cõi ấy hư không không bến bờ.
Không trời không đất không mây gió,
Không cả ngày đêm không phút giờ.

Không thánh không thần không tiên cảnh,
Không cả thời gian không lẽ lẽ lơ,
Chẳng có cái này hay cái nọ,
Chẳng có mê làm chẳng sạch dơ.

Không trên không dưới không nam bắc,
Nào có trong xanh với mặt mờ.
Chẳng có rộn ràng tranh nhơn ngã,
Còn ai đây đó để ước mơ.

Cỏ cây sông núi đều không có,
Không có buồn vui không hững hờ.
Không sanh không tử không muôn loại,
Còn đâu tham ái dết đường tơ.

Chẳng có ai tu ai trần tục,
Mệnh Mông Thanh Tịnh Là thời Kiếp Sơ.
Rồi từ đó về sau.....???!
Nam Mô A Di Đà Phật

Melbourne, Phật Đản 2647 (2023)

Trưởng lão Hòa thượng

THÍCH HUYỀN TÔN



Trưởng lão Hòa thượng Thích Huyền Tôn, Chứng minh Hội Đồng Hoàng Pháp, đang phát biểu trong Đại Hội Hội Đồng Hoàng Pháp lần thứ I, 2021.

Bài họa:

GÌN GIỮ SƠ TÂM

Gìn tâm đoan chánh thuở ban sơ
Thức liễm thân tâm hướng giác bờ
Niệm Phật trì kinh tiêu chướng nghiệp
Chuyên cần tinh tấn quý thời giờ

Để lòng quán tưởng nơi chơn cảnh
Miên mật sáu thời chớ bỏ lơ
Chấp tác hành thiền luôn tĩnh tại
Thế thường rỗng lặng chẳng vui dơ

Thế gian chấp chặt phân Nam Bắc
Bởi vậy nên chi lắm bụi mờ
Cửa đạo u huyền xa tục ngã
Chuông mâu thánh thoát thức tình mơ

Sơn hà đại địa do duyên có
Vạn vật sinh linh kết hợp hờ
Sắc thắm hình xinh rồi cũng hoại
Huống gì vụn vặt chuyện vương tơ

Gác hết hơn thua đời thế tục
Quay về nội quán họa vân thơ
Từ đây đến đó và sau nữa....!
Phật, Pháp, Tăng nguyện kính phụng thờ...!

(Kính họa bài: “Kiếp Sơ” của Đức Trưởng Lão HT. thượng Huyền hạ Tôn.
Kính nguyện Phật thường gia hộ cho HT.
Pháp thế thường an, đạo thọ miên trường..!)

Tu Viện An Lạc California, 07-06-2023

Hậu Học

THÍCH CHỨC HIỀN

Khê thủ kính họa

TỨ NIỆM TRỤ

HT. Thích Đức Thắng

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Tứ niệm trụ là hành phẩm thứ nhất trong bảy hành phẩm của Ba mươi bảy phẩm trợ đạo: Một là Tứ niệm trụ, hai Tứ chánh cần, ba Tứ như ý túc, bốn Ngũ căn, năm Ngũ lực, sáu Thất giác phần, bảy Bát chánh đạo. Ở đây, Tứ Niệm trụ Phạm ngữ gọi là *catvāri smṛty-upasthānāni*, Pāli gọi là *cattāro sati-paṭṭhānāni* còn gọi là tứ niệm xứ, tứ ý chỉ, tứ chỉ niệm, tứ niệm, thân thọ tâm pháp, nghĩa là Bốn phạm trừ thân, thọ, tâm và pháp là nơi để hành giả tập trung tâm niệm vào một trong bốn điểm này khi tu tập, với mục đích là đề phòng và đình chỉ những tạp niệm vọng tưởng khởi lên. Đây là bốn loại phương pháp dùng để đạt chân lý trong pháp môn tu hành theo kinh điển Phật giáo Nguyên thủy mà đức Đạo sư đã chỉ dạy.

Hành giả lúc tu tập chỉ cần dùng tự tưởng thân mình cùng những cộng tướng khác mà quán sát thân này là bất tịnh, những nhận lãnh (thọ) là khổ, tâm mình luôn luôn không thường hay thay đổi, và các pháp thì luôn không có ngã, nó chỉ là một giả hợp. Vì sao hành giả phải quán sát như vậy? Vì chúng ta luôn bị bốn pháp này chi phối làm lệch lạc tư duy của chúng ta, nên lúc nào chúng ta cũng cho rằng thân này là trong sạch, mọi thứ thủ đắc có được của chúng ta đối với cuộc sống mang lại vui sướng khoái lạc hạnh phúc, tâm của chúng ta thì lúc nào cũng vĩnh viễn thường hằng bất biến và các pháp giữa cuộc đời này là thật có, là ta, là của ta. Những tư duy cố chấp lệch lạc như vậy đưa chúng ta đi đến những hành động tạo nhân nghiệp sai trái đưa đến quả khổ trong sinh tử luân hồi. Để đối trị lại bốn thứ tà chấp điên đảo cho rằng thân là trong sạch, thọ nhận là khoái lạc, tâm là thường hằng, các pháp (tâm và vật) là hữu ngã, đức Đạo sư đã dùng bốn pháp quán thân là bất tịnh, thọ nhận là khổ, tâm là vô thường, pháp là vô ngã để phá trừ bốn thứ tà chấp điên đảo trên. Ở đây, niệm có nghĩa là chúng ta quán sát có trí tuệ (tuệ quán); trụ chỉ bốn nơi thân, thọ, tâm và pháp phát sinh ra bất tịnh, khổ, vô thường, vô ngã. Khi hành giả dùng trí tuệ để quán sát, tức là tâm niệm chúng ta có thể đình chỉ trụ vào những chỗ này để tu tập.

Tứ niệm trụ tức chỉ cho:

Thân niệm trụ (*Skt: kāya smṛty-upasthānāni*; *Pāli: kāye kāyanuppassi viharati ātāpi sampajāno satimā.*) còn gọi là thân niệm xứ, tức là

quán sát tự tướng của thân là bất tịnh, như nhớp, và cùng lúc quán sát cộng tướng thân của chúng ta là vô thường, là khổ đau, là không thật, là vô ngã để đối trị lại các bệnh chấp điên đảo cho là thanh tịnh.

Thọ niệm trụ (*Skt: vedanā-smṛty-upasthāna*; *Pāli: vedanāsu vedanānuppassi viharati ātāpi sampajāno satimā.*) còn gọi là thọ niệm

xứ, tức quán sát nguyên do đổi trong việc hân hoan mong cầu hưởng lạc sẽ sinh ra khổ đau ngược lại, và cũng đồng thời quán sát cộng tướng của nó là khổ đau, không thật hữu, để đối trị bệnh chấp điên đảo cho là lạc thú.

Tâm niệm trụ (*Skt: citta-smṛty-upasthāna*; *Pāli: citte cittānuppassi viharati ātāpi sampajāno satimā.*) Còn gọi là tâm niệm xứ, tức quán sát tâm thường mong cầu của chúng ta luôn sinh diệt vô

thường biến đổi, và quán sát mọi cộng tướng của chúng cũng như vậy, để đối trị bệnh chấp điên đảo cho là thường hằng vĩnh viễn.

Pháp niệm trụ (*Skt: dharma-smṛty-upasthāna*; *Pāli: dharmesu dhammānuppassi viharati ātāpi sampajāno satimā.*) Còn gọi là pháp niệm xứ, tức là quán sát tất cả các pháp đều nương vào nhân duyên mà sinh khởi, nên sự hiện hữu của chúng là không có tự tánh, và tất cả những cộng tướng khác cũng được quán sát như vậy, để đối trị bệnh chấp ngã điên đảo.

Theo Trung A-hàm 24, (Đ.1, tr. 582) thuộc Hán tạng thì gọi là kinh Niệm xứ chứ không gọi là Niệm trụ. Bốn niệm xứ là tên gọi khác của niệm trụ. Bốn niệm xứ là quán thân như thân, quán thọ như thọ, quán tâm như tâm và quán pháp như pháp.

Theo đức Đạo sư dạy thì:

Quán thân như thân là Tỳ-kheo khi nào đi thì biết mình đang đi, khi nào đứng thì biết mình đang đứng, khi nào ngồi thì biết mình đang ngồi, khi nào nằm thì biết mình đang nằm, khi nào ngủ



thì biết mình đang ngủ, khi nào thức thì biết mình đang thức, khi nào ngủ say thì biết mình đang ngủ say.

Biết rõ chính xác khi vào khi ra, khi co khi duỗi, khi cúi khi ngẩng, oai nghi chững chạc, khéo khoác tăng-già-lê và cầm bát; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ chính xác.

Khi sanh niệm ác bất thiện, liền niệm điều thiện để đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tịnh chỉ. Rằng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tịnh chỉ.

Niệm hơi thở vào thì biết niệm hơi thở vào, niệm hơi thở ra thì biết niệm hơi thở ra. Thở vào dài thì biết thở vào dài, thở ra dài thì biết thở ra dài. Thở vào ngắn thì biết thở vào ngắn, thở ra ngắn thì biết thở ra ngắn. Học toàn thân thở vào, học toàn thân thở ra. Học thân hành tịnh chỉ thở vào, học khẩu hành tịnh chỉ thở ra.

Hỷ lạc sinh do ly dục, thấm nhuần thân thể, phổ biến đầy khắp; biến trong thân thể không đâu không có. Như người hầu tắm, bỏ bột tắm đầy chậu, nước hòa thành bọt, nước thấm vào thân, phổ biến sung mãn, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục thấm nhuần thân thể, phổ biến đầy khắp; biến trong thân thể, hỷ lạc nhờ định sanh không đâu không có. Cũng như suối trên núi, trong sạch không nhờ, nước từ bốn phương chảy đến đổ vào tự nhiên, từ đáy suối, nước tự vọt lên, chảy tràn ra ngoài, thấm ướt cả núi, phổ biến đầy khắp, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc nhờ định sanh thấm nhuần thân thể, phổ biến đầy khắp; biến trong thân thể, hỷ lạc do định không đâu không có.

Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ nhuần thấm thân thể, phổ biến đầy khắp; biến trong thân thể, lạc sanh do ly hỷ không đâu không có. Như các thứ sen xanh, hồng, đỏ, trắng sanh ra từ nước, lớn lên trong nước, ở dưới đáy nước, rễ, hoa, lá, cọng thày đều thấm nhuần, phổ biến đầy khắp, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ nhuần thấm thân thể, phổ biến đầy khắp, biến trong thân thể, lạc do ly hỷ không đâu không có.

Tỳ-kheo ở trong thân này được biến mãn với tâm thanh tịnh, ý giải, thành tựu an trụ; ở trong thân này tâm thanh tịnh không đâu không biến khắp. Như có một người trùm một cái áo rộng bày hoặc tám khuỷu tay, từ đầu đến chân, thì khắp cả thân đều được phủ kín. Cũng vậy, Tỳ-kheo ở trong thân này với tâm thanh tịnh, không đâu không có.

Tỳ-kheo niệm quang minh tướng, khéo thọ trì, nhớ rõ điều niệm; như phía trước, phía sau cũng vậy; ngày cũng như đêm, đêm cũng như ngày; dưới cũng như trên, trên cũng như dưới. Như vậy tâm không điên đảo, tâm không bị ràng buộc, tâm tự sáng tỏ, không khi nào còn bị bóng đen che lấp.

Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, như người ngồi quán sát kẻ nằm, rồi nằm quán sát kẻ ngồi. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy.

Tỳ-kheo tùy theo những chỗ trong thân, tùy theo tính chất tốt xấu từ đầu đến chân quán thấy thày đều đầy đầy bất tịnh: *"Trong thân này của ta có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt,*

gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não cần, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm dãi, nước tiểu". Như một cái bồn chứa đủ hạt giống, ai có mắt sáng thì thấy rõ ràng: *"Đây là hạt lúa, hạt gạo, kia là hạt cải, cỏ, rau"*. Cũng vậy, Tỳ-kheo tùy theo những chỗ trong thân, tùy theo tính chất tốt xấu, từ đầu đến chân, quán thấy thày đều đầy đầy bất tịnh: *"Trong thân này của ta có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não cần, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm dãi, nước tiểu"*. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy.

Tỳ-kheo quán sát giới trong thân rằng: *"Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới"*. Như gã đồ tể mổ bò, lột hết bộ da, trải lên mặt đất, phân thành sáu đoạn. Cũng vậy, Tỳ-kheo quán các giới trong thân rằng: *"Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới"*. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy.

Tỳ-kheo quán xác chết, mới chết từ một hai ngày đến sáu bảy ngày, đang bị qua điều bươi mổ, sài lang cẩu xé, hoặc đã hóa thiêu, hay đã được chôn lấp, đang bị rửa nát hư hoại. Quán rồi tự so sánh: *"Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi"*. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy.

Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, hài cốt xám xanh, rửa nát gần hết, xương vãi khắp đất. Quán rồi tự so sánh: *"Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi"*. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy.

Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, da, thịt, máu, huyết tiêu cả, chỉ còn xương dính gân. Quán rồi tự so sánh: *"Thân ta cũng thế, đều có trường hợp này, không sao tránh khỏi"*. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy.

Tỳ-kheo như từng trong nghĩa địa thấy xương rời từng đốt, rải rác khắp nơi, xương chân, xương đùi, xương đầu gối, xương bắp vế, xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ, mỗi thứ một nơi. Quán rồi tự so sánh: *"Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi"*. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy.

Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, xương trắng như vỏ ốc, xanh như lông chim bồ câu, đỏ như màu máu, mục nát bể vụn. Quán rồi tự so sánh: *"Thân ta rồi cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi"*. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, những phương pháp quán trên là quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Quán thọ như thọ là Tỳ-kheo khi thọ nhận cảm giác lạc liền biết đang thọ nhận cảm giác lạc, khi thọ nhận cảm giác khổ liền biết đang thọ nhận cảm giác khổ, khi thọ nhận cảm giác không lạc không khổ liền biết đang thọ nhận cảm giác không

lạc không khổ. Khi thân thọ nhận cảm giác lạc, thân thọ nhận cảm giác khổ, thân thọ nhận cảm giác không lạc không khổ; khi tâm thọ nhận cảm giác lạc, tâm thọ nhận cảm giác khổ, tâm thọ nhận cảm giác không lạc không khổ; cảm giác lạc khi ăn, cảm giác khổ khi ăn, cảm giác không lạc không khổ khi ăn; cảm giác lạc khi không ăn, cảm giác khổ khi không ăn, cảm giác không lạc không khổ khi không ăn; cảm giác lạc khi có dục, cảm giác khổ khi có dục, cảm giác không lạc không khổ khi có dục; cảm giác lạc khi không có dục, cảm giác khổ khi không có dục, cảm giác không lạc không khổ khi không có dục. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thọ như thọ, quán ngoại thọ như thọ, lập niệm tại thọ, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thọ như thọ.

Quán tâm như tâm

là Tỳ-kheo có tâm tham dục thì biết đúng như thật có tâm tham dục, có tâm không dục thì biết đúng như thật là có tâm không dục. Khi có sân hay không sân, có si hay không si, có ô uế hay không ô uế, có hợp hay có tan, có thấp hay có cao, có nhỏ hay có lớn; tụ hay không tụ, định hay không định, giải thoát hay không giải thoát. Cũng như vậy, có tâm giải thoát thì biết đúng như thật có tâm giải thoát; có tâm không giải thoát thì biết đúng như thật là có tâm không giải thoát. Tỳ-kheo như vậy, quán nội tâm như tâm, lập niệm tại tâm, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy là Tỳ-kheo quán tâm như tâm.

Quán pháp như pháp là khi con mắt duyên sắc, sinh nội kết, nếu Tỳ-kheo bên trong thật có kết thì biết đúng như thật là bên trong có kết; bên trong thật không có kết thì biết đúng như thật là bên trong không có kết. Nội kết chưa sinh, bây giờ sinh, biết đúng như thật. Nội kết đã sinh và được đoạn trừ, không sinh lại nữa, biết đúng như thật. Với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giống như vậy. Khi ý duyên pháp, sinh nội kết, nếu Tỳ-kheo bên trong thật có kết thì biết đúng như thật là bên trong có kết, bên trong không có kết thì biết đúng như thật là bên trong không có kết, nội kết chưa sinh bây giờ sinh; biết đúng như thật nội kết đã sinh và đã được đoạn trừ, không sinh lại nữa, biết đúng như thật.

Bên trong thật có ái dục thì biết đúng như thật là đang có ái dục, bên trong thật không có ái dục thì biết đúng như thật là không có ái dục. Ái dục chưa sinh nay sinh, biết đúng như thật. Ái dục đã sinh và đã được đoạn trừ, không sinh lại nữa, biết đúng như thật. Với sân nhuế, thù miên, điều hối và nghi cũng giống như vậy. Bên trong thật có nghi, biết đúng như thật là đang có nghi; bên trong thật không có nghi, biết đúng như thật là không có nghi. Nghi chưa sinh, nay đã sinh, biết đúng như thật. Nghi đã sinh và đã được đoạn trừ, không sinh lại nữa, biết đúng như thật.

Bên trong thật có niệm giác chi thì biết đúng như thật là có niệm giác chi; bên trong thật không có niệm giác chi thì biết đúng như thật là không có niệm giác chi. Niệm giác chi chưa sinh nay sinh, biết đúng như thật. Niệm giác chi đã

sinh thì ghi nhớ không quên, không suy thoái, tu tập càng lúc càng tăng trưởng, biết đúng như thật. Với trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả cũng giống như vậy. Bên trong thật có xả giác chi thì biết đúng như thật là đang có xả giác chi, bên trong thật không có xả giác chi thì biết đúng như thật là không có xả giác chi. Xả giác chi chưa sinh nay sinh, biết đúng như thật, xả giác chi đã sinh thì ghi nhớ không quên, không suy thoái, tu tập càng lúc càng tăng trưởng, biết đúng như thật. Tỳ-kheo như vậy quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, lập niệm tại pháp, có tri, có kiến, có minh, có đạt.

Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán pháp như pháp, nghĩa là quán Bảy giác chi.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào trụ Bốn niệm xứ thì lâu nhất trong vòng bảy năm, nhất định sẽ chứng được một trong hai quả: hoặc chứng Cứu cánh trí ngay trong hiện tại, hoặc chứng A-na-hàm nếu còn hữu dư. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào luôn luôn trong từng khoảnh khắc lập tâm chánh trú nơi Bốn niệm xứ thì nếu buổi sáng thực hành như vậy, nhất định buổi tối liền được thăng tiến. Nếu buổi tối thực hành như vậy, nhất định sáng hôm sau sẽ được thăng tiến.

Trên là phương pháp tu tập Bốn niệm trụ (xứ) quán được chúng tôi tóm lược đầy đủ từ trong kinh Niệm xứ văn hệ Hán tạng thuộc Thịnh văn thừa trong Trung A-hàm mà đức Đạo sư đã dạy cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni khi Ngài còn tại thế. Ở đây tuy đức Đạo sư chỉ dạy cho hàng xuất gia, nhưng hàng tại gia chúng ta cũng có thể tu tập phương pháp này, nếu mọi người nỗ lực thực hành trong miên mật thì sự thành công đối với chúng ta cũng không phải là chuyện khó. Vì đây, cũng chỉ là một phương pháp thiền định của hiện quán tự thân mỗi chúng ta đối với cuộc sống mà thôi.

Ngoài ra, nếu chúng ta muốn tìm hiểu rộng sâu hơn nữa thì chúng ta cũng có thể tìm hiểu và y cứ vào *Câu-xá luận* quyển 23 thì pháp tu tập tứ niệm trụ lệ thuộc vào tự tướng (tướng riêng) và cộng tướng (tướng chung), y vào thứ tự bốn thứ nơi thân, thọ, tâm và pháp mà quán chiếu; nhưng trong lãnh vực này mỗi phạm trú có tự tánh riêng của chúng. Như tự tánh của thân là bốn đại chúng sắc đã tạo ra nó, còn cộng tướng là chỉ cho tánh cộng thông của các pháp, tức là tánh của tất cả các pháp đều vô thường, khổ, không, vô ngã.

Về thể của tứ niệm trụ thì mỗi phạm trú nó có ba loại, gọi là ba niệm trụ:

a/ Tự tánh niệm trụ, còn gọi là tự tánh niệm xứ: Là dùng ba tuệ văn, tư, tu làm thể thường quán sát thân, thọ, tâm và pháp.

b/ Tương tạp niệm trụ, còn gọi là cộng niệm xứ: Dùng tâm, tâm sở cùng với tuệ đồng lúc tồn tại làm thể, ở đây chỉ cho mọi tác dụng của tinh thần.

c/ Sở duyên niệm trụ, còn gọi là duyên niệm xứ: Lấy tuệ làm đối tượng của sở duyên, tức chúng ta lấy bốn phạm trú thân, thọ, tâm và pháp làm thể.



Quán pháp của tứ niệm trụ, chúng ta có thể phân ra làm hai loại biệt tướng và tổng tướng:

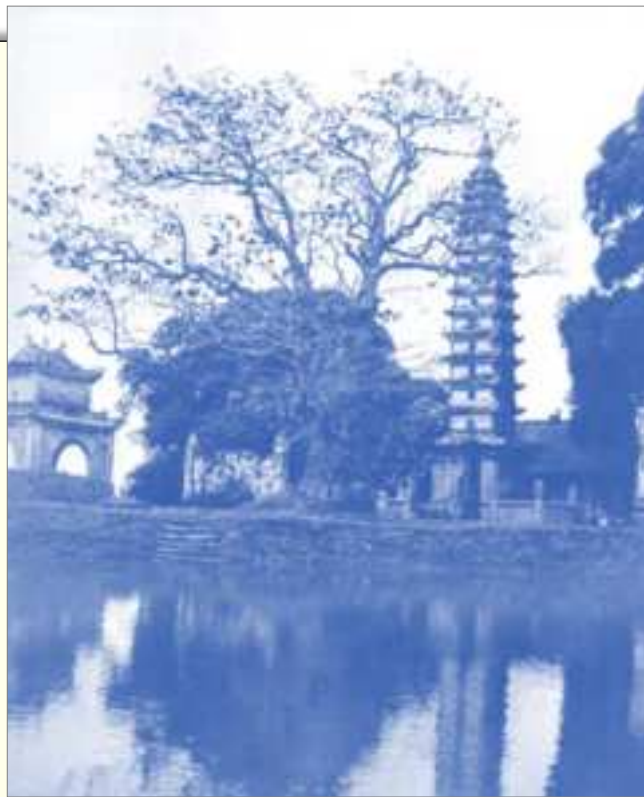
1/ Biệt tướng niệm trụ: là chỉ cho mỗi quán pháp riêng của tứ niệm trụ.

2/ Tổng tướng niệm trụ: là chỉ cho quán pháp chung cho tứ niệm trụ.

Hơn nữa trong tứ niệm trụ thì ba phạm trừ trước thuộc về tập duyên, còn pháp niệm trụ thứ tư thì chung cho tập duyên cùng không tập duyên. Nên chỉ có quán pháp niệm trụ mới gọi là bất tập duyên; đối với thân, thọ, tâm và pháp thì hoặc là hợp duyên quán hai phạm trừ, hay ba phạm trừ, hoặc hợp duyên quán chung cả bốn phạm trừ thì gọi là tập duyên. Ở đây, hành giả nếu tu tập tập duyên pháp niệm trụ thì có thể vào được vị của tứ thiện căn, tức là hành giả đã hoàn thành phạm vi của mình để bắt đầu chuẩn bị đi vào Thánh vị của kiến đạo.

Và cũng theo Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tập luận quyển 10 thì, Tứ niệm trụ này chúng ta có thể theo thứ tự phối hợp với Tứ thánh đế: Tức là thân niệm trụ kết hợp với khổ thánh đế, thọ niệm trụ có thể kết hợp với tập thánh đế, tâm niệm trụ có thể kết hợp với diệt thánh đế và pháp niệm trụ có thể kết hợp với đạo thánh đế để quán sát trong việc thanh tu ba nghiệp thân khẩu ý trừ khổ đạt vui trong hiện quán.

Tóm lại, pháp quán Tứ niệm trụ, dù là Tiểu thừa hay Đại thừa trên phương pháp, tức chỉ cho sự tướng tuy có cạn sâu, có nhanh có chậm, nhưng trên bình diện thể cứu cánh thì cũng như nhau. Hành giả sẽ đạt được cứu cánh nếu những nỗ lực thực hành tu tập của chúng ta luôn đặt trên chiều miên mật trong hiện quán thì chính như đức Đạo sư đã dạy: "Luôn luôn trong từng khoảnh khắc lập tâm chánh trú nơi Bốn niệm xứ thì nếu buổi sáng thực hành như vậy, nhất định buổi tối liền được thăng tiến. Nếu buổi tối thực hành như vậy, nhất định sáng hôm sau sẽ được thăng tiến." Ở đây, đức Đạo sư muốn nói đến sự thăng tiến đạt đến kết quả của cứu cánh Niết-bàn an vui giải thoát trong hiện quán.



NHỚ NGƯỜI NGÀN XƯA

*Đêm qua sương ướt đầu cành
Long lạnh nắng sớm hiện thành Chân Như
Giọt đầy đọng tròn thái hư
Giọt vơi đọng lại nghìn thu nắng hồng
Chung trà từng giọt sắc-không
Trà pha thơm ngát nghe lòng tỏa hương
Nhìn đời sao thấy thương thương
Trăm năm thoi cũng vô thường còn đâu
Tất cả tan biến như làn khói bay
Trải qua mấy cuộc bể dâu
Những ngôi cỏ mộ xanh màu thời gian
Ngàn năm hài cốt tiêu tan
Dòng đời vô tận, tự sanh không ngừng
Dưới trời lạnh buốt hơi sương
Còn đâu ngày cũ, những thời vàng son
Chùa trên vọng tiếng chuông đồng
Trầm hương nhẹ thoảng nhớ người ngàn xưa
Nhìn kia trước mắt, sau lưng
Lá rơi từng lá, chẳng dừng lá rơi
Chẳng còn tồn tại trên đời
Trần gian cuộc sống con người phù du...*

thơ

DIỆU VIÊN



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
TỔNG VỤ TỪ THIÊN XÃ HỘI

Chùa An Lạc – 5249 E. 30th Street, Indianapolis, IN 46218 – U.S.A.
*Tel.: (317) 545-1234 * (408) 329-3199*

THÔNG TƯ
V/V CỨU TRỢ NẠN NHÂN HỎA HOẠN TẠI ĐẢO MAUI,
TIỂU BANG HAWAII, HOA KỲ

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn thiên đức Tăng Ni,
Kính thưa quý đồng hương và thiện nam tín nữ Phật tử,

Thảm họa cháy rừng trên đảo Maui, tiểu bang Hawaii vào đêm 8 tháng 8 năm 2023, đã được thổi bùng lên bởi cơn bão Dora từ hướng tây nam, chuyển thành một cơn bão lửa kinh hoàng vào ngày kế tiếp, san bằng phần lớn thị trấn nghỉ mát, và gần như thiêu rụi cả thành phố Lahaina, khiến trên 300 căn nhà và cơ sở thương mại bị phá hủy hoặc hư hoại, cướp đi mạng sống của 93 người (tính đến ngày Chủ nhật, 13/8), và ước tính gần một nghìn người vẫn còn mất tích.

“Theo Cơ Quan Quản Lý Tình Huống Khẩn Cấp Liên Bang (The Federal Emergency Management Agency / FEMA), chi phí để tái thiết lại Lahaina ước tính khoảng 5.5 tỷ MK, với hơn 2,200 công trình bị hư hại hoặc phá hủy và hơn 2,100 mẫu Anh (850 ha) bị thiêu rụi” (trích nguồn từ VOA).

Đau lòng trước những đau thương mất mát về tài sản lẫn nhân mạng trong thiên tai khủng khiếp này, người con Phật không khỏi chạnh lòng thương xót, vận dụng lòng từ bi, toàn tâm hướng về hải đảo Maui: nguyện góp phần lạc quyên, cứu trợ để chia sẻ cho những người bất hạnh. Tổng vụ Từ thiện Xã hội tha thiết kêu gọi sự đóng góp, hăng tâm hăng sức của chư tôn thiên đức và chư liệt vị.

Mọi đóng góp bằng chi phiếu, xin đề **AN LAC TEMPLE hoặc HUYEN KHONG MONASTERY**, gửi về một trong hai địa chỉ sau đây: **1) Chùa An Lạc – 5249 E. 30th Street, Indianapolis, IN 46218;** hoặc **2) Tu Viện Huyền Không - 14335 Story Road, San Jose, CA 95127.** Phần Memo xin vui lòng ghi: **“Cứu trợ hỏa hoạn.”** Mọi đóng góp của quý vị sẽ có biên nhận với ID Tax của Chùa để quý vị có thể khai miễn thuế nếu cần. Đó là đóng góp tại Chùa, còn với Giáo Hội thì Tổng Thủ Quỹ sẽ cấp biên nhận của Giáo Hội.

Tịnh tài quyên góp được, Tổng vụ Từ thiện Xã hội sẽ chuyển giao đến Hòa thượng Thích Thông Hải, Đệ tam Phó Chủ tịch Ngoại Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK, Viện chủ Tu viện Chơn Không, Honolulu, Hawaii, để Hòa thượng trực tiếp ủy lạo nạn nhân hỏa hoạn, chia sẻ gánh nặng cho địa phương.

Thành kính tri ân và cầu nguyện cho quý ngài và quý đồng hương Phật-tử vô lượng an lạc, vô lượng cát tường.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Ngày 15 Tháng 08 Năm 2023

Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội

Tổng Vụ Trưởng,

(ấn ký)

Tỳ Kheo Ni Thích Nữ Nguyên Thiện

THẤT CHÚNG ĐỒNG CÂU HỘI

Từng bước chân tĩnh lặng
Đoàn hành giả an cư
Trang nghiêm Cổ Lâm Tự
Thập nhật hạ an cư

Đêm khuya trên chánh điện
Canh năm vừa mới đến
Tâm tĩnh trong từng niệm
Thiền tọa huệ nhật khai

Một ngày mới bắt đầu
Tiếng tụng kinh âm vang
Lặng nghiêm và thập chú
Như sóng hải triều âm

Trầm hùng rất thanh tịnh
Chấn động đến tam thiên
Chư Phật và Bồ Tát
Quang giáng đến đạo tràng

Sương khuya còn trên lá
Hàng xuất gia tại gia
Âm vang tiếng niệm phật
Đi về cõi niết bàn

Đảnh lễ trước tôn tượng
Kìa Ta la song thọ
Đức Phật hiện niết bàn
Trời người lệ tuôn rơi

Thời trì chú Đại Bi
Tiếng chung khánh, linh, tang
Trống mõ chuông hòa nhịp
Lục hòa sóng an vui

Lời sám hối Lương hoàng
Bao nhiêu tội lâu đời
Nay phát nguyện xin chừa
Bỏ mê về chánh đạo

Giờ thọ trai quá đường
Phật tử thành kính dâng
Phép tam đề ngũ quán
Cân thận không buông lung

Kinh hành lên chánh điện
Từng bước chân thanh tịnh
Trang nghiêm tâm y vàng
Chiếc nón Cổ Lâm Tự

Phật tử đứng thành kính
Chấp tay đồng niệm Phật
Chiếc áo tràng khói lam
Hiền hòa dáng tôn nghiêm

Buổi tối giờ pháp thoại
Giáo thọ sư giảng giải
Kinh luật thiên tịnh độ
Đại chúng lắng lòng nghe

Tiếng hô canh tọa thiền
Một ngày đã qua nhanh
Như lửa cháy trên đầu
Hành giả cần tinh tấn

Chỉ còn một đêm nay
Thiền trà mừng khánh tuế
Chư đại lão hòa thượng
Và đại chúng Tăng Ni

Mười ngày trôi qua nhanh
Bao tình sâu nghĩa đậm
Viện chủ và Tăng Ni
Hàng Phật tử chung lòng

Sáng mai ngày Tự tứ
Mừng hạ lạp Đại tăng
Tăng trưởng thêm nội lực
Nhiếp phục chúng ma quân

Mỗi người về trụ xứ
An cư đã khép lại
Nhưng âm vang đồng vọng
Ân tình mãi khắc ghi

Cổ Lâm ngôi chùa áy
Chứng kiến bao Phật sự
Của Giáo hội Phật giáo
Thống nhất tại Hoa kỳ

Nguyện đạo pháp trường tồn
Ngôi già lam vững mạnh
Ngài Viện chủ Cổ Lâm
Cùng Tăng chúng an hòa.

thơ

THÍCH NỮ
GIỚI ĐỊNH



NGƯỜI TRÍ THỨC ĐẠO PHẬT QUA PHONG CÁCH CỦA DUY MA CẬT

Huỳnh Kim Quang

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Ở thế gian, người trí thức không nhất thiết là người có bằng cấp học vị cao, mà là người có kiến thức rộng, có những sáng tạo độc đáo, có nội hàm đạo đức sâu, có nhiều đóng góp cho tha nhân và xã hội. Vì thế, người trí thức luôn luôn là thành phần ưu tú của xã hội, bởi vì họ là lực lượng dẫn đạo về mặt tư tưởng, văn hóa, văn học nghệ thuật. Hay nói cách khác, người trí thức là đầu tàu để đẩy xã hội tiến lên lộ trình văn minh, tiến bộ và thăng hoa không ngừng.

Trong Đạo Phật, người trí thức còn có một danh xưng khác là người thiện trí thức, tức là người có kiến thức hướng thiện, mà hướng thiện ở đây có nghĩa là hướng tới mục đích cao thượng giác ngộ và giải thoát cho mình và người (tự giác và giác tha). Vì vậy, người thiện trí thức còn được gọi là thiện hữu trí thức, tức là người bạn lành đối với chúng sinh trên con đường phát huy trí tuệ và từ bi.

Trong thời kỳ phát triển của Đại Thừa Phật Giáo tại Ấn Độ khoảng đầu kỷ nguyên Tây lịch, một biểu tượng đặc thù của người trí thức Đạo Phật được nói đến trong Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết (Vimalakīrti-nirdeśa) là Cư Sĩ Duy Ma Cật (Vimalakīrti). Duy Ma Cật là một nhân vật lịch sử có thật tại Ấn Độ nhưng lại được bao phủ trong sương mù huyền thoại bí nhiệm bởi phong cách siêu việt hay bất khả tư nghị của một vị Bồ tát mà trí thức phàm tình không thể nào thấu triệt hết.

Nhưng Duy Ma Cật thực sự là ai?

Duy Ma Cật là ai?

Duy Ma Cật hay Tỳ-ma-la-cật là dịch âm chữ Phạn Vimalakīrti. Ngài Cựu Ma La Thập (Kumarajīva, 344-413) dịch nghĩa là Tịnh Danh. Ngài Trúc Đạo Sinh (355-434) và ngài Huyền Trang (599-664) dịch nghĩa là Vô Cấu Xưng. Ngài Chân Đế (Paramārtha, 499-569) dịch nghĩa là Diệt



Ngài Duy Ma Cật đàm luận với Bồ tát Văn Thù Sư Lợi, hình vẽ trên tường trong hang động số 103 của Động Đôn Hoàng, tại tỉnh Cam Túc của Trung Hoa, vào thời Nhà Đường, thế kỷ thứ 8 Tây lịch. (nguồn: www.en.wikipedia.org)

một hoàng nam không chính thức có tên là Vimala (Duy-ma-cật), mà sau này đã xuất gia theo Đức Phật và đắc quả A-la-hán. Nhưng, sau nhiều năm bị vui dập trong thanh sắc dục lạc, Am-ba-bà-lị cuối cùng đã hồi tâm chuyển ý để quy y theo Phật làm đệ tử tại gia và xin cúng dường cho Đức Phật và Tăng đoàn của Ngài khu vườn xoài rộng lớn và yên tĩnh của bà để làm tịnh xá gọi là Tịnh Xá Vườn Xoài mà đã được nhắc đến trong các Kinh.

Vimala đắc quả A-la-hán hẳn nhiên không phải là Bồ tát Duy Ma Cật được nói đến trong Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết. Giới thiệu nhân vật Duy Ma Cật trong Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết (1) Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ đã viết như sau:

"Nhưng, còn một Vimala khác không chỉ làm

chói sáng Vaisālī như một nhân vật huyền thoại. Một con người mà danh tiếng không chỉ được đồn đãi giữa các vua chúa, các phú gia địch quốc, giữa các trà đình tửu quán, giữa các chốn thanh lâu truy lạc; mà danh tiếng ấy còn vang xa đến tận cùng biên giới của vũ trụ, nếu vũ trụ có biên giới; được các Thánh nhân, các Bồ-tát kính trọng; được các đức Phật tán dương. Đó là danh tiếng không chút ô nhiễm ngay dù được truyền tụng giữa bùn lầy ô nhiễm. Đó là một Vimalakīrti. Là một Thánh nhân nhưng không hề ở trên cõi Thánh thanh tịnh vô vi. Đó cũng là một tay lạc phách giang hồ, mà trong lòng tay, dung sắc vi diệu của các thiên nữ trở thành thể tính Chân không vi diệu.

“Có một nhân vật lịch sử như thế chẳng, hay đây chỉ là một nhân vật hư cấu để biểu tượng một tư tưởng triết học hay một lý tưởng Bồ-tát đạo của Phật giáo Đại thừa? Có thể trả lời một cách dứt khoát rằng đó là một nhân vật lịch sử, xuất hiện trong một giai đoạn đặc biệt của lịch sử phát triển Phật giáo nói chung, và trong thời kỳ vận động của Đại thừa. Một con người có thật được trang bị với một cơ sở tư tưởng bất nhị (advaita) để có thể tự nâng lên hàng Thánh giả vượt ngoài tam giới nhưng đồng thời có thể hạ mình ngập lụt trong thế gian ô nhiễm mà vẫn không tách lia thế giới thuần tịnh vô nhiễm.”

Tri thức và trí tuệ

Nhưng, chúng ta cần quay trở lại vấn đề tri thức ở thế gian và trí tuệ trong Đạo Phật để có thể hiểu được tại sao người thiện tri thức Duy Ma Cật có thể ở ngay trong bùn lầy thế gian mà thanh tịnh siêu thoát.

Luận sư Phật Giáo Ấn Độ Trần Na (Dignāga, 480-540 Tây lịch), trong tác phẩm Tập Lượng Luận (Pramāna-samuccaya) (2) đã nêu ra 2 cách nhận thức của con người: Hiện lượng (pratyakṣa) và tỷ lượng (anumāna). Hiện lượng là nhận thức các pháp trực tiếp và tỷ lượng là nhận thức các pháp gián tiếp qua suy luận. Hiện lượng nhận thức đối tượng cá biệt, trong khi tỷ lượng nhận thức đối tượng tổng thể. Khi căn, cảnh gặp nhau thì nhận thức trong sát na đầu tiên đó là hiện lượng. Khi sát na thứ nhất qua đi, cảnh tiếp tục tiếp xúc và nhận thức tiếp tục diễn ra thì đó là tỷ lượng. Vì nhận thức trực tiếp chỉ diễn ra trong một sát na tức thì, nên hiện lượng nhận thức biệt tướng của các pháp, trong khi tỷ lượng nhận thức qua loại suy nên nhận thức tổng tướng của các pháp. Nhận thức biệt tướng của hiện lượng diễn ra khi 5 căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân tiếp xúc với 5 trần cảnh là sắc, thanh, hương, vị và xúc. Nhận thức tổng tướng của tỷ lượng là chức năng của ý thức phân biệt.

Ngài Trần Na cho rằng nhận thức trong sát na thứ nhất, hay hiện lượng là nhận thức thuần khiết không có bất cứ sự phân biệt hoặc suy luận nào. Nhận thức hiện lượng không biểu tỏ được qua ngôn ngữ vì nó đối diện trực tiếp với đối tượng và thực tại. Thí dụ, khi mắt nhìn cảnh hoa, trong một sát na đầu tiên, con mắt giống như cái gương trong sáng và cảnh hoa hiện bày ra trong gương một cách tự nhiên và trọn vẹn. Ở trạng thái nhận thức hiện lượng đó không hề có bất cứ ý tưởng phân biệt nào khởi lên để so sánh, để cho rằng cảnh hoa này khác với cảnh hoa khác, với các đối tượng khác, cảnh hoa này đẹp hay xấu, v.v...

Nhận thức thuộc sát na thứ hai về sau là tỷ lượng, tức là nhận thức qua sự so sánh, sự phân biệt, sự tổng hợp dựa vào hậu cảnh của tâm thức, của nhận thức, hay nói cách khác là dựa vào kinh nghiệm. Đó là tri thức thường nghiệm. Tri thức thường nghiệm là kiến thức được thấu nạp qua ký ức, ghi nhớ, học hỏi, tích tập theo thời gian từ sinh hoạt của cá nhân, của gia đình và ngoài xã hội, bao gồm học đường. Khi mắt nhìn cảnh hoa bằng nhận thức tỷ lượng là lúc con người lấy ra từ trong kho tàng kiến thức và ký ức của mình cảnh hoa ấy tên gì, thuộc loại hoa gì, màu gì, khác với các cảnh hoa chung quanh như thế nào, nó đẹp ở chỗ nào hay không đẹp vì sao, mình có thích hay không thích cảnh hoa đó, v.v... Không có ký ức, không có kinh nghiệm về loài hoa đó thì con người sẽ không biết gì về nó và như vậy họ sẽ bắt đầu hiểu biết về nó qua sự tìm hiểu và ghi nhớ.

Nhận thức của tri thức thường nghiệm như vậy thực ra đã bị chi phối bởi hậu cảnh tâm thức, bởi ký ức, bởi thành kiến và quan điểm chủ quan. Khi gặp một người nào đó, con người thường lục lại trong ký ức hay nhận thức đã có của mình về người này, rằng người này tên gì, nghề nghiệp gì, tốt hay xấu (dựa vào cảm nhận cá nhân của mình trong những lần gặp trước), giỏi hay dở, v.v... để có sự nhận thức về người này. Như thế, những gì con người biết về người này là từ những dữ kiện chất chứa trong tâm thức, mà đa phần là những thành kiến tốt hay xấu, thiện cảm hay ác cảm đã được định hình qua kinh nghiệm. Nhận thức về một người như vậy là thông qua suy luận không phải cái biết trực tiếp và tức thì trong khoảnh khắc hiện tại. Tuy nhiên, nhận thức qua suy luận thường không bảo đảm sự chính xác hoàn toàn. Nó chỉ có tính cách tương đối. Đó là sự thật tương đối, sự thật ước lệ. Do đó, tri thức thường nghiệm chỉ có thể đạt được một thứ chân lý hay sự thật tương đối. Thí dụ, hai người cùng gặp một người, nhưng nhận thức về người thứ ba có khác biệt giữa hai người này, tùy theo hậu cảnh tâm thức của mỗi người trong hai người này. Trong trường hợp này, đối tượng nhận thức chỉ có một người, nhưng chủ thể nhận thức thì có hai người, với hai nhận thức khác nhau. Sự thật của người này không phải là sự thật đối với người kia. Đó là sự thật tương đối.

Hơn nữa, nhận thức gián tiếp theo tỷ lượng với đối tượng là tổng thể sẽ chỉ có thể biết được cái chung chung thuộc giả danh của các pháp mà không tri nhận được bản chất đích thực của pháp. Thấu rõ bản chất đích thực của các pháp thì phải có trí tuệ (Prajñā).

Con người trong cuộc sống thường nghiệm dùng sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý) tiếp xúc với sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp) khiến cho tâm thức bị khuấy động, bị vẩn đục bởi thất tình lục dục. Khi tâm bị vẩn đục thì sẽ không thể nhận thức các pháp tinh tường để có sự thấu hiểu bản chất, cũng giống như tấm gương bị bụi phủ mờ thì sẽ làm cho các hình ảnh không thể hiện rõ trên gương. Dừng sự giông ruổi của sáu căn đối với sáu trần bằng phương pháp thiền định hoặc giữ gìn giới luật là những cách mà Đức Phật đã dạy để chặn đứng vọng tâm và làm trong sạch thân tâm để có thể phát huy diệu dụng của trí tuệ.

Ngài Long Thọ (Nāgārjuna, thế kỷ thứ nhất

và thứ hai Tây lịch tại Ấn Độ) sáng tác bộ Trung Luận (Mūlamadhyamakakārikā) mà trong đó Ngài phân tích các pháp được sinh khởi bởi các duyên (duyên khởi). Ngài nói rằng không một pháp nào hiện hữu mà không nương vào nhiều duyên, nhiều yếu tố hay điều kiện. Điều này có nghĩa là các pháp tồn tại tùy thuộc vào nhau mà trong đó không có duyên nào đóng vai trò chủ thể. Chính vì các pháp hiện hữu tùy thuộc vào nhau cho nên không có tự thể, không có tự tánh, mà chúng chỉ giả tạm hòa hợp để có mặt, nhưng tự bản chất tất cả các pháp đều là không. Ngài Long Thọ cũng nói rằng chính nhờ không mà các pháp mới có thể duyên vào nhau để hiện hữu. Như vậy, trí tuệ rốt ráo chính là giác ngộ bản chất không có ngã, không có tự thể của tất cả các pháp.

Trong Chương 2 Phương Tiện Quyền Xảo của Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết đã giới thiệu về trí tuệ tu chứng của ngài Duy Ma Cật rằng:

“Bấy giờ, trong thành Tỳ-da-li có vị trưởng giả tên Duy-ma-cật, hằng cúng dường vô lượng Phật, trồng sâu gốc rễ thiện, chứng đắc vô sanh pháp nhẫn, có tài biện thuyết vô ngại, hiện du hí thần thông, nắm vững các tổng trì, đạt được vô sở úy; khuất phục mọi thù nghịch quấy nhiễu của Ma, thấu hiểu mọi Pháp môn sâu thẳm, dẫn đến giác ngộ, thiện xảo trong trí độ và biết điều dụng các phương tiện thích hợp để giáo hóa, hoàn thành được mọi đại nguyện của Bồ tát.”

Đoạn trên, bản dịch Việt của Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ dùng nhóm chữ “thiện xảo trong trí độ,” có nghĩa là ngài Duy Ma Cật đã đã đạt đến trí tuệ có thể vận dụng các phương tiện quyền xảo để giáo hóa chúng sinh. Đây là một trong hai loại trí tuệ siêu việt của một vị Bồ tát chứng đắc quả vị cao thâm, gồm Căn bản trí và Hậu đắc trí. Hậu đắc trí chính là quyền trí hay phương tiện trí. Trí tuệ này đạt được sau khi chứng đắc Căn bản trí hay Chân thật trí, là trí tuệ liễu ngộ chân thân của thực tại, hay còn gọi là Trí tuệ Bát nhã (Prajñā).

Trong Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết bản dịch của HT Thích Tuệ Sỹ kể về chỗ thâm sâu bất khả tư nghì trong trí tuệ của ngài Duy Ma Cật rằng, nhân dịp Bồ tát Văn Thủ (Mañjuśrī) đến thăm bệnh ngài Duy Ma Cật, hai vị này đã trao đổi với nhau một số vấn đề tu chứng. Khi được ngài Văn Thủ hỏi về cách làm sao thâm nhập vào Pháp môn bất nhị thì ngài Duy Ma Cật im lặng. Nhưng ngay lúc đó ngài Văn Thủ đã khen ngài Duy Ma Cật:

“Tuyệt, tuyệt thay; cho đến không còn văn tự và ngôn thuyết, ấy mới thật là vào Pháp môn bất nhị.”

Trong đoạn Kinh này nói đến Pháp môn bất nhị tức là con đường tu chứng Niết-bàn, chân thân thực tại, siêu việt lên trên sự đối đãi tương đối của thế giới nhị nguyên. Chân thân thực tại không thể diễn tả được bằng ngôn ngữ và ngay cả ý niệm, bởi vì ngay khi ý niệm khởi sinh thì chân thân thực tại tức thì biến mất. Đây là chỗ tu chứng tối thượng của một Đức Phật, của một Bồ tát hay của bất cứ ai muốn chứng đắc Niết-bàn để thoát khỏi sanh tử luân hồi khổ não.

Tìm cầu sự thật

Bản chất của người trí thức là luôn luôn hướng tới sự hiểu biết những điều mình chưa biết. Đức tính này hàm ngụ đặc điểm vô cùng độc đáo của người trí thức: luôn luôn tìm cầu sự thật. Trên

lộ trình tìm cầu sự thật, người trí thức không dễ dàng thỏa mãn với bất cứ thành tựu trí thức hay nhận thức nào. Hoài nghi và tra vấn là những cách để người trí thức mổ xẻ và lặn sâu vào cốt lõi của sự thật. Người trí thức Đạo Phật cũng thế.

Trong Kinh Du Hành của Trưởng A-hàm, Đức Phật dạy về bốn đại giáo pháp, mà trong đó Ngài nói rằng dù cho có nghe được từ một vị tỳ-kheo nào đó nói rằng: (a) chính vị ấy nói đã nghe được từ Đức Phật; (b) chính vị ấy nói đã nghe được từ các vị kỳ cựu đa văn; (c) chính vị ấy nói đã nghe từ nhiều vị tỳ-kheo là những người trì pháp, trì luật; và (d) chính vị ấy nói đã nghe từ một vị tỳ-kheo là người trì pháp và trì luật thì cũng không nên vội vã tin và bài bác mà phải kiểm chứng qua Kinh và Luật mà Đức Phật đã dạy.

“Bốn pháp ấy là gì? Nếu có vị tỳ-kheo nào nói như vậy: ‘Này chư hiền, tôi từng ở tại thôn kia, thành kia, nước kia, đích thân theo Phật được nghe, được lãnh thọ giáo pháp này.’ Nghe như vậy thì các người cũng không nên vội tin, cũng không nên bài bác. Hãy nương theo kinh mà xét chỗ hư thật. Nương theo luật, nương theo pháp mà xét rõ gốc ngọn.”(3)

Trong Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết kể rằng khi Đức Phật biết ngài Duy Ma Cật bị bệnh hiện ở tại gia thất thì Đức Phật đã khuyên nhiều vị đệ tử Thanh Văn và Bồ Tát đi thăm bệnh Duy Ma Cật. Nhưng, tất cả đều từ chối vì nói rằng trước đây họ đều bị ngài Duy Ma Cật chất vấn về kiến văn và hành trì Phật Pháp mà không thể đối đáp được, nên nay ngần ngại không dám đi thăm bệnh, ngoại trừ Bồ tát Văn Thủ Sư Lợi là bậc thượng thủ trong hàng Bồ Tát xuất gia có trí tuệ siêu việt.

Qua những câu chuyện này trong Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết, chúng ta có thể nhìn vấn đề theo cách tìm cầu sự thật của một nhà trí thức Đạo Phật là luôn luôn đặt lại vấn đề để tìm cốt lõi của sự thật. Thí dụ, ngài Xá Lợi Phất (Sāriputra) đã kể cho Đức Phật nghe việc ngài bị ngài Duy Ma Cật đặt lại vấn đề ngồi thiền như sau:

“Bạch Thế Tôn, con không đủ năng lực để đi thăm bệnh ông ấy. Vì sao vậy? Con nhớ lại, có lần, con đang ngồi tĩnh niệm dưới tàn cây trong rừng, Duy-ma-cật đến đó, và bảo con rằng, ‘Kính thưa ngài Xá-lợi-phất, bắt tắt ngồi như vậy mới là ngồi tĩnh niệm. Hiện thân và ý mà không ở trong ba cõi, ấy mới là tịnh tọa. Hiện các oai nghi mà vẫn không xuất khỏi diệt tận định, ấy mới là tịnh tọa. Hiện thân làm các việc phạm phu mà không xả Đạo pháp, ấy mới là tịnh tọa. Tâm không trụ trong, không trụ ngoài, ấy mới là tịnh tọa. Tu hành ba mươi bảy phẩm mà không làm dao động các kiến chấp, ấy mới là tịnh tọa. Nhập Niết-bàn mà không đoạn trừ phiền não, ấy mới là tịnh tọa. Ngồi được như vậy, thì mới được Phật ấn khả.’”

Có tra vấn đến chỗ cùng kỳ lý của một vấn đề nào đó mới có thể phá tung được màng lưới buộc ràng và giới hạn của trí thức thường nghiệm để thâm nhập vào sự thật cốt lõi bằng trí tuệ vượt thoát.

Xây dựng xã hội

Nhưng nếu người trí thức chỉ biết rút mình trong thế giới tri kiến mà không đoái tưởng gì đến tha nhân và xã hội thì đó không phải là người trí thức có tấm lòng nhân ái hay có đức từ bi. Người trí thức nên đem kiến thức đặc hữu mà mình có

để góp phần vào việc xây dựng xã hội thăng hoa, hòa bình và thịnh vượng. Giáo pháp của Đức Phật được ví như thần dược dùng để chữa lành bệnh khổ cho chúng sinh. Người tri thức Đạo Phật đã thâm nhập vào được giáo pháp ấy và cũng đã dùng giáo pháp ấy để tự chữa lành bệnh khổ cho mình thì không thể không vì tha nhân và xã hội mà ứng dụng giáo pháp ấy trong sinh hoạt hàng ngày để làm lợi ích cho nhiều người. Trong Kinh Phạm Võng/Phạm Động của Trưởng A-hàm, theo bản dịch Việt của Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ, Đức Phật đã nói rằng dù Ngài “đã đoạn sanh tử, vĩnh viễn không còn tái sanh,” nhưng vì để độ cho chư thiên và nhân loại Ngài vẫn thị hiện ra đời.

“Như Lai tự biết, sự sanh đã dứt, sở dĩ có thân là để phước độ chư thiên, nhân loại. Nếu Như Lai không có thân, người đời không chỗ nương cậy. Cũng như cây đa-la bị chặt ngọn không còn sống trở lại nữa. Phật cũng vậy, đã đoạn sanh tử, vĩnh viễn không còn tái sanh.”(4)

Đức Phật là nhà đại cách mạng xã hội bởi vì Ngài không những là người đầu tiên trong thế gian tìm ra con đường giác ngộ và diệt trừ khổ đau tận gốc rễ, mà Ngài cũng đã phá bỏ mọi phân biệt giai cấp của xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ. Hơn nữa, Đức Phật còn thực thi quyền bình đẳng giới tính nam nữ khi cho phép phụ nữ được xuất gia tu tập trong Tăng Đoàn của Ngài.

Trong Chương 2 Phương Tiện Quyền Xảo của Kinh Duy Ma Cát Sở Thuyết mô tả công hạnh lợi tha để góp phần vào việc xây dựng xã hội của ngài Duy Ma Cát viết rằng:

“Ông giữ chấp trì luật pháp, duy trì trật tự dưới trên. Hợp tác hài hoà trong tất cả sự nghiệp buôn bán. Tuy cũng gặt hái những lợi ích trong những hoạt động thế tục của mình, ông không lấy đó làm mừng. Rong chơi trên các ngõ đường, vẫn không quên giúp ích mọi người. Vào chốn công đường để bảo vệ kẻ thế cô. Tham gia các nghị hội để đưa người vào Đại thừa. Đến các trường học để khai sáng tâm mọi người. Vào nơi kỹ viện để cho thấy tai họa của dục vọng. Vào trong tử lâu mà vẫn vững vàng ý chí. Trọng hàng trưởng lão, ông là bậc tôn trưởng để diễn thuyết những pháp tối thắng. Trong hàng cư sỹ, ông là cư sỹ bậc nhất, dạy họ đoạn trừ đam mê ái dục.”

Là một cư sỹ, ngài Duy Ma Cát có thể tham gia vào guồng máy chính trị để giúp việc trị quốc an dân. Ngài tham dự vào ngành luật pháp để duy trì kỷ cương, công lý và bảo vệ người cô thế. Ngài vào học đường để khai mở tâm trí cho mọi người và đào tạo thế hệ tương lai cho xã hội. Thậm chí ngài còn vào chốn lầu xanh, tửu quán, nhưng không phải để trác táng truy lạc say sưa mà để đưa người ra khỏi “tai họa của dục vọng.” Ngài có thể làm được những điều hữu ích vô lượng cho xã hội như thế, trước hết và trên hết, ngài có một hàm vô nhiễm do sự thực hành Phật Pháp một cách nghiêm cẩn và có hiệu quả. Đó cũng là phẩm đức mà ngài được tôn xưng qua danh hiệu Tịnh Danh, Vô Cấu Xưng.

Người tri thức Đạo Phật với đại nguyện vị tha không thể quay lưng lại với những bất công, thói nát, đen tối của xã hội và với sự cô thế, thống khổ của đồng loại. Người tri thức Đạo Phật không thể nói rằng mình chỉ biết tu hành và tránh xa thế sự. Nếu thế thì Phật Giáo Việt Nam trong hơn hai ngàn năm qua đã không có Pháp Thuận Thiền Sư,



Đền Borobudur được tạo dựng vào thế kỷ thứ 9 Tây lịch là ngôi đền tiêu biểu của Phật Giáo Đại Thừa tại Indonesia. (nguồn: www.pixabay.com)

Vạn Hạnh Thiền Sư, Lý Công Uẩn, Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông, Tuệ Trung Thượng Sỹ, Nguyễn Trãi, Ngô Thì Nhậm, v.v... là những Phật Tử xả thân cho công cuộc dựng nước và giữ nước. Người tri thức Đạo Phật không thể đứng đưng vô cảm trước những bất công của xã hội và những áp bức mà đồng loại phải oằn lưng gánh chịu.

Trong Chương V Văn Thù Sư Lợi Thăm Bệnh của Kinh Duy Ma Cát Sở Thuyết do HT Thích Tuệ Sỹ dịch, ngài Duy Ma Cát đã trình bày với Bồ Tát Văn Thù về tâm nguyện của ngài đối với chúng sinh:

“Si và hữu ái là nguồn gốc của bệnh tôi. Vì hết thầy chúng sinh bệnh mà tôi bệnh. Bao giờ hết thầy chúng sinh đạt đến chỗ không bệnh, bệnh tôi sẽ hết. Vì sao? Bồ tát, vì chúng sinh mà đi vào sinh tử. Có sinh tử thì có bệnh. Nếu hết thầy chúng sinh được thoát ly bệnh khổ thì Bồ tát không còn bệnh. Ví như, vị trưởng giả chỉ có đứa con một; khi người con ấy bị bệnh, cha mẹ nó cũng bị bệnh. Nếu nó bình phục, cha mẹ nó khỏe. Cũng vậy, Bồ tát yêu thương chúng sinh như cha mẹ yêu con, nên chúng còn bệnh thì Bồ tát còn bệnh; khi chúng hết bệnh, Bồ tát khỏe! Câu hỏi tiếp theo là, bệnh của Bồ tát từ đâu phát sinh? Bệnh của Bồ tát xuất phát từ tâm đại bi.”

Đó là tâm đại từ bi của người tri thức Đạo Phật.

Làm sạch thế giới

Ngày nay giới khoa học đã và đang báo động về tình trạng gây ô nhiễm môi sinh đưa tới thảm nạn biến đổi khí hậu với vô số tai họa trên hành tinh của chúng ta mà cụ thể là cường độ ngày càng khốc liệt của bão lụt, hạn hán, cháy rừng và mực nước biển dâng cao ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của hàng trăm triệu người.

Nhưng cách nay trên gần hai mươi sáu thế kỷ, Đức Phật đã khuyên các đệ tử của Ngài bảo vệ môi sinh, trồng cây xanh, không được chặt phá cây cối vô tội vạ và bản thân Đức Phật là người thường xuyên sống gần gũi với thế giới thiên nhiên: dẫn sinh dưới gốc cây Vô Ưu, 6 năm tu khổ hạnh và tầm đạo trong rừng sâu, thành đạo dưới gốc cây Bồ đề, nói bài pháp đầu tiên Tứ Diệu Đế trong vườn Lộc Uyển, nhập Niết-bàn trong rừng cây Sa-la.

Trong Chương 1 Quốc Độ Phật của Kinh Duy

Ma Cật Sở Thuyết bản dịch Việt của HT Thích Tuệ Sỹ, Đức Phật dạy rằng để có thể làm sạch thế giới một cách rốt ráo, hay nói như trong Kinh là “tịnh Phật quốc độ,” tức làm cõi nước thanh tịnh như cõi Phật, thì điều tiên quyết là phải làm sạch tâm mình trước.

“Cho nên, Bảo Tích, nếu Bồ tát muốn làm thanh tịnh quốc độ, hãy làm thanh tịnh tự tâm. Tùy theo tâm tịnh mà Phật độ tịnh.”

Cũng Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết kể rằng khi nghe nói cõi Phật thanh tịnh thì ngài Xá Lợi Phất tự hỏi tại sao cõi Ta-bà này là cõi Phật của Đức Thích Ca Mâu Ni lại không thanh tịnh vì ngài Xá Lợi Phất thấy nó không trang nghiêm thanh tịnh chút nào cả. Biết được suy nghĩ của người đệ tử trí tuệ đệ nhất Xá Lợi Phất, nên Đức Phật đã cho ngài Xá Lợi Phất thấy thực tế cõi này là hoàn toàn trang nghiêm thanh tịnh chỉ vì tâm của ngài Xá Lợi Phất chưa thanh tịnh đủ để thấy mà thôi.

Xét về mặt tâm lý thì điều này là chính xác, bởi vì thế giới chung quanh chúng ta sẽ đổi khác khi tâm trạng chúng ta thay đổi. Chẳng hạn, cùng là ngôi nhà ấy, gia đình ấy, người thân ấy, nhưng khi tâm trạng của một thành viên trong đó không vui thì lập tức không khí trong nhà trở thành u ám, buồn rầu. Hoặc, cũng khu vườn ấy, cũng cành hoa ấy, nhưng khi tâm trạng một người lãng điệu, tính lãng thì sẽ thấy nó khác với lúc tâm trạng bồn chồn, lo lắng, phiền muộn. Thi hào Nguyễn Du đã không từng viết trong Truyện Kiều hay sao:

*"Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ."*

Người tri thức Đạo Phật làm sạch thế giới bằng sự khởi đầu làm sạch tâm mình. Người tri thức Đạo Phật làm sạch tâm mình bằng cách làm sạch ba nghiệp thân, khẩu và ý qua lối sống không sát hại sanh vật, không trộm cắp tài sản của tha nhân và xã hội, không xâm hại hạnh phúc gia đình người khác, không tham lam, không thù hận, không si mê, không nói dối, không nói lời dua nịnh, không nói lưỡi hai chiều, và không nói lời độc ác.

Làm sạch tâm mình là làm trang nghiêm chánh báo (thân tâm mình). Nhờ chánh báo trang nghiêm mà y báo (thế giới chung quanh) được trang nghiêm. Khi một người sống trong sạch thì gia đình sẽ theo đó mà sống trong sạch và do vậy, xã hội cũng sẽ được trong sạch. Khi xã hội trong sạch thì thế giới trong sạch.

Đó là điều mà người tri thức Đạo Phật nên làm để góp phần vào việc kiến tạo một thế giới trong sạch, hòa bình, an lạc và phú cường như Cú sĩ Duy Ma Cật đã làm.

(1) Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết, Tuệ Sỹ dịch, 2008.

(2) Keown, Damien (2004), "Pramāṇa-samuccaya", A Dictionary of Buddhism, Oxford University Press.

(3) Kinh Du Hành Trường A-hàm, Tuệ Sỹ dịch và hiệu chú.

(4) Kinh Phạm Võng Trường A-hàm, Tuệ Sỹ dịch và hiệu chú.

VẮNG LẶNG TỌA HƯ KHÔNG

*Thiên hạ người muôn triệu
Đâu có chi khó hiểu
Mỗi nghiệp sanh mỗi kiểu
Như những dâu vãn tay
Kẻ gian trá người ngay
Bậc thiện hiền đũa dũa
Gian nan này cuộc lữ
Phước phần chẳng giống nhau
Dù là chậm hay mau
Nhân nào cho quả nấy
Cũng nên ghi nhớ lấy
Duyên vô cùng biến thiên
Dòng sanh tử triển miên
Vì niệm tâm ái dục
Vòng luân hồi tương tục
Có dừng dứt bao giờ
Người thiên hạ đâu ngờ
Vốn cùng chung một giuộc
Ăn, ở, mặc ràng buộc
Thăng đoạ muôn kiếp rồi
Vọng tâm như mây trôi
Vẽ bức tranh vãn cảnh
Hình tượng với sắc màu
Bao nhiêu là là kỳ dị
Chơn tâm hằng như thị
Vắng lặng tọa hư không
Như nước của muôn sông
Rắn, lỏng, hơi một tánh
Người dù phạm hay thánh
Mê – ngộ có cạn sâu
Bồ đề vốn như nhau
Ai cũng đều có thể
Phật tánh là như thế
Khác ở tướng hình hài
Mà cái dụng ngắn dài
Sanh ra bao sai biệt
Cả một đời Phật thuyết
Đến cuối chẳng một lời
Đường giải thoát rạng ngời
Tùy phận dẫn thân thôi!*



thơ ĐỒNG THIÊN



TỶ-KHEO

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa Anh Chị Em Áo Lam thương mến,
Hôm nay, nhân mùa Vu Lan Mùa cúng dường
Tám Bảo trong ngày Tự Tứ của Chư Tăng, Nhóm
Áo Lam xin kể chuyện người bố thí hoa
quả đầu mùa.

Thuở ấy, có một người nông phu Bà La Môn
thường đem hết hoa quả đầu mùa vừa hái gặt
được ra bố thí.

"Đầu mùa" đối với ông ấy có 4 ý nghĩa: 1. Số
lúa vừa gặt hái được, 2. Số gạo vừa giã và sàng
xong, 3. Số cơm vừa nấu chín, 4. Phần ăn trên đĩa
sắp đem ra dùng.

Một hôm vợ chồng ông đang ăn sáng, bỗng
có đức Phật và chư Tăng đến khất thực. Chồng
ngồi quay mặt vào trong, người vợ ngồi ngó ra,
trông thấy các vị tỳ kheo, bà liền đứng lên che
khuất đức Phật. Bà ta nghĩ: nếu để ông chồng
thấy, ông sẽ bưng hết đồ ăn ra dâng cúng, bà lại
phải vào bếp nấu nướng thức ăn cho chồng. Nghĩ
vậy, bà vội bước ra cửa, đến gần Phật, nói nhỏ:
bạch ngài, hôm nay con chẳng có gì để cúng
dường, xin ngài đến nơi khác. Đức Phật chẳng trả
lời, chỉ lắc đầu. Thấy cử chỉ đó, bà bật lên một
tiếng cười làm người chồng quay lại, thấy đức
Phật; ông vội chạy ra, tạ lỗi rồi rít: "Bạch Thế
Tôn, xin ngài tha lỗi cho vợ con và nhận đĩa thực
phẩm này, con mới dùng có mấy muỗng." Đức
Phật ôn tồn đáp: "Này bà la môn, ta vui lòng nhận
mọi thức ăn, dầu đã được ăn dở hay đã ăn hết
phần nửa, hoặc cả khi chỉ còn lại 1 muỗng thôi."

Nghe Phật nói, người Bà La Môn rất ngạc nhiên và
rất sung sướng được cúng dường đức Phật.

Ông thưa hỏi:

"Bạch Thế Tôn, thế nào mới xứng danh một
vị tỳ kheo?"

Phật dạy:

"Này Bà La Môn, thân này gọi là SẮC, tâm
này gọi là DANH, vị tỳ kheo xứng danh chẳng hề
mê luyện DANH SẮC."

Rồi đức Phật nói lên bài kệ sau đây, nhờ đó
mà vợ chồng người nông phu chứng được quả vị A
Na Hàm:

"Đối với thân tâm là Danh Sắc

"Ta" và "của ta" đừng thắc mắc

Chẳng lo âu những gì chưa đắc

Đó mới xứng danh là Tỳ Kheo."

(Kính Pháp Cú, Câu 367)

Thưa ACE Áo Lam thương mến,

Từ những trạng thái tâm bình thường, những
câu hỏi giản dị, đức Phật có thể hướng dẫn người
nông phu tiến đến việc hiểu biết về "ngã" và "ngã
sở" [Ta và "của Ta"] cũng như giúp họ chứng được
quả vị thứ 3 là A Na Hàm (quả vị thứ tư là A La
Hán). Thật là một cách giáo dục "đánh thức Tâm"
tuyệt vời!

Thương mến kính chúc ACE một mùa Vu Lan
an lạc, thanh tịnh và giải thoát - tràn hương Từ Bi
và Hiếu hạnh.

Trân trọng,

Nhóm Áo Lam



“NGŨ UẨN GIAI KHÔNG” LÀ GÌ?

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC



I. DẪN NHẬP:

Là thiền sinh Phật tử, chúng ta rất quen thuộc bài kinh “*Bát Nhã Tâm Kinh*”. Mở đầu là câu: “**Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát nhã Ba-la-mật đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách**”. Câu kinh này được giải thích là đức Tự Tại Bồ Tát đã qua thời gian hành trì thâm sâu và mở được con mắt tuệ, tức trí tuệ tâm linh, còn gọi là trí tuệ Bát nhã. Đây là trí tuệ của bậc giác ngộ đến giải thoát. Với trí tuệ tâm linh siêu vượt này, Bồ-tát soi chiếu thấy thân tâm “*đều không*”, nên vượt qua tất cả mọi khổ ách!

Chủ đề hôm nay là tìm hiểu về “*Ngũ uẩn giai không*” nên trước hết chúng ta cần biết Ngũ uẩn là gì? Ngũ uẩn liên hệ như thế nào đối với thân tâm của chúng ta? Rồi sau đó mới tìm hiểu tại sao “*Ngũ uẩn giai không*”?

II. NGŨ UẨN LÀ GÌ?

Ngũ là năm. Uẩn có nhiều nghĩa, như: chắt chẫn, nhóm, thành phần hay yếu tố. Trong bài này chúng ta có thể hiểu nhiều yếu tố hợp lại nên gọi là uẩn.

Kinh “*Vô Ngã Tướng*”, Phật dạy rằng: Con người kết hợp bởi hai phần: Vật chất là Sắc, và tinh thần là Danh. Danh và Sắc do nhiều yếu tố hợp lại mà thành. Sắc do đất, nước, gió, lửa hợp lại gọi là Sắc uẩn. Trên thân người có móng tay, móng chân, tóc, tai, mắt, mũi, lưỡi, da v.v... Bên trong có óc, thịt, xương, tim, phổi, gan, ruột, máu v.v...

Trong Kinh dạy con người có 6 căn: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân và Ý thức gọi là 6 nội xứ. Sáu nội xứ nằm trên thân mình. Đối tượng của 6 nội xứ là: Sắc (Hình dáng), thanh, hương, vị, xúc, pháp gọi là 6 ngoại xứ.

Sáu nội xứ của mình lại là 6 ngoại xứ của người đối diện. Để ý thêm một chút thì nội xứ này trở thành ngoại xứ của nội xứ kia.

Thí dụ: Con mắt là nội xứ của mình. Khi con mắt nhìn xuống bàn tay. Bàn tay tức nội xứ thân trở thành ngoại xứ của nội xứ mắt.

Khi 6 nội xứ tiếp xúc 6 ngoại xứ hình thành 6 nhận thức, phân biệt. Đó là Nhận thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý thức. Gọi chung là 18 giới.

Về phần Tâm thì có: Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Mỗi yếu tố này cũng do nhiều thành phần hợp lại nên gọi là Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn và Thức Uẩn.

- **Thọ uẩn:** Là những cảm giác của thân hay, cảm thọ của tâm có ba loại:

- (1) Thọ Lạc: Thích thú hay hạnh phúc.
- (2) Thọ khổ: Không thích hay phiền não.
- (3) Thọ vô ký: Cảm thọ không thương cũng không ghét, an nhiên hay thọ xả.

- **Tưởng uẩn:** Có nhiều mạng lưới tưởng như: mạng lưới ý nghĩ, mạng lưới biết có lời hay không lời, mạng lưới liên tưởng và ấn tượng ghi sâu vào tâm thức v.v... Tưởng ở đây có công dụng ghi nhận hình ảnh đối tượng hiện tại hoặc nhớ nghĩ chuyện quá khứ hay tưởng tượng chuyện tương lai.

- **Hành uẩn:** Là uẩn thứ hai trong Thập Nhị Nhân Duyên. Hành uẩn cũng là uẩn thứ tư trong ngũ uẩn. Hành uẩn trong ngũ uẩn là phản ứng (tâm sở) của Tâm. Trong kinh ghi rằng Hành có 50 tâm sở, còn hai tâm sở nữa là Thọ và Tưởng. Trong 50 tâm sở, quan trọng nhất tác ý (cetanā). Tác ý chủ động điều hành tập hợp các tâm sở tương ứng tạo nên Ý nghiệp. Ý nghiệp dẫn đầu, Thân và Khẩu nghiệp theo sau.

- **Thức uẩn:** Thức được xem là sự hiểu biết của con người. Là cái biết so sánh, phân biệt tốt xấu, phải quấy hai bên, gọi là tâm nhị nguyên. Thông thường Thức có tính quyết định nói ra lời và hành động tùy theo tâm Hành, tạo nên Khẩu và Thân nghiệp.

Thân người hay Sắc, thì ta có thể trông thấy sờ mó được. Còn Danh hay Tâm thì trừu tượng không hình tướng, nhưng Tâm là một tiến trình được hình thành dựa trên cơ chế ngũ uẩn trong thân xác con người. Tâm “*biết*” suy nghĩ, vui, buồn, giận hờn, yêu thích. Tâm trạng của Tâm được biểu lộ qua ánh mắt, đôi môi, âm thanh và tứ chi giúp người đối diện nhận ra sự có mặt của Tâm.

III. TIẾN TRÌNH THÀNH LẬP “NGŨ UẨN SINH DIỆT”

Sự thành lập ngũ uẩn bắt đầu từ các giác quan của thân như: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý trong kinh gọi là sáu nội xứ hay sáu căn. Khi giác quan tiếp xúc đối tượng ngoại trần là hình dáng, thanh, hương, vị, xúc, pháp, sẽ sinh một loạt tín hiệu tác động vào Thọ, Tưởng, Hành và Thức. Tín hiệu đó, như một làn điện xẹt rất nhanh vào tâm con người và ngay sau đó thức phản ứng, nói ra lời hay hành động, hoặc đè nén giữ lại trong tâm sự thích thú hay sự bất mãn. Dù phản ứng như thế nào đi nữa thì ngũ uẩn cũng đã được thành lập và Ngũ uẩn này được xem như là Ngũ uẩn sinh diệt. Từ khác gọi là “*Ngũ uẩn luân hồi sinh tử*”.

Dưới đây là một thí dụ về tiến trình thành lập ngũ uẩn. Thí dụ:

Vào một buổi sáng sớm, mình nhìn thấy ly cà phê bốc khói, hương thơm ngào ngạt, trong đầu tác ý muốn uống. Khi các căn: mắt, mũi, lưỡi, tay (tiếp) xúc với đối tượng là ly cà phê, thì lần lượt Thọ, Tưởng, Hành, Thức, tức Ngũ uẩn có mặt.

Tay nâng ly cà phê thấy nặng hay nóng, cảm thấy khó chịu là Thọ đã có mặt. Khi uống vài ngụm cà phê, lưỡi cảm thấy mùi vị đặc trưng của

cà phê (ngọt-béo-đắng). Mũi ngửi mùi thơm, mình cảm thấy vừa ý, thích thú, khoan khoái, đó là cảm giác "vui thích" tức "tham vi tế" đã có mặt.

Tín hiệu thích mùi vị của cà phê từ Thọ tác động qua mạng lưới Tướng. Tướng thành lập hình ảnh ly cà phê trong đầu, tiếp theo là mạng lưới liên tưởng đến một loạt hình ảnh về những ly cà phê đã có lần thưởng thức trong quá khứ và mong muốn tiếp tục uống cà phê ngon trong tương lai...

Tín hiệu từ Tướng chuyển sang Hành. Tại đây Hành hoạt động, do thích hay không thích mà phản ứng thành "Tâm tham" hay "Tâm sân". Sau cùng tín hiệu tác động qua Thức. Thức là cơ chế nhận thức (biết), phân biệt. Rất nhanh chóng tùy theo phản ứng của Hành, mà Thức quyết định nói ra lời hay có hành vi thích hợp.

Tiến trình này khởi ra khi các căn (mắt, tay, mũi, lưỡi) thuộc Sắc, tiếp xúc với trần cảnh (ly cà phê). Ngay khi đó Thọ, Tướng, Hành, Thức có mặt. Như vậy, toàn bộ Ngũ uẩn có mặt.

Kể ra thì dài, nhưng thực sự tiến trình này xảy ra chỉ trong tích tắc. Một ngày, không biết bao nhiêu lần các căn tiếp xúc cảnh trần tác động vào tâm khiến Thọ, Tướng, Hành, Thức luôn dao động, sinh khởi, rồi lập tức diệt mất. Do vậy mà chúng cũng có ba đặc tính chung là vô thường, khổ, vô ngã.

Trên đây là tiến trình thành lập ngũ uẩn sinh diệt của người phàm phu chưa biết tu tập. Tâm của người này luôn dao động bởi tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến. Do sống trong Vọng Tâm, có khi tạo nghiệp lành cũng có khi tạo nghiệp dữ, nên khi thân hoại mạng chung không thể thoát ra khỏi vòng luân hồi sinh tử!

IV. "NGŨ UẨN GIAI KHÔNG" LÀ GÌ?

Đời sống của mỗi con người hay mỗi Ngũ uẩn kéo dài bao lâu, không ai xác định được. Có người sống 70, 80 năm, có người sống trường thọ 100 tuổi hoặc hơn, nhưng cũng có lắm người qua đời khi tuổi còn thanh xuân. Tuy không biết được bao giờ con người chết đi, nhưng chắc chắn không có người nào sống mãi trên thế gian này!

Đọc kinh, chúng ta nhớ lời Phật dạy: "Các hành đều vô thường" hay "tất cả các pháp hữu vi đều vô thường, vô ngã". Ngũ uẩn hay con người cũng là pháp hữu vi do nhiều điều kiện hợp lại mà thành, nên Ngũ uẩn cũng vô ngã.

Vậy Vô ngã là gì? Vô ngã đồng nghĩa với vô chủ, là những pháp không vững chắc, không trường tồn, vĩnh cửu, bất biến. Khác với Vô ngã, Ngã là chủ thể, là vững bền mãi với thời gian, là thường hằng. Rất tiếc Ngũ uẩn không thường hằng nên Ngũ uẩn vô ngã!

Tư duy lời Phật dạy, chúng ta thấy những điều Ngài thuyết giảng vô cùng chính xác. Tất cả mọi vật trên đời đều do nhiều nhân nhiều duyên hợp lại mà thành. Khi duyên tan rã thì vạn vật cũng tự duyên mà biến mất. Ngũ uẩn do Sắc và Tâm hợp lại mà thành. Sắc không tự nhiên có, mà nó kết hợp bởi Tứ Đại.

Quan sát thân con người, chúng ta thấy rằng thịt, da, xương cốt có tính rắn chắc là Địa Đại. Máu, nước tiểu, mồ hôi, nước mắt, nước bọt, có tính lỏng ướt là Thủy Đại. Nhiệt độ ấm nóng của cơ thể là Hỏa Đại. Hơi thở hô hấp là Phong Đại. Con người được sinh tồn là do Tứ Đại hợp thành. Khi Tứ Đại trong thân phân tán, sinh mệnh con

người liền chấm dứt. Do đó vạn vật thế gian hay thân thể chúng sinh hữu tình đều là giả tướng của Tứ Đại hòa hợp mà thành chứ không có một thực thể nhất định nào khác. Tâm thì do Thọ, Tướng, Hành, Thức hợp lại mà thành. Tất cả các yếu tố thành lập nên Ngũ uẩn không có yếu tố nào bền vững, không yếu tố nào thực sự là chủ, nên tất cả đều vô ngã.

Trở lại câu kinh: "**Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba-la-mật đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách**". Khi Bồ Tát thực hành trí tuệ cao siêu tới bờ bên kia (bờ giác ngộ), soi thấy Ngũ uẩn đều không, nên vượt qua tất cả mọi khổ ách.

Ở đây chúng ta hiểu rằng với trí huệ Bát nhã, Bồ tát đã nhận ra Tánh Không của Ngũ uẩn, tức không có một thực thể cố định nào hết từ Ngũ uẩn. Không có thực thể cố định thì "Ngũ uẩn có" chỉ là "giả có" chứ không phải "thật có".

"Giả có" mà mình cho là "thật có" thì đó là mình mê lầm. Nhưng "giả có" mà nói "Không có", thì không đúng với sự thật trước mắt.

Vì vậy không thể khẳng định là Không, cũng không thể khẳng định là Có. Thuyết pháp về "Chữ KHÔNG trong bài kinh Bát Nhã", Đại lão Thiên Sư Trúc Lâm dạy rằng: "Muôn sự, muôn vật trước mắt chúng ta đều là cái tướng duyên hợp. Nói "Giả Có", vì Có mà tạm bợ, chứ không phải là thật. Kể cả tâm thân của ta là Ngũ uẩn đây cũng thế!"

Tất cả mọi thứ trên đời này trong đó có Ngũ uẩn đều Vô ngã, đều Không, nên Bồ tát chẳng dính mắc với bất cứ những gì xảy ra trên Ngũ uẩn. Cho nên, có ai đó nặng lời xúc phạm đến mình, mình xem như chẳng có gì. Tại sao? Tại vì mình đã ngộ ra rằng thân Ngũ uẩn không thật và lời nói khen chê của ai đó cũng không thật. Chẳng qua chỉ tạm bợ hư dối! Bản thân hư giả, người đối diện hư giả, lời nói hư giả, cái khổ sở hay hạnh phúc nếu có cũng là hư giả.

Mọi thứ đều không thật, thì còn cái gì làm cho mình phiền não khổ đau? Chính vì nhận ra "ngũ uẩn giai không" mà Bồ tát vượt qua tất cả mọi khổ ách là như thế!

Trong kinh có kể lại câu chuyện tôn giả Bàhiya Dāruciriya thỉnh cầu đức Phật dạy cho pháp được hạnh phúc lâu dài (pháp thoát khổ), và đã được đức Phật thuyết ngắn gọn như sau:

"Này ông Bāhiya! Ông cần phải học tập như sau: Trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy. Trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng. Trong cái thức tri, sẽ chỉ là thức tri.

"Như vậy, này Bāhiya! Nếu trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy, trong cái nghe sẽ chỉ là cái nghe; trong cái thọ tưởng sẽ chỉ là cái thọ tưởng; trong cái thức tri sẽ chỉ là thức tri! - thì không có ông ở trong ấy, ông không là chỗ ấy. Do vậy, này Bāhiya! Ông không là đời này, ông không là đời sau, ông không là đời chặng giữa. Như vậy là đoạn tận khổ đau".

Đoạn kinh trên, chúng ta có thể hiểu đức Phật dạy Bàhiya pháp tu định Tâm. Khi giác quan tiếp xúc ngoại cảnh, trong cái thấy, chỉ là cái thấy. Đây là cái thấy đầu tiên, trong sáng của mắt, tức thấy như thực. Trong cái nghe, chỉ là cái nghe, tức nghe như thực. Thọ, Tướng và Thức cũng thế! Cái thấy biết đầu tiên khi giác quan tiếp xúc đối tượng là cái thấy biết hoàn toàn khách quan, trong sáng,

không có sự can thiệp của Thọ uẩn, Tướng uẩn, Hành uẩn và Thức uẩn nghĩa là Ngũ uẩn yên lặng tức năm uẩn đều không (Ngũ uẩn giai không), nên không có tôn giả Bàhiya ở trong ấy, nghĩa tôn giả không còn chấp thủ Ngũ uẩn là ta, của ta, tự ngã của ta nên thoát khỏi lậu hoặc.

Tóm lại “*Ngũ uẩn giai không*” trong lời dạy này của đức Phật, là khi giác quan tiếp xúc với đối tượng, tâm hành giả biết nhưng không phản ứng thích thú hay chán ghét, tâm không nói thầm về đối tượng, thì Tánh biết có mặt. Tánh biết là cái biết rõ ràng lặng lẽ, trong sáng, khách quan, là cái lóe sáng đầu tiên của Tánh giác. Lúc bấy giờ toàn bộ Ngũ uẩn yên lặng, không có cái Ta, cái của Ta hay Tự ngã của Ta trong đó, hành giả thoát khỏi mọi lậu hoặc, khổ đau. Ngũ uẩn yên lặng là “*ngũ uẩn giai không*” còn như tâm dao động là có mặt “*Ngũ uẩn sanh diệt*”.

V. PHÁP HỌC và PHÁP HÀNH

Trong phạm vi bài viết hôm nay, những ai muốn khai mở trí tuệ tâm linh, nhận ra “*Ngũ uẩn giai không*” và “*van pháp giai không*” để thoát khỏi mọi khổ ách, thì phải tu tập theo đường lối Phật dạy. Pháp Phật dạy có hai phần đó là Pháp Học và Pháp Hành.

(1) PHÁP HỌC: Là những lời khai thị của Phật qua các bài Pháp: Tứ thánh đế, Lý duyên khởi, Pháp duyên sinh, Biến dịch (Sinh-Tru-Hoại-Diệt-Không), Nhân quả, Vô thường, Khổ, Vô ngã v. v... Nhờ lời khai thị về cuộc đời vốn Vô thường-khổ-vô ngã nên người tu giữ được ngọn lửa Bồ đề trong tâm, không chao đảo chán nản khi bị ác duyên tấn công, mà bỏ tu nửa chừng.

Tuy nhiên, nếu thấu rõ lời khai thị của đức Phật mà không học cách thực hành, thì kiến thức Phật học cũng chỉ giống như kiến thức ngoài đời, làm lớn thêm bản ngã, biến người học Phật trở thành một người kiêu mạn, tự phụ, không ích lợi gì cho việc giác ngộ giải thoát.

(2) PHÁP HÀNH: Cho nên trong vấn đề tu tập mở mang trí huệ, Pháp Học và Pháp Hành phải đi đôi. Tu thiền có hai pháp Chỉ và Quán. Chỉ là bước đầu đi đến Định. Quán là nền tảng để đi đến Tuệ. Về Pháp Hành cũng phải học lý thuyết. Đó là học phương thức hay kỹ thuật thực hành. Về phương thức thực hành thì các thiền sinh thuộc dòng Thiền Tánh Không được Cổ Thiên Sư Thông Triệt hướng dẫn từ đơn giản đến sâu sắc.

- Đơn giản là các chiêu thức kích thích Tánh Thấy bằng mắt: Nhìn gần, nhìn xa, nhìn lưng chừng, nhìn qua nhìn lại... Phương pháp này giúp tâm không kịp suy nghĩ gì trong đầu. Kích thích tánh Nghe: Tai nghe tiếng chuông, tiếng sóng biển, tiếng mưa rơi... Kích thích tánh Xúc chạm: Đi thiền hành, v.v... Những bước đầu này là Thiền Chỉ, chủ yếu là tập “*không nói thầm trong não*” tức “*biết không lời*” lúc thấy, nghe hay xúc chạm. Kết quả tâm thiền sinh tạm yên lặng nhưng chưa vững chắc.

- Để đạt được “*Định Không Tâm Không Tứ*” thiền sinh thực tập pháp Thâm Nhận Biết không lời, tâm tứ yên lặng. Tiến thêm bước nữa là “*Chánh Niệm Tánh Giác*”. Trong lúc tham thiền ở

mức độ này, tâm hành giả hoàn toàn tỉnh thức, hành giả biết tất cả những gì xảy ra trên thân tâm nhưng không dính mắc. Chỗ này Định-Huệ đồng thời rõ ràng nhất. Cao và thâm sâu hơn nữa là “*Định Bất Động*”, bấy giờ các Tánh Thấy, Nghe, Xúc chạm đóng cửa, không còn nghe thấy cảm nhận những gì xảy ra xung quanh, tâm hành giả hoàn toàn yên lặng chỉ có một dòng Nhận thức biết không lời, tự nhận thức rằng mình đang ở trong định.

- Về mặt thiền Quán thì thực tập pháp Như Thật (Yathabhūta), pháp Không Gọi Tên Đối Tượng... trong bốn oai nghi. Tâm biết rõ khi thiện pháp hay ác pháp đang khởi lên trong tâm nhưng không phản ứng, tức không phản kháng cũng không cố gắng giữ lại. Biết cái đang là của đối tượng là cái biết của Tánh giác. Tánh giác như tấm gương bình thản tự nhiên thu nhận hình ảnh khách trần đến, tồn tại và biến đi, không mời gọi cũng không xua đuổi. Cứ thế, lâu ngày, hành giả nhận ra ba tướng “*vô thường, khổ, vô ngã*” của khách trần, của Ngũ uẩn. Tuệ giác này phá tan mọi dục ái, tham, sân, không còn chấp trước Ngũ uẩn là Ta, của Ta hay Tự ngã của Ta, hành giả vượt thoát mọi khổ ách.

VI. KẾT LUẬN

Với pháp tu thiền Chỉ (nền tảng đưa đến Định) giúp thân tâm yên lặng, tức “*Ngũ uẩn yên lặng*” (Ngũ uẩn giai không), thiền Quán giúp tâm mở mang trí tuệ. Dùng trí huệ soi thấu được muôn vật hay chính bản thân mình đều là “*duyên hợp*”, “*hư giả*” vì “*không thực chất tính*” nên “*Ngũ uẩn giai không*”. Thấu hiểu được như vậy thì khổ ách nào cũng qua hết!

Trong nhiều năm qua, chúng ta thường tụng “*Bát Nhã Tâm Kinh*”. Tụng hoài mà nhiều người vẫn còn than khổ! Đó là do mình học kinh mà không chịu ứng dụng kinh vào đời sống của mình. Lúc nào cũng thấy mình là thật, thấy người xung quanh mình là thật, thấy lời nói, hành động của người ta là thật, thấy sự được, mất của mình đều là thật v.v... Thấy cái gì cũng thật và dính mắc với nó nên mình mới khổ. Nếu nhận ra Tánh Không của vạn pháp, thấy mọi thứ đều tạm bợ, giả dối, nay còn mai mất, nay có mai không, thì mình có nên bám víu để chịu khổ hay không?

Kính nói đức Bồ tát “**hành thâm Bát Nhã Ba-la-mật đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không thời độ nhất thiết khổ ách**”, mình chỉ tụng học thuộc lòng kinh (Pháp Học) mà không chịu chiếu kiến là soi sáng xem Ngũ uẩn là gì, do đâu mà có Ngũ uẩn (Pháp Hành), nên tu hoài mà vẫn thấy khổ!

Bài viết tạm ngưng nơi đây. Kính chúc những ai có duyên đọc bài này sẽ “*chiếu kiến ngũ uẩn giai không*” để hết khổ. Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

(Ngày 30/7/2023: Sinh hoạt trên On line với hai đạo tràng Thiền Tánh Không Sacramento và San Jose CA).



Chùm từ cú lục bát "MẮT ĐẠO NHÌN ĐỜI"

RỘNG THÈNH

*Đường lên cờ rọp hai hàng
Cờ hay gió động? Không màng, cứ lên!
Thoảng nghe chuông mõ thân quen
Ồ, đây nẻo Đạo rộng thênh ta về...*

VẠN SẮC HOA

*Vạn hoa sắc nhuộm kính màu
Mắt tôi đa sắc nhìn đâu cũng tình
Nhìn em xanh đỏ bóng hình
Nhìn đời hồng tím, nhìn mình vàng hoe.*

BƯỚI TRO

*Tìm xưa, tìm cái lỗi thời
Mắt sâu hoài cổ nhìn đời tân trang
Tìm xưa, bụi đồng tro than
Hữu duyên nhất được miếng vàng biết đâu?!*

NGỘ

*Thấp đèn xem truyện Tây Du
Xem xong ngộ thấy mình ngu lâu ngày
Trí tâm bừng sáng nhờ Thấy
Vô ngôn mật ý đắp đầy kiến tri!*

TRI TỨC

*Đời trôi theo nước xuôi dòng
Nhà quê đất thấp phập phồng bờ ven
Tình người ấm áp nước lên
Đôi trông hỉ nộ lệnh bênh thoáng qua.*

BAO GIỜ?

*May thay buông xả vẫn còn
Buông tâm xả thủ, lưu tồn làm chi?
Bụng còn ghim gút chua cay
Bao giờ thanh thản đạp mây phiêu bồng?*

OAN CHƯỞNG

*Oan khiên ngang trái trên đường
È lưng mà gánh khổ buồn trả vay
Nửa đời đi, sống lắt lầy
Trả xong nghiệp chướng nhẹ bay giang hồ.*

CHÉN RƯỢU GIANG HỒ

*Lại rai chén rượu giang hồ
Thấy mình Cầu Bại Độc Cô khùng khùng
Chén đây dâng tặng Kim Dung
Chén voi ta hộp chúc mừng tuyết chiêu!*

thơ **VĨNH HỮU TÂM KHÔNG**



THANH VĂN TẠNG THUỘC ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM ĐÃ ĐẾN ĐÀI LOAN

Thích Trung Thành tường thuật

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Phước lạc thay chư Phật chánh đẳng giác xuất hiện.

Phước lạc thay Giáo pháp trung đạo dẫn đến lạc của chư Phật được tuyên dương.

Phước lạc thay chúng đệ tử hiểu và hành như Chánh pháp.

Phước lạc thay chúng đệ tử hòa hiệp đồng tu.
(Dhammapada, kệ 194)

Chỉ vì mục đích "đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người" mà trong suốt 45 năm tại thế, đức Phật đã tùy theo căn cơ và nhân duyên mà thuyết Pháp cho những chúng sanh được gặp Ngài. Trước khi vào Niết Bàn, Ngài còn dặn dò thầy Anan rằng "Pháp và Luật, Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo Sư của các Người." Vì lời dạy ấy của Thế Tôn, cũng như lòng thương đối với chúng sanh đời sau mà các bậc thánh tăng và thầy tổ đã góp nhặt những lời dạy của Phật và chư vị thánh đệ tử thành Tam Tạng Thánh Điển (kinh, luật, luận) trong những kỳ kết tập kinh điển được thực hiện trong suốt hơn 2500 năm qua.

Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, chủ tịch Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời, từng nhấn mạnh rằng "Tam Tạng Thánh Điển là nguồn suối cho tất cả nhận thức về Phật pháp, để học tập và hành trì, cũng như để nghiên cứu." Ấy thế mà cho đến nay, Phật giáo Việt Nam vẫn chưa có được một bộ Tam Tạng Thánh Điển bằng tiếng Việt (ĐTKVN) một cách đầy đủ và trọn vẹn. Nhu cầu thực hiện ĐTKVN lại càng trở nên cấp thiết khi đặt vào bối cảnh phần lớn Phật tử ở các quốc gia Châu Á làng giềng đều đã được đi sâu vào học hỏi và tu tập từ Tam Tạng Thánh Điển bằng chính ngôn ngữ mẹ đẻ của họ.

Giữa lúc hàng đệ tử Phật ở Việt Nam ngóng trông Tạng Thánh Điển bằng tiếng Việt tựa trời hạn trông mưa, tin vui từ chư trưởng lão Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất về việc thành lập Hội Đồng Phiên dịch Tam Tạng Lâm Thời (HĐPDTTLT) vào tháng 12 năm 2021 như trận mưa đầu mùa làm dịu mát cơn khát của những tâm hồn ham tu, ham học. Hội đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm thời này là sự kế thừa của Hội đồng Phiên dịch Tam tạng được thành lập bởi quyết định của Hội đồng Giáo phẩm Trung ương, Viện Tăng Thống GHPGVNTN vào tháng 10 năm 1973. HĐPDTTLT và gồm có quý Ngài:

Chủ tịch: Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ

Cố vấn: Giáo Sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát

Chánh Thư ký: Hòa Thượng Thích Như Điển

Phó Thư ký quốc nội: Hòa Thượng Thích Thái

Hòa

Phó Thư ký hải ngoại: Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu

Cùng chư vị tôn đức khác.

Mục tiêu được hội đồng đặt ra trước tiên là dành 5 năm đầu để cơ bản hoàn thành toàn bộ Thanh Văn Tạng và sẽ cho xuất bản từng phần. Các bộ Kinh này cũng được phát hành trên hệ thống toàn cầu Amazon để hàng Phật tử hay giới nghiên cứu có thể đặt từng cuốn cho nhu cầu học tập, nghiên cứu. Thế nhưng chỉ hơn 6 tháng sau, con tim những người con Phật Việt Nam đã tràn đầy hạnh phúc khi nghe Ngài Chánh Thư ký tuyên bố trong diễn văn khai mạc lễ Giới thiệu Thanh tự Sơ bộ Công trình Phiên dịch Đại Tạng Kinh Việt Nam vào tháng 7 năm 2022 rằng: "*tất cả các Ban bộ, đặc biệt là Ủy ban Chuyết văn và Ban Ấn Hành đã làm việc không ngừng nghỉ trong suốt hơn 6 tháng qua. Từ Ôn Chú Tịch, Quý Ngài Cố Vấn và các Ban bộ đều đã dùng hết tâm lực và thời gian của mình để hôm nay đây chúng ta có thể nhìn thấy được thành tựu sơ bộ này là các Kinh bộ, Luật bộ, Luận bộ và Tập bộ thuộc Tạng Thanh Văn này đã được ấn hành.*" Nhưng đây chỉ là giai đoạn 1 và công trình vẫn còn đang tiếp tục.

Sau Tâm Thư kêu gọi sự yểm trợ tài lực của Ngài hội trưởng Hội Ấn Hành ĐTKVN - Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, nhờ sự nhiệt thành ủng hộ của bà con Phật tử từ khắp nơi mà đến đầu năm 2023 thì việc in ấn Thanh Văn Tạng đợt đầu tại Thái Lan đã hoàn tất với ấn phí cho lần in đầu 29 tập thuộc Thanh Văn Tạng đã lên tới \$253,000 USD, chưa tính cước phí chuyên chở đi các nơi lên tới khoảng 60,000 USD.

29 quyển thuộc Thanh Văn Tạng trong lần ấn hành này gồm có Kinh Trường A-hàm (2 cuốn), Kinh Trung A-hàm (4 cuốn), Kinh Tạp A-hàm (3 cuốn), và Kinh Tăng Nhất A-hàm (3 cuốn); Luật Tứ Phần (4 cuốn), Luật Tứ Phần Tăng Giới Bốn (1 cuốn); Luận A-tỳ-đạt-ma Câu-xá (3 cuốn), A-tỳ-đạt-ma Tập Di Môn Túc Luận (1 cuốn), A-tỳ-đạt-ma Pháp Uẩn Túc Luận (1 cuốn); và Tập Bộ gồm Lục Độ Tập Kinh (1 cuốn) và Kinh Hiền Ngu (1 cuốn); và 5 cuốn Tổng Lục. Theo lời ngài Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan thì "*công trình phiên dịch Đại Tạng Kinh của Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời được thực hiện trong chuẩn mực hàn lâm nghiêm túc, với sự đối chiếu các bản tiếng Nam Phạn, Bắc Phạn và Tây Tạng, cũng như phần chú thích công phu rất giá trị sánh ngang hàng với các bộ Đại Tạng Kinh có chuẩn mực quốc tế khác.*"

Sau khi việc in ấn tại một công ty chuyên nghiệp tại Thái Lan hoàn tất, Kinh được tiếp tục gửi đi đến khoảng 15 đơn vị thành viên trong 12 quốc gia và vùng lãnh thổ trên khắp thế giới như Việt Nam, Mỹ, Canada, Úc, Châu Âu, Nhật Bản...



*Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan (ngồi).
Hàng đứng, từ phải, HT Thích Như Điển, HT Thích Tuệ
Uy, HT Thích Trí Tuệ, HT Thích Bôn Đạt, HT Thích Thái
Hòa, HT Thích Nguyễn Siêu, và TT Thích Hạnh Tuệ trong
Lễ Ra Mắt TVT 1, ngày 19/3/2023*

Vì cũng là nước có đông đảo bà con Việt Nam sinh sống (hơn 200.000 người) cùng nhiều tăng ni sinh Việt Nam du học, thế cho nên Đài Loan cũng nhận được sự quan tâm của chư trưởng lão trong hội đồng thực hiện ĐTKVN. Với sự chỉ dạy của hoà thượng Thích Như Điển cùng sự khích lệ và giúp đỡ của chú Nguyễn Đạo – Văn Công Tuấn, chúng con đã mạnh dạn nhận lãnh công việc tiếp nhận và cúng dường Thanh Văn Tạng đến các trường đại học và tự viện có đông đảo người Việt sinh hoạt tại Đại Loan.

Đài Loan tuy đang hứng chịu những bất ổn và sức ép chính trị, nhưng nhờ vào vị trí địa lý cùng một vài yếu tố khác mà Đài Loan là một trong những nơi được đón nhận đợt Kinh này sớm nhất. Tuy đã được nhìn thấy hình ảnh bộ kinh từ xa qua buổi ra mắt Thanh Văn Tạng của ĐTKVN tại Mỹ ngày 19/03/2023, nhưng đến khi được trực tiếp giữ bộ kinh ấy trên tay thì lòng chúng con tràn đầy niềm hạnh phúc, nghẹn ngào không thể nói thành lời. Quả thật như lời Ngài Trưởng Lão Thích Thắng Hoan cảm thán rằng *"Theo tôi nghĩ, một quốc gia như Việt Nam nếu có được nhiều công trình phiên dịch Đại Tạng Kinh là một đại phước cho dân tộc. Không những thế, đó còn là một đại hạnh cho giới học Phật, giới nghiên cứu và các thế hệ tương lai để có nhiều tài liệu, nhiều văn bản, nhiều bản dịch ngõ hầu tra cứu, tham khảo và truy tìm thật nghĩa của Thánh Điển."*

Sau khi tiếp nhận các bản in từ công ty vận chuyển ngày 21/04/2023, với sự hỗ trợ của quý thầy cô cùng Phật tử như thầy Thích Thiện Tài, Thích Quảng Việt, Thích Vạn Trí, sư cô Thích Nữ Tịnh Như, gia đình Phật tử Trung Nghiêm – A Huy... chúng con đã lần lượt cúng thỉnh các bộ Kinh điển này đem đến tận nơi dâng cúng Thanh Văn Tạng đến các cơ sở ở Đài Loan. Vì cộng đồng Người Việt ở Đài Loan khá đông và nhu cầu cho đời sống tâm linh của họ cũng rất lớn nên hiện nay có khá nhiều những chùa viên và đạo tràng do quý thầy cô người Việt thành lập năm rải rác khắp Đài Loan. Nhiều đạo tràng trong số ấy là được thành lập bởi quý thầy cô hiện đang du học tại Đài Loan và họ thường thuê tạm một địa điểm

để sinh hoạt. Chính vì còn phải bận việc học nên thường đạo tràng của những vị này chỉ sinh hoạt vào những dịp lễ lớn. Đến khi quý thầy cô ấy hoàn thành chương trình học và phải rời khỏi Đài Loan, nếu không thể tìm cách khác để gia hạn giấy tờ và không tìm được người thay thế họ chăm sóc cho đạo tràng thì các đạo tràng ấy sẽ bị giải tán.

Giữa lúc nhu cầu thì cao mà đợt này Đài Loan chỉ nhận được 10 bộ nên theo sự hướng dẫn của Hòa Thượng Thích Như Điển cùng sự tư vấn của quý thầy cô đã sinh hoạt lâu năm tại Đài Loan, chúng con đã đề cử danh sách gồm 6 trường Đại Học và Học Viện của Đài Loan hiện có nhiều tăng ni Việt Nam theo học (danh sách đánh số 1 đến 6), cùng 4 chùa viện có cơ sở ổn định (danh sách số 7 đến 10), do những thầy cô Việt Nam đã có giấy tờ dài hạn chăm sóc. Từ bây giờ (5/2023), tuy số lượng các bộ Kinh còn khiêm tốn nhưng giới học thuật, các nghiên cứu sinh hay những người có quan tâm nghiên cứu Thánh điển tiếng Việt tại Đài Loan có thể tìm đến các cơ sở này để đọc, tham cứu các bộ Kinh phiên dịch Việt ngữ có trình độ hàn lâm – từ nội dung đến hình thức – có thể sánh vai cùng các bản dịch Kinh qua các ngôn ngữ khác trên thế giới.

Như lời của Ngài trưởng lão chủ tịch Hội đồng Phiên dịch Tam Tạng Lâm Thời làm lời chúc phúc cho việc cúng dường Thanh Văn Tạng, thành tựu tính đến thời điểm này chỉ là bước 1 trong công trình lâu dài do quý Ngài lập ra, bao gồm cả việc phiên dịch và đào tạo dịch giả tiếp nối. Đến khi nào hoàn thành xong Thanh Văn Tạng thì sẽ tiếp tục phiên dịch các phần khác như Bồ Tát Tạng, Mật Tạng v.v... Ngài dạy: *"Từ đây trở đi, Đại Tạng Kinh Việt Nam được chính thức thành lập (nhập tạng), số quyển và số tác phẩm được đánh số thứ tự theo tiêu chuẩn của Hội Đồng Phiên Dịch và được công bố trong ấn bản của Hội Ấn Hành Đại Tạng Kinh Việt Nam. Sự nghiệp phiên dịch sẽ được kế thừa liên tục cho đến khi hoàn thành. Những khuyết điểm và sai lạc nếu có trong các bản dịch, sẽ được các thế hệ kế thừa hiệu chỉnh và bổ sung, để cho Thánh ngôn càng lúc càng trở nên trong sáng, khế hợp với mọi căn cơ; để cho pháp vị như cơn mưa lớn mà khả năng hấp thụ tùy theo các loại thảo mộc lớn nhỏ, thầy đều lợi lạc trong đời này và nhiều đời sau."*

DANH SÁCH VÀ MỘT SỐ HÌNH ẢNH DÂNG CÚNG 10 BỘ KINH THUỘC THANH VĂN TẶNG CHO 6 CƠ SỞ HỌC THUẬT VÀ 4 NGÔI CHÙA Ở ĐÀI LOAN (5/2023)

1. Phật Quang Sơn- Đại Tạng Kinh Cát – Cao Hùng

Đây là một quần thể kiến trúc Phật giáo đồ sộ tọa lạc ở Cao Hùng, Đài Loan do đại sư Tịnh Văn thành lập từ năm 1967. Đại sư là một trong những vị danh tăng của thế kỷ 20, có tầm ảnh hưởng lớn đến việc phát triển Phật giáo ở Đông Á nói riêng và thế giới nói chung, đặc biệt là với tư tưởng "Phật Giáo Nhân Gian" của ngài. Hiện nay Phật Quang Sơn có hơn 200 chi nhánh trên khắp thế giới. Nơi đây thường xuyên có chư Tăng Ni, Phật tử, cùng các học giả Việt Nam đến tu tập và giao lưu.



Pháp sư Ý Lai - viện trưởng trường Đại Từ - Phật Quang Sơn đại diện nhận kinh từ Thầy Trung Thành

2. Đại học Phật Quang- Nghi Lan

Đại học Phật Quang là trường tư thục thuộc bộ giáo dục Đài Loan, tọa lạc tại huyện Nghi Lan, miền Bắc Đài Loan. Đây là một trong năm trường đại học do Phật Quang Sơn sáng lập, trong đó có 2 trường ở Đài Loan và lần lượt các trường ở Mỹ, Úc, Philippines. Trường được đại sư Tinh Vân khởi công xây dựng năm 1993 và đến năm 2000 thì bắt đầu tuyển sinh khoá đầu tiên. Toàn trường hiện nay gồm có 14 khoa, trong đó có khoa Phật học hiện đang có khoảng 40 tăng ni sinh Việt Nam theo học.



Giáo sư Lâm Tuấn Hoàng - thủ thư đại học Pháp Cổ đại diện nhận kinh từ Thầy Viên Nhân

3. Đại học Pháp Cổ – Tân Bắc

Đây là học viện Phật giáo đầu tiên ở Đài Loan được chính phủ chính thức công nhận văn bằng đào tạo. Trường tọa lạc trong khuôn viên của

Trung Tâm Giáo Dục Phật Giáo Thế Giới Pháp Cổ do Hoà thượng Thánh Nghiêm sáng lập năm 1989 và khánh thành năm 2005. Hoà thượng Thánh Nghiêm là một trong bốn vị cao tăng của Phật Giáo Đài Loan trong thời hiện đại và là một trong 50 người có ảnh hưởng nhất của Đài Loan trong 400 năm trở lại. Với kiến thức uyên thâm về thiền, phương pháp tu tập hiện đại và kinh nghiệm tu thiền phong phú, ngài đã sáng lập dòng thiền "*Pháp Cổ thiên*" bằng cách kết hợp phương pháp thiền Mặc chiếu của phái Tào Động và phương pháp thiền Thoại Đầu của phái Lâm Tế nhằm phát triển và mở rộng một pháp môn thiền có thể thích nghi với tất cả mọi tầng lớp, mọi tôn giáo. Khoa Phật học của trường hiện đang có khoảng 32 tăng ni sinh Việt Nam theo học.



Giáo sư Quách Triều Thuận - viện trưởng khoa Phật Học đại học Phật Quang đại diện nhận kinh từ thầy Quảng Việt

4. Đại Học Hoa Phạm – Tân Bắc

Đây là trường đại học đầu tiên được thành lập bởi cộng đồng Phật giáo ở các nước nói tiếng Hoa. Trường do một vị ni họa sĩ nổi tiếng đến từ Quảng Đông: Sư bà Hiếu Vân cùng hơn 1000 vị thiện nam tín nữ sáng lập vào năm 1990 với tư cách là Học viện Công nghệ Hoa Phạm. Đến năm 1997 thì được công nhận là trường đại học chính thức. Tọa lạc trên ngọn núi Đại Luân huyện Thạch Định, Đài Bắc, Đài Loan, Đại học Hoa Phạm có 4 Khoa: Kỹ thuật và Quản lý, Nghệ thuật Tự do, Nghệ thuật và Thiết kế và khoa Phật học.

5. Phật học viện Viên Quang – Đào Viên

Viên Quang là một trong những ngôi chùa lâu đời nhất ở Đào Viên. Chùa được thành lập vào năm 1918 trong thời kỳ Đài Loan là thuộc địa của Nhật



Giáo sư Dương Tà An - trợ lý khoa Đông Phương đại học Hòa Phạm đại diện nhận kinh từ Thầy Thiện Tài

Bản bởi một nhà sư tên là Diệu Quả- người có ảnh hưởng lớn đến mức được mời giảng dạy cho hoàng gia Nhật Bản. Khi trở lại Đài Loan, ngài đã xây dựng chùa Viên Quang ở Trung Lich – Đào Viên và thu hút những người trẻ tuổi trải nghiệm cuộc sống tu viện đồng thời cung cấp các khóa học giáo dục trung học và đại học cho họ. Từ năm 1987, họ bắt đầu trùng tu ngôi chùa và mở rộng trường học, cung cấp thêm chương trình sau đại học. Hiện đang có khoảng 25 tăng ni sinh Việt Nam theo học tại đây.



Pháp sư Tịnh Thượng - trụ trì chùa Viên Quang đại diện nhận kinh từ Thầy Vạn Trì

6. Học Viện Quang Đức- Cao Hùng

Chùa Quang Đức được thành lập năm 1927 do Hoà thượng Huyền Tông làm vị trụ trì đầu tiên. Năm 1953 thì ngài Tịnh Niệm tiếp nối cho đến năm 1963 thì Hoà thượng Tịnh Tâm thay thế làm trụ trì đời thứ 3 của chùa. Năm 1967 ngài thành



Pháp sư Ngô Nguyên - hoà thượng (trùng trùng học viện Quang Đức đại diện nhận kinh từ Thầy Ngô Tiên

lập học viện Phật giáo Tịnh Giác. Đây là cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho tu sĩ và mỗi khóa kéo dài ba năm. Đến năm 1992, ngài thành lập Đại học Tăng già Tịnh Giác (Chi nhánh Đài Loan của Đại học Phật giáo Maha Chulalongkorn, Thái Lan) với tên gọi Quang Đức. Hiện đang có khoảng 23 tăng ni sinh Việt Nam theo học tại đây.

7. Đạo Tràng chùa Lạc Việt – Tân Bắc- Ni sư Tâm Châu trụ trì

Ni sư Tâm Châu đã đặt chân sang Đài Loan du học từ cách đây khoảng 30 năm và đạo tràng chùa Lạc Việt mà Ni sư thành lập được hơn 10 năm có thể xem là đạo tràng đầu tiên của người Việt tại Đài Loan. Ni sư cho biết dung tâm khi lấy từ Lạc Việt đặt tên cho chùa ngoài việc đây là tên của tộc người thì nó còn mang ý nghĩa là niềm an lạc của/ cho người Việt. Ni sư mong có thể dùng những lời dạy của Đức Phật để mang lại niềm an lạc cho bà con Việt Nam nơi xứ người này.



Ni sư Tâm Châu - trụ trì chùa Lạc Việt - Tân Bắc đại diện nhận kinh từ Thầy Trung Thành

8. Chùa Kim Cang – Đài Bắc – Thầy Thiện Tài trụ trì

Khoảng năm 2013, quý thầy cô du học Đài Loan vào lúc ấy như Thầy Nguyên Tú và Thầy Hạnh Quang đã cùng nhau thành lập nên Đạo tràng Phổ Bi ở Tân Bắc. Nơi này lần lượt được các thầy cô thay nhau chăm sóc qua các nhiệm kỳ hội trưởng, cho đến ít năm trước thì đạo tràng cung thỉnh thầy Thiện Tài làm trụ trì. Đầu năm nay, thầy Thiện Tài đã tiếp nhận chùa Kim Cang từ người Đài Loan nắm trên một ngọn đồi ở khu Trung Sơn – Đài Bắc và dời đạo tràng Phổ Bi về đây nhằm giúp tử chúng có nơi sinh hoạt được rộng rãi và kang trang hơn.



Thầy Thiện Tài - trụ trì chùa Kim Cang – Đài Bắc đại diện nhận kinh từ Thầy Trung Thành

9. Đạo Tràng Chùa Việt Nam – (Tân Bắc + Nghi Lan + Đào Viên)- sư cô Thuận Tịnh, sư cô Tâm Thanh trụ trì

Sư cô Thuận Tịnh sang Đài Loan du học từ khoảng năm 2012, 3 năm sau thì cùng với Sư cô Tâm Thanh lần lượt thành lập chùa Việt Nam ở Tân Bắc cùng 2 chi nhánh ở Nghi Lan và Đào Viên. Hiện tại, quý Sư cô cùng 3 cô đệ tử xuất gia thường xuyên tổ chức các ngày lễ, tu học và ngoại khoá lay Phật cho đông đảo bà con người Việt cũng như người Đài ở 3 ngôi chùa ấy.



Sư cô Tâm Thanh - trụ trì chùa Việt Nam - Tân Bắc
đại diện nhận kinh từ Thầy Trung Thành

10. Đạo Tràng Chùa Việt Đài – (Đài Trung+ Cao Hùng + Gia Nghĩa) – Sư cô Tịnh Như trụ trì

Sang du học từ năm 2013, với sự động viên và ủng hộ của chư tôn đức ở quê nhà, Sư cô Tịnh Như đã thành lập hội từ thiện Trí Đức vào năm 2015. Đến năm 2017 thì Sư cô tạo dựng đạo tràng Đài Trung, đặt tên là chùa Việt Đài. Sang năm 2019 thì thêm 1 chi nhánh cùng tên ở Cao Hùng và sau đó 1 năm thì Vườn Quan Âm ở Gia Nghĩa được lần lượt có mặt. Hiện sư cô cùng với 2 đệ tử xuất gia cùng nhau chăm sóc 3 nơi này để làm nơi nuôi lớn những nhân duyên tốt đẹp của hai nước Việt và Đài.



Sư cô Tịnh Như - trụ trì chùa Việt Đài - Đài Trung
đại diện nhận kinh từ Thầy Trung Thành



Nỗi buồn trải ra mùa hạ

còn ánh sáng nào của tâm giao
lóa lên từ vòm lá
như đôi mắt của dải ngân hà thật xa
những ngôi sao mang tên con gấu hùng tinh
*khoảng cách thật dài khung trời mùa hạ
hát ca cùng những trái tim thiết tha*

giọt mơ nào ngọt như mật
bầy ong vàng từ thung lũng mang về
không thành kiến không oan gia
những đóa sen vừa tàn
hạt thiện lành trụ giữa bàn tay
ba ngàn thế giới tâm linh nghiêng ngả

cảnh đời phức tạp và văn chương lưu lạc
nhàn rồi trải ra những nỗi buồn
trái đất vuông tròn vẫn thờ nhịp mưu sinh
nhân cảnh vốn đầy hình tượng
chiếc xe khuất nẻo tà dương
chiều lên núi nghe tin ai vương bệnh

*còn ánh sáng nào ngày mai hỉ nộ
chuông chùa hay chuông nhà thờ nở rộ
con ngựa già thồ mộ bò lên núi
hoang sơ cánh đồng vàng
thắp nén nhang trầm mỗi một
tương lai thanh thản theo từng bước thong dong?*

sợi tóc nào trên tay nhỏ nhất
vài nét nhăn chứng tích thời gian
mưa hạ tàn, thiết tha vai áo mỏng
kinh vô ngôn xao động cõi lòng...

thơ **THY AN**

Giọt sương đầu cỏ

HUỆ TRÂN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Từng thiền hành một mình trong nhiều buổi sáng mờ sương, nhưng chưa bao giờ tôi thực sự cảm nhận sương rơi, cho đến sáng hôm nay!

Tôi đang nghe sương rơi từng giọt, thánh thót từng giọt trong lòng tôi, và mỗi giọt rơi xuống, tan ra, đều để lại cái buốt lạnh lan tỏa khắp châu thân.

Giọt sương đọng trên lá, mang cái đẹp long lanh của hạt kim cương, biểu hiện sự thanh khiết, mát tươi nơi những ánh mắt quán chiếu sự có mặt của vạn hữu. Tùy theo mức độ quán chiếu sâu hay cạn thế nào, bản chất đích thực của hạt sương sẽ hiển lộ thế đó.

Nếu hành giả không thể chối bỏ sự có mặt của một hạt bụi thì chỉ một giọt sương thôi, cũng là một bài pháp.

Hạt sương đang rơi trong lòng tôi mang tinh thần bài giảng đầu tiên của Đức Thế Tôn ban cho năm anh em ngài Kiều Trần Như. Đó là bài pháp Tứ Diệu Đế, mà điều quan trọng đầu tiên phải chấp nhận là sự có mặt của khổ đau.

Khổ đau là một thực thể của kiếp nhân sinh. Vừa lọt lòng mẹ, ta đã cất tiếng khóc! Có em bé nào cười vang khi ra khỏi bụng mẹ đâu. Tiếng khóc đầu đời đó là báo hiệu khổ đau đã có mặt, ngay cùng lúc với sự hiện hữu của hình hài.

Cưỡng rốn vừa cắt, tách rời con dứt khỏi nguồn nuôi dưỡng của mẹ, nhưng con không hề rời mẹ. Vì con đã mang dòng máu của cha, thịt da của mẹ, tâm linh của ông bà tổ tiên từ nhiều đời nhiều kiếp. Cha mẹ, ông bà, tổ tiên đã đến rồi đi, đã nhận sự khổ đau, đã chuyển hóa, đã có mặt trong vạn hữu này dưới mọi dạng thức mà ngay phút này con chưa thể nhận thấy được.

Như dòng sông trôi chảy không ngừng, nhưng mỗi bến bờ vẫn là mỗi đời mới. Sự khổ đau có mặt ở ngay những phút giây ta tưởng là hạnh phúc. Ranh giới này quá mơ hồ, quá mong manh, khiến ta dễ lầm lẫn, nếu thiếu tinh tấn tu trì, hướng thượng thân tâm tới những điếm lạnh, ý thiện.

Cơ duyên có Kinh Pháp Cú Thí Dụ, phẩm Cát

Tường đã nói tới điều này. Theo lời dẫn kinh thì đó là thời gian Đức Thế Tôn đang diễn bày pháp Tam Thừa tại địa danh La Duyệt Kỳ, trên núi Kỳ Xà Quật.

Khi đó, các đệ tử của một vị đạo sĩ Bà La Môn đang ngồi bên bờ sông, gần khu rừng khi xưa Đức Phật đã đắc đạo. Họ cùng bàn bạc với nhau, thế nào là những điếm lạnh lớn.

Không thể có được câu trả lời trọn vẹn, họ đi tìm vị đạo sĩ Bà La Môn là thầy của họ mà hỏi. Nhưng vị đạo sĩ học rộng hiểu nhiều cũng không thể giải đáp chính xác, vì mỗi địa phương, mỗi dân tộc có cái nhìn về điếm lạnh khác nhau. Vậy, làm sao giúp nhân loại có cái nhìn chung về những điếm lạnh để cùng nhau đạt được hạnh phúc?

Ông bèn dẫn cả năm trăm đệ tử của mình đi tìm Đức Thế Tôn để hỏi.

Toàn bộ 16 bài kệ trong phẩm Cát Tường mà Đức Thế Tôn giảng giải cho vị đạo sĩ Bà La Môn và năm trăm đệ tử của ông ta, không điều nào nói rằng tiền bạc, của cải, danh vọng là hạnh phúc cả. Trái lại, chính những thứ đó là nguyên nhân xa gần đưa tới khổ đau và tan vỡ! Những móc xích bất hạnh này luôn khởi từ ba độc tố tham, sân, si, dưới những hình thức khác nhau, ở mọi lãnh vực tình, tiền, quyền uy ...

Được học 16 bài kệ trong Kinh Pháp Cú, phẩm Cát Tường, tuy chưa đủ căn trí liễu ngộ trọn, nhưng tạm hiểu phần nào cũng khiến tâm còn sơ cơ như tôi, hoan hỷ trước những điếm lạnh từ kim khẩu Đức Thế Tôn chỉ dạy. Thí dụ, như bài kệ số 4:

*"Hữu hiền trạch thiện cư
Thường tiên vi phúc đức
Sắc thân thừa trinh chính
Thị vi tối cát tường."*

Tôi tạm hiểu "Có được môi trường tốt và những bạn tốt. Lại gặp cơ duyên tạo tác được phước đức. Chăm trọng làm đẹp tự thân bằng sự giữ gìn thân tâm trong sạch và chân chính. Đó là điếm lạnh lớn nhất"

Hoặc như bài kệ số 12:

*"Đẳng tâm hành bố thí
Phụng chư đấng đạo giả
Diệc kính chư thiên nhân
Thị vi tối cát tường"*

Tôi tạm hiểu: "Thực hành hạnh bố thí với tâm bình đẳng. Được phụng sự những bậc chân tu đạo cao đức trọng. Biết tôn kính chư vị đáng tôn kính trong hàng trời, người. Đó là điếm lạnh lớn nhất"

Rồi ở bài kệ chót, số 16, Đức Thế Tôn dạy rằng:

*"Trí giả cư thế gian
Thường tập cát-tường-hạnh
Tự trí thành tuệ kiến
Thị vi tối cát tường"*



Tôi tạm hiểu: "Là bậc trí giả trong cõi đời này. Thường tập các công hạnh tạo tác điều lành thiện. Sẽ đạt tới thành tựu trí tuệ thâm sâu. Đó là điểm lành lớn nhất"

Chỉ với 16 bài kệ, tiêu biểu về những điểm lành lớn, nếu được cùng nhau khai triển sâu sa, hành trì nghiêm chỉnh, thì có lẽ chiến tranh và hận thù đã không có mặt.

Đáng thương thay, văn minh nhân loại lại tỳ lệ thuận với mức độ chiến tranh và thù hận. Càng văn minh, nhân loại càng tìm ra những phương cách tinh vi và tàn độc hơn để tiêu diệt nhau, vì tưởng rằng tiêu diệt kẻ khác thì mình sẽ có nhiều hơn.

Chúng sinh thường quên rằng, khởi lòng tham thì lòng tham sẽ vô đáy! Mà dừng lại để biết đủ thì cái đang có mới tràn đầy.

Giọt sương đầu ngọn cỏ sẽ tan nhanh dưới ánh mặt trời, nhưng sát na nào hiện hữu thì giọt sương vẫn mang trọn vẹn cái đẹp của sự chuyển hóa.

Hồi những giọt sương đang quần quanh huyền mộng, hãy dừng lại những lo sợ, hãy thở nhẹ và sâu, em sẽ thấy ánh nắng này không đến để tiêu diệt em đâu. Trái lại, nắng sẽ đưa em đi xa, lên cao. Em sẽ không còn ướt át lạnh lẽo mà em sẽ vàng óng, ráo khô. Vì em sẽ là nắng. Vì em sẽ chuyển hóa, sẽ thăng hoa, bởi em đã làm tròn nhiệm vụ của giọt sương, của hạt mưa, của làn gió.

Những giọt sương không thể mãi mãi gần nhau để cùng chuyển hóa sẽ là mây xám, là mưa tuôn. Như chúng ta cũng không thể mãi mãi có nhau để tiếp tục tạo tác hạnh phúc và đau khổ cho nhau.

Chúng ta vụng về quá, vụng về như giọt sương sáng nay, đã để lòng lo sợ ánh nắng sẽ tan biến mình, mà quên mất hạnh phúc của phút giây hiện tại, đang được là giọt sương tươi mát ban mai! Vì thế mà chúng ta thường thất lạc nhau trong những sát na vụng về!

Giọt sương buốt lạnh sáng nay vừa thức tỉnh hồn tôi, khi bông hoa đại dưới bước chân thiền hành chợt lay động. Bông hoa nở nụ cười tinh khôi nhắc tôi trở về hơi thở chánh niệm.

Ngay lập tức, tôi cảm nhận tôi đang bước cho bạn. Bạn gần và bạn xa. Bạn dưới phố thị và bạn trên non cao. Bạn trong đạo tràng ấm áp và bạn nơi bệnh viện cô đơn.... Và tôi nghe tôi thầm hát bài thiền ca: "My darling, I am here for you. I am in you. And you are in me"(*)

Ngay trong âm thanh đó, bất ngờ, tôi đã nhanh chóng thẳng đờ sự hoang mang, sợ hãi, để mỉm cười với những gì tưởng là khổ đau, là bất hạnh, đang chơi trò đi trốn đi tịm, trong bạn, trong tôi. Chúng luôn ẩn hiện, dẫn ta trong ảo giác, khi tưởng có, lại là không, lúc ngỡ khỏe, lại là bệnh!

Hóa ra, nếu ta tập chấp nhận chúng, thì khổ đau hay hạnh phúc chỉ là những trò chơi thôi bạn ạ.

Chúng đến, mang theo những thông điệp của cảnh giác và dọa nạt, nhưng nếu ta không sợ hãi, lại dạy chúng cùng biết cười, biết hát, thì chúng sẽ trở thành bạn đồng hành.

Trên con đường này, tất cả nhân loại đều đang có đồng hành như vậy. Già thể nào, bệnh thể nào, vui thể nào, buồn thể nào, tên gọi có khác nhau nhưng không thể chối bỏ Sinh, Lão, Bệnh,

VŨ ĐIỆU CHĂM DƯỚI ÁNH TRĂNG

*Lung linh dưới ánh trăng
Tháp cổ trầm tư linh thiêng
Mang trong lòng biết bao bí hiểm
Bàn tay em mềm mại
Trong vũ khúc Apsara
Hồn tượng đá ngàn năm bừng tỉnh giấc
Một giấc mơ dài tiền kiếp mộng du.*

*Ôi! những đèn đài lẳng tằm phù hư
Chảy dưới chân em vết hằn năm tháng
Đuôi mắt đẹp quyến lòng anh sâu nặng
Em uốn cong hình hài
Hoài thai từ kiếp đá
Mưa ngàn năm chưa phai nhạt tình người
Gót chân rung giẫm trên chiếc lá vàng
Giấu thương nhớ sâu trong lòng cổ tháp.*

*Từng hơi thở reo vui
Tiếng cười vang trôi lòng suối
Bay đi trong cõi vô cùng
Điệu múa Chăm chơi vui cùng tiếng nhạc
Âm vang núi đồi từ nghìn xưa vọng lại
Nhịp trống rộn ràng
Thổi bùng trái tim em rực lửa
Đốt cháy cả mặt trời đêm
Rung động đất trời
Cưu mang một tình yêu vĩnh cửu.*

thơ NGUYỄN AN BÌNH

Từ, không lúc nào không có mặt cùng ta.

Nhận diện nhau và chấp nhận nhau để cùng cất bước, con đường sẽ giảm thiểu nhiều chông gai, như cảm nhận sâu sa qua lời hát:

"... Please call me by my true names, so I can hear all my cries and laughter at once.

So I can see that my joy and my pain are once.

Please call me by my true names, so I can wake-up,

And the door of my heart will be left open ..."(*)

Huệ Trân

(Tào-Khê tinh thất,
những ngày nhập thất dưỡng bệnh)

(*) Thiền ca Làng Mai.



ĐỐI PHÓ VỚI DỊ ỨNG

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

Không phải chỉ mình cô là khách hàng của Dị Ứng Theo Mùa (thời tiết), mà các nhà chuyên môn y tế cho hay cứ 5 công dân Canada (tức là khoảng 8 triệu người) thì một người bị bệnh. Ngoài ra, có tới 80% người hen suyễn cũng rơi vào "bệnh phiền phức" này. Tại Hoa Kỳ, cũng có tới 60 triệu nạn nhân như vậy, với 10% dị ứng theo mùa và 10% dị ứng thường xuyên với bụi bặm hoặc lông chó lông mèo.

Làm sao phân biệt dị ứng với bệnh cảm vì 2 bệnh có nhiều dấu hiệu tương tự và uống thuốc dị ứng thường xuyên có hại gì không.

Dị Ứng là một phản ứng khác thường của cơ thể đối với một tác nhân nào đó để tự bảo vệ.

Nghiên cứu cho hay khi một chất lạ xâm nhập cơ thể và gây ra các phản ứng, thì khi tái tiếp xúc với chất này, cơ thể cũng có thể lập lại những phản ứng khác thường đó, đôi lúc làm con người rất khó chịu.

Y kiến khác cho rằng dị ứng là một sự nhận nhầm căn cước. Ở người không bị dị ứng thì khi hít phải phấn hoa, cơ thể coi như vô hại, bỏ qua. Nhưng ở người bị dị ứng thì cơ thể lại coi chúng như kẻ gây hấn, phản ứng lại bằng cách tiết ra histamine. Histamine tác động lên mũi, mắt miệng, gây ra triệu chứng khó chịu. Cũng có ý kiến cho rằng dị ứng là bệnh của nếp sống mới ngày nay: con người càng văn minh, càng vệ sinh sạch sẽ, ít tiếp xúc với cát bụi, chất gây dị ứng thì càng dễ bị dị ứng. Cứ nhớ lại, ở Việt Nam mình khi xưa, sống giản dị, đâu có mấy ai bị cái bệnh "quái quỷ" này. Ngoài ra, sự thay đổi khí hậu với hâm nóng toàn cầu do công nghệ gây ra thì con số những hạt phấn gây dị ứng từ cỏ cây hoa lá cũng nhiều hơn trong không khí.

Năm 1904, bác sĩ nhi khoa Clément Von Pirquet ở nước Áo đã dùng chữ "Allergy" để chỉ hiện tượng này. Allergy là sự kết hợp của hai từ gốc Hy Lạp: allos có nghĩa là khác và ergos là phản ứng. Allergy là một phản ứng khác hay "dị ứng".

Tác động dị ứng có ba thành phần tham dự:

- Tác nhân gây dị ứng đến từ bên ngoài cơ thể (thí dụ phấn hoa);
- Chất kháng thể (IgE) ở trong người; và
- Hóa chất trung gian Histamin.

Kháng thể hiện diện trong máu như một thành phần của hệ miễn nhiễm để chống lại các tác nhân gây hại cho cơ thể xâm nhập từ bên ngoài.

Histamin do chính tế bào của cơ thể tiết ra như một cách để tự bảo vệ khi có một chất lạ xâm nhập. Việc tạo ra histamin hoàn toàn tự nhiên và trong đa số các trường hợp đều có lợi trong việc bảo vệ sức khỏe. Tuy nhiên, có nhiều trường hợp mà sự nhạy cảm của cơ thể vượt quá mức cần

thiết, chính chất histamin này sẽ gây ra những triệu chứng khó chịu cho con người.

Trong dị ứng theo mùa, tác nhân là phấn hoa của một số cây cối, cỏ dại hoặc mốc meo, bụi bặm trong nhà mà con người có thể hít vào qua mũi.

Tại Canada cũng như Hoa Kỳ, dị ứng xảy ra vào những thời gian đặc biệt.

- Vào mùa Xuân, từ tháng 4 tới tháng 5 thì do phấn của các cây như sồi cổ thụ (oak), liễu thướt tha (willow), thông cao vút;

- Mùa Hạ, từ cuối tháng 5 đến giữa tháng 6 thì phấn cỏ dại hoặc cỏ phấn hương (ragweed);

- Tới mùa Thu, từ giữa tháng 8 đến tháng 10 thì do lông chó mèo, mốc meo trong buồng tắm, dưới chậu rửa chén bát hoặc những con mạt (mite) bám vào màn cửa, thảm nylon.

Coi vậy, ta thấy phấn hoa thay phiên nhau "hành hạ" con người. Thời gian trong ngày mà phấn bay bồng nhiều nhất trong không gian là từ mờ bình minh lúc 5 giờ tới 10 giờ sáng. Thời tiết ẩm với những cơn mưa hoặc tuyết lạnh làm giảm đáng kể số lượng phấn hoa của các thảo mộc này.

Dị ứng thời tiết và cảm lạnh có một số dấu hiệu triệu chứng tương tự như nhau. Cũng chảy nước mắt, nước mũi, hắt xì hơi, mệt mỏi, nhưng xét kỹ thì có nhiều điểm khác nhau.

Trước hết dị ứng do những hạt phấn hoa hoặc mốc meo gây ra, còn cảm lạnh lại do hàng trăm con virus. Virus có thể lan truyền từ người bệnh sang người lành khi tay bắt mặt mừng, ôm vai mi mậ hôn môi nhưng dị ứng thì hầu như những ai mắc cảm với kháng nguyên là người đó lãnh đủ.

Khi hít phải phấn hoa dấu hiệu xuất hiện tức thì, kéo dài cả nhiều tháng, còn cảm thì vài ba ngày sau mới bắt đầu hành hạ và dầm bữa nửa tháng sau là tạm biệt, hẹn gặp kỳ sau. Cảm có thể thấy vào bất cứ thời điểm nào nhưng thường



xuất hiện vào mùa đông giá lạnh, người người "giao lưu", tụ họp. Còn dị ứng thì quanh năm hoặc theo mùa nhưng mùa đông ít hơn vì phấn hoa giảm. Tuy nhiên lúc này lại nên "đề cao cảnh giác" với mấy trư "nội thù" là mốc meo, bụi mạt trong buồng tắm không thoáng khí hoặc tại nhà kho, mạt thảm.

Dấu hiệu cũng có vài điểm khác nhau: Cảm lạnh ho nhiều, rất họng, đôi khi nóng sốt, nhức mỏi cơ bắp nhưng dị ứng lại ít ho, không bao giờ gây sốt hoặc đau nhức nhưng mi mắt viêm vài tây điều, ngứa ngáy, dần dựa lệ tuôn, còn mũi thì dầm dề sụt sịt nhớt dãi trong veo chứ không vàng khè nhiễm trùng như cảm lạnh.

Bây giờ là chuyện "uống thuốc thường xuyên để tăng sức đề kháng cơ thể", như cô người nói.

Thuốc đó thuộc nhóm chống histamin (antihistamin).

Histamin là chất cơ thể sản xuất khi bị allergy với mục đích bảo vệ thì lại là chất gây ra các dấu hiệu phiền phức cho nạn nhân ở mắt ở da, ở mũi như đã nói ở trên đây. Thành ra uống antihistamin chỉ là để chặn tác dụng của histamin, giảm thiểu các phiền phức này chứ không phải là để chữa bệnh dị ứng cũng như không có khả năng tăng cường tính miễn dịch.

Tại Canada cũng như Hoa Kỳ, thuốc chống histamin như Diphenhydramine được bán tự do, không cần toa của ông bà bác sĩ, nhưng cần để ý cách dùng và tác dụng ngoại ý, như ngầy ngật buồn ngủ, không tập trung làm việc được hoặc dễ dàng gây ra tai nạn khi lái xe tự động. Thuốc là hóa chất lạ đối với cơ thể. Kê lạ ở lâu trong nhà mà lại gia tăng thường xuyên thì cũng gây ra nhiều tác hại, nhất là với người tuổi cao hoặc kém sức khỏe. Nên hỏi ý kiến bác sĩ trước khi dùng nếu bị cao áp nhãn (glaucoma), cao huyết áp, bệnh tim, tiểu tiện khó khăn vì sưng niệu tuyến hoặc khó thở, hen suyễn.

Ngoài ra, bác sĩ cũng có thể cho dùng thuốc xịt mũi để giảm nghẹt cũng như bảo vệ màng mũi với các chất gây dị ứng.

Vì chỉ chữa các phiền phức do histamin gây ra cho nên thuốc chống histamin không được dùng trước khi bị bệnh. Và thuốc này cũng không chữa dứt dị ứng được. Đã bị dị ứng là hầu hết coi như tới mùa là bị bệnh, không ai "lớn lên là hết" ngoại trừ một số nhỏ các cháu bé. Khi tái phát thì dị ứng lại trầm trọng hơn.

Chắc quý vị cũng có nghe việc chích ngừa dị ứng. Đây cũng là một phương pháp trị liệu đang được áp dụng, nhưng công hiệu khiêm nhường và cần được chích nhiều lần trong tuần, kéo dài cả dăm bảy năm, khá tốn kém. Bệnh nhân được thử coi xem dị ứng với chất gì, được chích chất đó với số lượng bắt đầu rất ít rồi tăng dần. Mục đích là để cơ thể làm quen với chất đó, đối thủ thành bạn. Ngoài ra, hiện nay các khoa học gia cũng đang thử một loại thuốc chống dị ứng đưa vào lưỡi, thay vì chích. Hy vọng thuốc sớm được sản xuất.

Tiện đây thì tôi xin mách vài mẹo vặt cho quý độc giả đang bị dị ứng thời tiết hành hạ:

- Mỗi ngày, theo dõi mức độ phấn hoa trong không khí do sở khí tượng địa phương báo cáo.

- Coi chất gây dị ứng như những phần tử bất hảo, hãy tránh xa và không để chúng tới gần. Cố thủ trong nhà vào thời điểm mức độ phấn hoa cao nhất trong ngày. Nhà ở có máy điều hòa không



VÔ QUÁI NGẠI

*Sống đời như đất đai
Nuôi lớn cả muôn loài
Vội vạy hữu như lai
Nụ cười cùng tiếng khóc
Tâm thương như đại hải
Không vương cảnh trần ai
Quái ngại vô quái ngại!...*

thơ PHƯỢNG HỒNG

khí, quạt trần, cửa lớn cửa nhỏ đóng kín.

- Nếu cần ra ngoài làm vườn, mang khẩu trang có lớp lọc phấn, bụi.

- Lái xe hơi, mở máy lạnh, quay các cửa kính lên cao

- Nhà ở thoáng khí, lau chùi buồng tắm nhà bếp, loại trừ mốc meo, bụi mạt trên thảm, màn cửa. Thay thảm với sàn gỗ, sàn nylon.

- Chó mèo nuôi trong nhà cần được tắm gội thường xuyên, không cho vào buồng ngủ.

- Lâu lâu rửa mũi với dung dịch nước muối sinh lý, để làm sạch niêm mạc.

- Làm vườn dùng dụng cụ tay lên mũi. Rửa tay sạch sẽ trước khi vào trong nhà. Đừng phơi quần áo, mùng mền ngoài trời...

Ngoài ra, xin mách cho quý vị là hàng năm tại Hoa Kỳ, Hội Asthma & Allergy Foundation cũng đưa ra một danh sách những thị trấn tương đối "thân thiện" hơn về dị ứng, chẳng hạn Portland, Seattles, San Diego. Vùng cao nguyên tương đối ít bị dị ứng hơn là ở thung lũng đồng bằng, nơi khí hậu ẩm ướt tốt hơn là nơi khô ráo, gần biển cũng vậy. Thành ra mình có thể hành động như dân du mục hoặc bầy chim chồn rét, thay đổi chỗ ở để giảm thiểu hậu quả của dị ứng.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

MỠI KỶ MỘT MÓN CHAY

BÁNH CANH CÀ-RI

Nguyên liệu:

- 1 gói bánh canh (mì udon) tươi
- 50g (1/2 chén) đậu hủ chiên
- 50g (1/2 chén) bắp cải trắng
- 1 trái cà chua
- 30g (1/4 chén) gia vị cà-ri
- Hạt nêm
- Dầu ăn



Thực hiện:

1. Cà chua rửa sạch cắt nhỏ.



2. Làm nóng nồi với chút dầu ăn, cho viên cà-ri vào xào sơ.



3. Thêm cà chua xào vào đến khi mềm thì cho nước vào đun sôi rồi thêm đậu hủ chiên.

4. Cải bắp rửa sạch, cắt nhỏ rồi cho vào nồi nấu chín. Nêm nếm lại cho vừa ăn với hạt nêm chay hoặc gia vị (bột canh).

5. Thả bánh canh (mì udon) vào đảo đều, đun sôi lại rồi tắt bếp.



6. Lấy bánh canh ra bát, dùng nóng.



Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



HOÀNG TỬ THIÊN SƯ

Ikkyu là một thiền sư lớn của Phật giáo Nhật Bản, ông là con trai của hoàng đế Go-Komatsu nhưng mẹ con ông bị trục xuất khỏi hoàng cung. Thuở nhỏ đã nổi tiếng cực kỳ thông minh lanh trí, năm tuổi đã vào chùa An-Kokuji. Ông đối đáp và ứng xử khiến cho sư phụ và pháp hữu không sao đỡ nổi. Những năm tháng lớn lên, không chịu nổi sự tham lam, sa đọa và đạo đức giả của tầng lớp tăng lữ nên bỏ chùa và mạnh mẽ chỉ trích những thói xấu ấy. Cả một đời lang thang ngang dọc, ông hành xử khác với thói thường của giới tu sĩ, không ngại gì chuyện uống rượu, ăn thịt và cả nữ sắc. Ông không chỉ là một thiền sư mà còn là một nghệ sĩ danh tiếng lẫy lừng. Ông lên tiếng tố cáo giới cầm quyền bóc lột, sưu cao thuế nặng. Ông không sợ bất cứ một thế lực nào dù lớn mạnh đến đâu và sẵn sàng đương đầu. Tên pháp của ông là Ikkyu có nghĩa là dừng lại, là nhất chi, là tự tại giữa sinh tử. Ông từng nói: "Tu học tinh tấn là cốt tủy của chư Phật, chư Tổ. Phật là tu thành chứ không phải sinh thành". Ông sống một đời không sở hữu đến một cây kim, đem Phật pháp đến với tầng lớp bình dân.



Many paths lead from the foot of the mountain, but at the peak we all gaze at the single bright moon (Ikkyu, 1394-1481).

Với hành trạng kỳ dị, kẻ xem ông như một lãng tử hay là một nghệ sĩ cuồng ngông; người thì nhìn ông là bậc đã giác ngộ ở trong ngũ dục mà không dính mắc. Bản thân ông chẳng màng người ta nói gì. Ông để lại cho đời rất nhiều những tuyệt tác.
*Hãy xóa hết nợ
Bọn cướp không bao giờ cướp nhà dân nghèo
Trần bảo của nhà thơ là chữ và câu
Tháng ngày của bọn học giả được ướp bằng sách
Hoa mặt nở ngoài song niềm vui tối thượng
Bụng gầy, lạnh nhưng vui vì tuyết, vì trắng, vì sương mai...*

HOÀNG TỬ MỘT ĐỜI NGÔNG NGHÊNH LẠNG BẠT BẬT CHẤP QUẢN QUYỀN VÔ LỰC CẢNH TÌNH BẤT CÔNG XÃ HỘI THỜ HOA MỘT TAY XUẤT SẮC GÀ LĂNG TỬ LỤC TRẦN ĐỈNH MẮC THIÊN SƯ TRỌN KIẾP NGAO NGHỀ ĐỌC NGANG KHINH THƯỜNG DANH VẤN LỢI DƯỠNG CHẶN TÁC BẠI HOẠI GIẢ LAM THIÊN TRÀ ĐỆ NHẤT DANH NHÂN BẠC BỒ TÁT MUÔN HẠNH ĐỘ SANH

PHÁP MẠT

Pháp vào sâu đời mạt, giả sư khoác cà sa làm việc ma, kết hợp với những nhóm lợi ích thân chính dựng chùa giả để trục lợi. Những ngôi chùa đồ sộ như tử cấm thành, vàng son lộng lẫy với những kỹ lục này nọ... Chùa bán vé vào cổng, vé tham quan và vô số những dịch vụ khác, tiền thu vô nhiều vô kể. Bọn chèo bẻo không chăm chút được thấy thế bèn sanh tâm đố kỵ:

- Cần phải quản lý tiền phước sượng! Phải báo cáo khai rõ tiền cúng dường!

Bọn giả sư và lũ buôn thần bán thánh lập tức lồng lộn:

- Tiền giọt dầu, tiền phước sượng của bá tánh không thể công bố vì đó là tiền tâm linh!

Có kẻ cười ruồi:

- Cái tâm ấy đâu có linh! Nếu linh đã không làm những việc ấy!

Hai bên so kè nhau, trong khi ấy có nhiều những ngôi chùa quê trống trước sập sau, nghèo đến nỗi không có lấy một bộ ngũ sự để làm lễ. Chùa giàu chẳng nhìn xuống, nhóm lợi ích lại càng chẳng đếm xỉa. Thiên hạ có kẻ than:

- Giá mà mấy chùa giàu san sẻ tí chút cho những chùa quê!

Lời than tan vào mây gió.

LẠI CHUYỆN SẮC KHÔNG

Tám Tàng với Tư Tửng vốn là bạn thân, cả hai cùng đi chùa làm công quả và tự hào là Phật tử. Tuy nhiên cả hai không chịu học giáo lý, không nghe pháp nên chẳng biết Phật dạy gì, pháp nói gì. Hai người cứ cười: "Ai sao tui zậy!" vì vậy mà nhiều người làm bậy cả hai cũng theo luôn. Cả hai thích việc mê tín như: coi bói, cúng sao giải hạn, xem hướng, phong thủy, mở ngải, trừ tà...

Bữa nọ nhậu sượng mấy xị đế. Tám Tàng lý sự:

- Có là có, không là không! Cứ sao mấy ông thầy cứ nhì nhằng có là không, không là có?

Tư Tửng ủng hộ bạn mình hết lòng, trong chiếu nhậu có kẻ khá hơn. Y gài:

- Hai ông có thấy mây trắng, mây đen, mây ngũ sắc trên trời xanh kia không?
 - Thấy, rất rõ ràng!
 Kê ấy lại hỏi:
 - Hai ông hay có ai nắm bắt được đám mây không?
 - Không, tuyệt đối không!
 - Rõ ràng có đấy mà lại là không, tuy không nhưng rõ ràng có đấy!
 Tâm Tàng và Tư Tủng trở mắt nhìn nhau.

NGẠO NGHỀ GIẢI CỨU

Năm ấy đại dịch tràn lan, cả thế giới điêu đứng, vô số người chết và bệnh tật. Dân các xứ khác còn có sự trợ giúp của chính quyền sở tại nên cũng đỡ đi phần nào. Dân xứ mình thì vô phước quá, chẳng những không được giúp mà còn bị đè đầu ra ngoáy mũi, chích thuốc giả, bán thuốc hết hạn... làm giàu cho những nhóm lợi ích buôn bán que thử, thuốc dỏm, thuốc quá đắt... Những người bị kẹt ở nước ngoài thì được giải cứu, những tưởng lòng tốt nào ngờ đụng phải bọn trăn lột, chúng bóp họng những nạn nhân ấy với giá vé trên trời. Sự việc đổ bể, cả bọn kéo nhau ra tòa, có điều chúng nhơn nhơn mặt dày:

- Tiền cảm ơn chứ hồng phải tiền hồi lộ! Các doanh nghiệp làm áp lực nên mới cảm tạ, vì thương người nên mới lấy!

Có kẻ còn tráo đạo đức giả:

- Chúng tôi giải cứu, xem người dân như người thân trong gia đình!

Dân chúng xem ra dường như quá quen với việc này nên chẳng thấy động tĩnh gì. Trên mạng có kẻ nào đó đăng lại câu danh ngôn: "Vấn đề không phải kẻ ác mạnh mà là sự im lặng của người ngay". Kê ấy còn mần thơ:

*Giải phóng năm xưa phỏng giải rồi
 Năm nay giải cứu lại lời thôi
 Bóp cổ nạn nhân đòi hồi lộ
 Độc tài toàn trị ố tham ô.*

NHÀ QUAN MƠ

Hồi anh Ba, chú Bảy còn tại chức đi đâu cũng hô hào kêu gọi hóa rồng, hóa hổ, ra biển lớn, hội nhập toàn cầu... Thiên hạ cười sặc gạch vì biết mấy ảnh đại ngôn. Thế rồi năm nay có ông bộ đảng đàn:

- Thổi giấc mơ hóa rồng vào mỗi người dân Giao Chỉ!

Mạng xã hội bình luận:

- Làm người hồng chịu, sao cứ hóa thú chi cho mệt? Hồng chùng rỗng này lộn cổ thì khổ chết!

Mới đây bọn họ lại bỏ ra cả khối tiền rước phi hành gia NASA về bến nói chuyện vũ trụ. Trí thức bàn tán cười rộ rôn:

- Làm xa lộ không có làn cấp cứu, tốc độ không hưởng lộ xứ người, chưa chạy được mà giờ tính bay lên sao hóa sao?

Một kẻ khác đăng lên trang cá nhân ý kiến rằng:

- Hết hóa rồng, hóa cọp, giờ hóa người ngoài hành tinh chắc? nay mai đưa cả nước lên cung trăng thì thấy mẹ dân mình luôn!

*Mộng hóa cọp, rồng, ra biển khơi...
 Đại ngôn xạo sự bọn đỡ hơi*

*Ăn tàn phá hại đòi chơi lớn
 Vô phúc dân ta, ớn quá trời!*

PHỤ HỆ HAY MẪU QUYỀN

Hai Đĩa với Ba Địa lâu ngày gặp nhau nên tám đủ thứ chuyện trên đời. Hai Đĩa hỏi:

- Bạn bè có vợ hết cả rồi, có đứa sắp làm sui, sao mày chưa chịu lấy vợ?

Ba Địa nói:

- Tao đang tìm một em xinh xinh, diu hiền, không làm biếng, biết đồng hành với chồng, công bằng hai bên nội ngoại, chẳng đua đòi se sua nhưng cũng đừng quế mùa mê bầu cua cá cọp, ớn ẻn như mèo chú đứng mè neho chơi trèo làm sư tử hà đông...

Hai Đĩa cười:

- Tìm khủng long tiền sử còn dễ hơn em nào đủ tiêu chuẩn của mày!

Ba Địa cũng vui vẻ:

- Nói chơi vậy thôi, thiệt tình tao sợ quá! Thấy mấy con vợ của tụi bạn y hệt bà quản gia hay bà nội của tụi nó!

Nói xong Ba Địa bày đặt chơi chữ:

PHỤ HỆ THIÊNG LIÊNG TẾ LỄ CÙNG KIẾNG
 TRANG HOÀNG NHÀ CỬA CẮT CỎ TRÔNG HOA LỘ
 VIỀNG TINH THẦN THUẬN TÚY CHẴNG CỎ QUYỀN
 CHỈ NHƯ ỒNG NGHỊ GẬT

MẪU QUYỀN TUYỆT ĐỐI CHƠI BÚA BẠN MUA
 NẤU ẶN BẾP NÚC THỜI TRẠNG ẶC QUẢN THỦ
 GIỮA VẬT CHẤT CHUYỀN MÓN QUYẾT ĐỊNH MỌI
 THỨ TỰA BÀ CHỦ NHÀ.

SỐ

Mấy nay dân chơi, dân cờ bạc và cả dân lành đều rần rật lên vì giải độc đặc không ai trúng, giờ lên cả tỷ rưỡi đô. Mấy cây xăng bận rộn túi bụi, người mua số nướm nướp sắp hàng. Thiên hạ ai ai cũng cầu mong sao cho sao may mắn chiếu mệnh.

Buổi gặp nhau cuối tuần, Đậu phán:

- Tui quan sát sơ qua thì thấy những vé số trúng độc đặc thường được bán ra ở những khu vực khá giả và người trúng phần nhiều cũng đều giàu, chưa từng thấy tay cùng đinh nào trúng số này!

Cả đám nhao nhao lên, kẻ phản đối, người đồng tình, phần nhiều người ta ít tin những gì Đậu nói vì cái đốp Đậu xưa nay hậu đậu. Chú Hai bảo:

- Đậu nói trúng trật gì hồng biết nhưng căn cứ theo luật nhân quả thì Đậu cũng có lý. Phàm những người giàu có, người sống khu vực sang trọng là những người có phước, vì dư phước còn nên họ lại trúng số. Những người vô phước, bạc số thì sống ở khu tồi tàn, số phần đã hẩm hiu thì phước đâu để hưởng mà trúng số!

Mọi người gật gù cho là chú Hai nói đúng. Cả bọn cũng hùn tiền mua số dù ai cũng biết cái số của mình nó mạt rệp. Chú Hai cười:

*Độc đắc cao nhất mọi thời
 Thiên hạ hy vọng đổi đời đêm nay
 Số nào là số rui - may
 Phước phần số phận ở ngay chính mình.*

Steven N
 Georgia, 0823

BỌN CƯỚP CHIA CỬA

Bọn ăn cướp nợ thuở xưa
Kết bè cướp bóc dân cư nhiều lần
Bạc tiền, hàng hóa, áo quần
Cướp xong cả bọn chia phần cùng nhau
Chiều theo địa vị thấp cao
Chiều theo bản lĩnh từ lâu trong nghề
Chia phần nhiều ít để huê
Mọi người hoan hỷ không chê trách gì.
Nhưng rồi tới một lần kia
Có chàng cướp nợ rất chi buồn tình
Vì ngôi vị kém của mình
Phần chia tẻ nhạt để dành chàng ta
Áo chi xấu xí quá mà
Dệt bằng chất liệu xem ra rẻ tiền
Khiến chàng quả thật muộn phiền
Bất bình la lớn: “Khó tìm người mua
Áo này bán chẳng ai ưa
Phần tôi như vậy là thua thiệt rồi.”
Sau khi phản đối một hồi
Chàng đành cam chịu kém người. Buồn thay!
Và sau đó một vài ngày
Chàng đem vào bán áo ngay trong thành.
Kiếm tiền hy vọng mong manh
Ngờ đâu lại có người giành để mua
Một ông quan trọng cung vua
Chịu mua cao giá rất lạ thường,
Số tiền cả bọn cướp đường
Chia nhau sau chuyến bắt lương vừa rồi
Cộng chung của đủ mọi người
So cùng giá bán áo thời kém xa.
Bấy giờ chàng cướp nhà ta
Đột nhiên nhảy múa thật là mừng vui
Khoe rằng: “Ta đã đắc thời
Chuyến này ta kiếm được lời nhiều thay.”
*

Rút bài học từ truyện này
Dù ta thất bại chua cay trong đời
Không nên thất vọng buông lời
Cổ gieo giống tốt, tương lai gặt về
Hạt vàng từng chuỗi thoả thê;
Hoặc khi bỏ thí đừng nề hà chi
Phát tâm rộng rãi ngay đi
Quả lành đem lại muôn bề an vui
Kẻo khi được quả báo rồi
Được sinh lên ở cõi Trời cao xa
Bây giờ lòng mới tỏ ra
Hối rằng trước chẳng thiết tha tâm thành
Để làm thêm lắm điều lành
Gây nhiều lợi ích, nay mình khá hơn.



THE ROBBER'S JOY

Once upon a time, there was a band of robbers who divided their boot according to their different ranks. Among the belongings, there was a Benares Kambala, the color of which left much to be desired. It was considered as an inferior part to be given to one of the robbers of the lowest rank. The robber got angry and made a strong protest to the rest.

Afterwards, he brought it to the city for sale. An honorable elderly man paid him a high price. He ended up getting more money than any other robber in the band. He then leaped for joy.

This is held to be true with the almsgiving. People who are doing almsgiving, are usually not aware whether there will be a retribution. Be it ever so little they are doing it, they, after death, go to Heaven to enjoy an unlimited amount of happiness. The less they do, the more they get. They will then regret for not having done enough.

This is just like the robber who was happy after he had got a top price for his Kambala.

(Trích dẫn trong
“SAKYAMUNI'S ONE HUNDRED FABLES”
do Tetcheng Liao dịch)

thơ

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

(Thi hóa phỏng theo Kinh Bách Dụ)

KINH NGHIỆM NIỆM PHẬT TRONG ĐỜI THƯỜNG

Tiểu Lục Thần Phong

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Với người Việt ta thì Phật giáo bắc truyền là chủ yếu, chịu ảnh hưởng lớn nhất. Người Phật tử Việt đa phần đều biết đến danh hiệu của đức Phật A Di Đà và pháp môn Tịnh Độ. Nhiều người không phải Phật tử cũng biết và nói đến bốn chữ A Di Đà Phật. Có thể nói hình ảnh và danh hiệu của đức Phật A Di Đà biến cùng khắp và sâu rộng.

Pháp môn Tịnh Độ căn cứ vào ba kinh: Kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ. Đức Phật A Di Đà với bốn mươi tám đại nguyện độ sanh. Tông chỉ của pháp môn là: Tin sâu, nguyện thiết, hành chuyên. Cõi Sa Bà ngũ trước cần phải chán bỏ để vãng sanh về cõi Cực Lạc thanh tịnh của Phật A Di Đà. Niệm Phật là nghĩ, nhớ, tưởng đến dung quang tướng hảo của đức Phật, công đức của đức Phật, cõi nước thanh tịnh của đức Phật. Niệm Phật là phải làm theo những lời dạy của Phật, ăn chay, giữ giới, làm thiện, bố thí, phóng sanh... Làm tất cả việc thiện, không làm việc ác, thân tâm thanh tịnh... chứ không phải chỉ ngồi niệm suông!

Tôi học Phật, đến với Phật pháp cũng bắt đầu từ Tịnh Độ. Ông tôi, ba tôi và tôi vẫn thường thầm niệm danh hiệu Phật A Di Đà. Ngoài công khóa mỗi cuối tuần, tôi vẫn thầm niệm danh hiệu Phật suốt trong quá trình làm việc, sinh hoạt trong đời sống, tất nhiên là những lúc nào có thể và những lúc nhớ, lúc giữ được chánh niệm. Niệm Phật chẳng cần trở gì công việc hoặc đời sống, thậm chí còn lợi ích và thuận tiện hơn nữa là khác (cũng còn tùy tính chất công việc). Thầm niệm và nhớ danh hiệu Phật giúp mình kiểm chế bớt những cảm xúc mạnh (quá giận hay quá phẫn khích), giúp mình quan sát các căn...

Không chỉ niệm Phật trong lúc làm việc, tôi còn niệm thầm danh hiệu Phật cả trong lúc tập thể thao, chạy bộ. Khi chú tâm vào câu Phật hiệu làm cho các căn bớt chập chững bắt những cảnh trần bên ngoài. Có những lúc niệm quá nhập tâm làm quên đi cái mệt và vượt qua một quãng đường khá dài mà không hay biết. Cứ mỗi bước chân tương ứng với một chữ trong danh hiệu và đến

khi chạy tăng tốc lên thì chỉ còn câu Phật hiệu chứ không còn đếm bước chân. Những hôm nào không chạy mà đi bộ thì cũng áp dụng niệm Phật trong lúc bơi, cứ mỗi sải tay là một câu Phật hiệu, nhờ

thể mà bơi vừa quên thời gian vừa đạt khoảng cách lớn. Nhân đây cũng xin mở rộng thêm một tí về kinh nghiệm cá nhân: Tôi bị bệnh viêm quanh khớp vai đã lâu, mỗi khi trở bệnh thì vai đau lắm, đau không nhấc cánh tay lên nổi, bác sĩ cũng bó tay, chỉ cho thuốc giảm đau hoặc kháng viêm mà thôi. Bác sĩ còn bảo không thể chữa hết. Qua một thời gian đi bơi, tôi vô tình phát hiện ra một sự kỳ diệu lạ thường, cứ như là phép màu vậy. Trong nhiều lần sau khi bơi về thì thấy hết đau, từ đó cứ mỗi khi vai đau thì tôi đi bơi, chỉ cần bơi hai buổi là cơn đau gần như biến mất, tay cử động dễ dàng, tất nhiên là khi bơi những mét đầu tiên thì vươn vai rất khó chịu, nhưng khi đã bơi vài trăm mét trở đi thì cảm giác khó chịu hết, nếu muốn có hiệu quả thì phải bơi ít nhất ba miles. Nhờ đi bơi (và thầm niệm Phật trong lúc bơi) mà căn bệnh đau vì viêm khớp vai của tôi đã không còn trở ngại và tôi cũng không còn phải uống thuốc giảm đau. Nói thì khó tin nhưng đây là sự thật! Tôi chẳng có lý do gì phải nói dối hay xạo sự để nhận

lấy quả báo xấu sau này. Tuy nhiên hiệu quả và lợi ích của bơi lội có thể còn tùy từng cơ địa và nhân duyên của mỗi người.

Cuộc sống vẫn đều đều trôi qua, tôi vẫn ngày ngày đi làm, tập thể thao và vẫn thầm niệm Phật. Tôi cố gắng ở mức tốt nhất mà tôi có thể, tất nhiên là vẫn có lúc thất niệm và để thân tâm lìa theo dòng đời. Khoan nói vội đến chuyện: "Nhất tâm bất loạn" hay "Vãng sanh". Niệm Phật thật sự có ích lợi lớn trong cuộc sống của tôi, giúp tôi bớt bốc đồng, kiểm chế được thân tâm, sống lạc quan và nhẹ nhàng hơn, giảm khá nhiều ham muốn đua đòi... Niệm Phật làm cho tin tâm tăng trưởng và kiên cố, tin sâu vào nhân quả, tin vững vào Phật pháp... Hàng đêm, trước khi ngủ cũng niệm thầm một lát, thế là đi vào giấc ngủ nhanh, dễ và êm.

Gần đây tôi nghe pháp và gặp một số tu sĩ lần



cư sĩ công kích pháp môn Tịnh Độ, bài xích việc niệm Phật, thậm chí xuyên tạc: "Làm gì có chuyện réo gào tên Phật để được Phật cứu độ!". Các vị ấy cho Tịnh Độ không phải chánh pháp, do người Tàu chế ra... Niệm Phật là nghỉ, nhớ, tưởng đức tướng công hạnh của Phật chứ đâu phải réo gào tên Phật! Niệm Phật là làm theo lời Phật dạy: "Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý..." chứ đâu phải réo tên Phật để được độ! Tất nhiên là mình học Phật không chỉ niệm Phật, mình phải biết căn bản cốt lõi đức bổn sư dạy gì, nói gì, tỳ như: Tứ niệm xứ, tứ diệu đế, bát chánh đạo... Ngay cái chữ "độ" (trong "cứu độ") cũng cần phải nói cho rõ ràng, độ là chỉ đường, chỉ phương pháp, chỉ cách hành trì để đi đến bớt khổ, giảm khổ, hết khổ... (Còn "độ" trong "Tịnh độ" là cách đọc khác từ chữ "thổ" có nghĩa là cõi, là thổ ngơi; cho nên Tịnh độ dịch ra tiếng Việt là "cõi Tịnh"). Mình phải dẫn thân tu tập với nguyện lực mạnh mẽ, mới đi đến được chứ không phải ông Phật xia tay ra vớt hay kéo mình. Nếu những ai tinh tấn đến độ tự thân thoát hết phiền não, ràng buộc... thì coi như đến cõi tịnh ngay trong lúc còn sống vậy!

Ban đầu khi nghe những người nói pháp công kích và bác bỏ Tịnh Độ tôi cũng có hoang mang, sợ mình đi sai đường, không đúng chánh pháp. Ba tôi cũng đem vấn đề này ra bàn với tôi, may thay, nhờ Phật gia hộ chúng tôi vượt qua những hoang mang của mình và vẫn tiếp tục niệm Phật trong đời. Tôi cũng vui vì có được chút ít an lạc trong công việc và đời sống hàng ngày. Tôi và ba tôi vẫn tin tưởng ở Phật pháp và tiếp tục niệm Phật trong đời sống thường ngày.



PHÍA TÀ DƯƠNG QUÊ NHÀ

*Một bông hoa vờ nở
Trên rào dây thép gai
Hình như trong nắng sớm
Tiếng chim thôi u hoài*

*Hơn thua cùng được mắt
Thời gian đôi cánh bay
Còn ai bên ta nữa
Mắt nhòa dư lệ cay*

*Gió về đâu lối gió
Hư ảo đường mây qua
Giác chiêm bao hư thực
Phía tà dương quê nhà*

*Nhủ lòng thôi an tĩnh
Ngoài kia cơn sóng đời
Lặng yên cùng huyền ảo
Chẳng làm buồn hay vui...*



GIÁC LIÊU TRẠI

*Thả vào khung nắng lời chim sớm
Thăm thẳm ngày lên đọi giấc chiêm
Buồn hay vui ừ thì chẳng rõ
Mùa hạ phả vào ngàn tiếng ve kêu*

*Soi đêm muện màu trăng cũ rích
Giác liêu trại nào tỏ mặt người
Thềm một lần được tro mắt mộc
Thật với nhân gian nét khóc cười*

*Ta cô độc qua miền lặng lẽ
Đỉnh trời hun hút lối thung sâu
Tiếng sóng chạm vào bờ xa vắng
Xao động lòng ai muôn tiếng sầu...*

thơ TỊNH BÌNH

LỄ KHAI MẠC KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 10 NĂM 2023 với chủ đề “*Hoa Sen Trên Tuyết*”

Tường thuật và hình ảnh của **Thanh Huy**

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN



HT. Thích Tuệ Uy Trưởng ban tổ chức hướng dẫn chư tôn đức quang lâm chánh điện



Chư Tôn Đức trong nghi thức chào cờ

Big Bear Lake, California - Tại Khách sạn Holyday Inn Resort 40650 Village Drive Big Bear Lake CA 92315, Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần Thứ 10 do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada tổ chức đã trang nghiêm diễn ra từ Thứ Hai, ngày 31 tháng 7 đến Thứ Năm ngày 3 tháng 8 năm 2023, do Hòa Thượng Thích Tuệ Uy, Viện Chủ Tu Viện Hộ Pháp và Tu Viện Liên Hoa Sanh, Quyền Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Giáo Dục Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ làm Trưởng Ban Tổ Chức.

Chúng mình và tham dự khóa tu khoảng 140 chư tôn Giáo Phẩm, chư Tôn Đức Tăng Ni và 300 đồng hương Phật tử học viện về từ các tiểu bang Hoa Kỳ, Canada, Úc Châu, Âu Châu, Việt Nam...

Tại khách sạn vào sáng Thứ Hai ngày 31 tháng 7, 2023, từng nhóm người rộn ràng vui khi gặp nhau tập trung về khách sạn để tham dự

khóa tu học, mọi người gặp nhau tay bắt mặt mừng, chào hỏi nhau trong tinh thần quen của những người con Phật cùng chung mục đích đến đây để học hỏi tìm hiểu những điều Phật dạy.

Sau khi ghi danh, lấy phòng, ổn định mọi việc, tất cả mọi người đều tập trung về trai đường thọ trai, nghỉ ngơi.

Điều hợp chương trình do Thượng Tọa Thích Hạnh Tuệ, Phó Tổng Thư Ký, Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ (HĐĐHGHPGVNTNKH), Trụ trì Tu Viện Pháp Vương.

Đến lúc 6 giờ tối tất cả mọi người tập trung về chánh điện để tham dự lễ khai giảng khóa tu học.

Chánh điện được thiết lập trong hội trường Holyday Inn Resort thật trang nghiêm. Lễ khai mạc dưới sự chứng minh từ xa có Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thăng Hoan, Chánh Văn



Quang cảnh lễ Hồ Chuông cầu nguyện



HT. Tuệ Uy Trưởng ban tổ chức tuyên bố khai mạc



HT. Thích Nguyên Siêu Ban Đạo Từ



Từ trái Tiến Sĩ Huỳnh Tấn Lê giới thiệu Bà Thị Trưởng trao bằng Tưởng Lược đến ban tổ chức

Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm và HT. Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, đã ủy quyền cho Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK đại diện Giáo Hội.

Trên bàn chứng minh có HT. Thích Minh Tuyên, Pháp Chủ Giáo Hội Tăng Già Khất Sĩ Hải Ngoại, Phó Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ (GHPGVNTNHK); HT. Thích Thông Hải, Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK; HT. Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK; HT. Thích Bốn Đạt, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Canada; HT. Thích Quảng Ba, Viện Trưởng Tu Viện Vạn Hạnh Úc Châu; HT. Thích Phật Đạo, Trụ Trì Chùa Đại Bi Tâm Thụy Điển; đến từ Ấn Độ có Đại Sư Rigin Derjee Rinpoche; HT. Thích Nhật Huệ, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tăng Sự GHPGVNTNHK; HT. Thích Đồng Trí, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoằng Pháp GHPGVNTNHK; cùng quý HT. Thích Quảng Mẫn, HT. Thích Minh Thiện, HT. Thích Định Quang, Thượng Tọa Thích Thánh Minh, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Cư Sĩ; Thượng Tọa Thích Huệ Minh, Trụ Trì Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Chùa Bảo Quang... Ni Sư Nguyên Thiện, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Từ Thiện; NS. Diệu Tánh, Phó Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tài Chánh, Thủ Quỹ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK; SC. Bích Liên, Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội... Cư Sĩ Giáo Sư Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Pháp Chế, Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK, cùng quý chư tôn đức Giáo Thọ. Ngoài ra còn có quý chư tôn đức Tăng, Ni đến từ

các chùa Nam, Bắc California.

Mở đầu với lễ tác bạch cung thỉnh chư giáo phẩm, chư tôn đức quang lâm chánh điện.

Sau đó là nghi thức chào quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa, Hoa Kỳ, Phật Giáo Kỳ và phút mặc niệm.

Tiếp theo, Thượng Tọa Thích Tâm Thiện cử hành nghi thức Hồ Chuông Cầu Nguyện, Niệm Phật cầu gia bị.

Sau phần nghi thức, Diễn văn khai mạc của HT. Thích Tuệ Uy, Trưởng ban Tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 10. HT. nói: "...*Ban tổ chức vô cùng hân hoan và hân hạnh được dành lễ cung đón chư tôn đức Giáo Phẩm, chư tôn đức Ban Chứng Minh và ban gia trì, chúng tôi kính chào mừng gần 400 tăng sĩ và cư sĩ Phật tử hiện diện hôm nay. Đồng thời ban tổ chức được hân hạnh đón tiếp cô Helen Trần, Thị trưởng Thành Phố San Bernardino đến tham dự lễ khai mạc hôm nay.*

Trong giờ phút trang nghiêm long trọng này, khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 10 xin thành kính tưởng niệm, tri ân công đức sâu dày chư vị Lịch Đại Tổ Sư và các bậc thầy từ ái, tưởng nhớ đến cố giác linh Hòa Thượng Thích Thái Siêu, cựu Trưởng ban Tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Kỳ Thứ 9, HT. là bậc thầy, biểu tượng tinh thần dẫn thân của khóa tu Châu Bắc Mỹ.

Kể từ sau năm 2019 khóa tu học Phật Pháp Bắc Mỹ đã bị gián đoạn vì đại dịch Covid-19. Vượt qua nhiều thử thách, khó khăn như chư tôn đức đã nói "đội đá vá trời", nay khóa tu trở lại là sự kiện đặc biệt quan trọng đối với Tăng Ni và cộng đồng Phật tử chúng ta cùng chung lo trọng trách duy trì và phát triển giáo pháp của đức Thế Tôn.



Sư Cô Bích Liên đại diện Dân Biểu Tạ Đức Trí trao bằng Tưởng Lược Hạ Viện Tiểu Bang California đến HT. Trưởng Ban Tổ Chức



Các Phật tử làm lễ xuống tóc xuất gia gieo duyên

Vì vậy, ban tổ chức tha thiết mời gọi tất cả hội chúng hôm nay, chính mỗi chúng ta đều là thành viên của Ban Tổ Chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần Thứ 10 đồng góp một bàn tay ủng hộ Phật Pháp mãi trường tồn để bảo đèn ƠN PHẬT, bằng cách hãy nỗ lực siêng tu lời Phật dạy ngay trong khóa tu này cho mãi đến ngày giác ngộ.

Thành công của khóa tu học Phật Pháp Bắc Mỹ không những có ý nghĩa hết sức quan trọng trong sự nghiệp hoằng dương Phật pháp tại Châu Bắc Mỹ mà còn là một nguồn năng lượng thiện lành rất lớn của Đại Tăng giúp chuyển hóa tâm cho mỗi tự thân học viên mỗi ngày thêm hạnh phúc an vui, mà còn là nguồn cảm hứng cho các học viên sẽ trở lại và rủ người về đông đảo tu tập cho những khóa tu kế tiếp, gieo hạt giống giác ngộ trong cuộc đời của các học viên hiện diện hôm nay, dù bất cứ ở nơi đâu cũng thường được an lạc.

Với chủ đề "Hoa Sen Trên Tuyết" Khóa tu học sẽ trao truyền và chia sẻ về giáo pháp vi diệu của đức Phật, giáo pháp ấy có mặt để đánh thức kho tàng trí tuệ, kho tàng hạnh phúc vô giá đã có sẵn nơi chính hành giả. Song song khóa tu sẽ hỗ trợ cho những hành giả xuất gia gieo duyên đoàn kỳ có cơ duyên trải nghiệm Pháp lạc trong nếp sống tinh thức của hàng Tăng sĩ, để rồi có thể mạnh dạn noi theo...

Trong ý hướng đó khóa tu học Phật Pháp Bắc Mỹ lần Thứ 10 sẽ là người bạn đồng hành của bạn. Liên Hoa Sanh Monastery trên ngọn Đại Hùng Sơn bảo trợ cho khóa tu này, ngay nơi chính tên gọi của nó, đã như mang một sứ mệnh. Sứ mệnh rất đơn giản nhưng thực hiện mãi không thấy cùng: suy nghĩ, nói năng và thực hành những lời Phật dạy để có thể làm một Phật tử thuần thành, một hành giả thực sự đi trên đạo lộ giác ngộ giải thoát, và là những cư sĩ hộ Pháp đặc lực, hộ trì ngôi Tam Bảo để bệnh học giáo Pháp của đức Phật tiếp tục lần chuyển mãi trong thế gian này hầu giúp cho những lữ khách đường xa vượt thoát qua cơn khổ nạn, đạt đến cảnh giới an vui Niết Bàn..."

Sau đó HT. tuyên bố khai mạc khóa tu.

Tiếp theo Thượng Tọa Thích Hạnh Tuệ thông báo chương trình khóa tu học.

Sau đó Thượng Tọa mời Cư Sĩ Giáo Sư Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê lên giới thiệu Bà Thị Trường Hellen Trần, người Mỹ gốc Việt. Trong dịp này Bà Thị Trường cố gắng phát biểu bằng tiếng Việt, bà cảm ơn ban tổ chức đã cho bà có dịp đến tham dự một buổi lễ long trọng như hôm nay, bà rất hạnh diện được đón nhận một khóa tu học mà được tổ chức lần đầu tiên tại thành phố này, sau đó bà đã trao bằng tượng lệ đến Hòa Thượng Thích Tuệ Uy Trưởng Ban Tổ Chức để ghi nhận sự đóng góp của Phật giáo vào những sinh hoạt chung của cộng đồng đa sắc tộc tại địa phương.

Tiếp theo Cư Sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê giới thiệu Sư Cô Tiên Sĩ Bích Liên, đại diện ông Tạ Đức Trí, Dân Biểu Tiểu Bang California lên trao bằng tượng lệ của Hạ Viện Tiểu Bang đến HT. Thích Tuệ Uy, trong dịp này Sư Cô cũng đã ủng hộ cho khóa tu học \$3,000.

Chương trình tiếp tục với phần Đạo Từ của quý Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Thích Bốn Đạt, Thích Thông Hải... Trong lời đạo từ những vị này đã tán dương công đức và ca ngợi việc làm của HT. Thích Tuệ Uy Trưởng ban tổ chức và Sư Cô Pháp Tạng Phó Trưởng Ban Tổ Chức, cùng các

thành viên trong Ban Tổ Chức đã hết lòng tổ chức thành công khóa tu học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 10.

Tiếp tục chương trình là nghi thức lễ xuống tóc cho những Phật tử xuất gia gieo duyên đoàn kỳ.

Sau đó là lời tâm tình của Sư Cô Pháp Tạng, Phó Ban Tổ Chức.

Lễ khai giảng kết thúc, ban tổ chức thông báo chương trình chi tiết, giờ giấc khóa tu đến chư tôn đức và Phật tử tham dự.

Về Khóa Tu Học, Trưởng Lão HT. Thích Thăng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm Ngài đã nói: "... Khóa tu học Phật pháp Bắc Mỹ hằng năm, nơi câu hội của Tăng Già và Cư Sĩ. Chúng ta đến với nhau để thêm một lần nói cho nhau rằng, chúng ta là một cộng đồng Phật giáo nhỏ nhoi và mới mẻ nơi châu lục Bắc Mỹ. Giữ đạo, hành đạo và sống đạo là một điều lắm khó khăn cho những người tỵ nạn, di dân đến vùng đất mới này như chúng ta. Do vậy, sự hội tụ hôm nay không chỉ nói lên sự tu học của người đệ tử Phật mà còn nói lên sự nương tựa vào nhau của một cộng đồng Phật Giáo Việt... Tôi năm nay hơn 90 tuổi, sức khỏe không cho phép đi xa được, nhưng lòng tôi hướng về khóa tu học. Tôi đang ở cùng với quý vị. Tôi tin tưởng rằng Tăng, Ni và Phật tử Việt sẽ làm rực sáng một đạo Phật trên đất Mỹ. Chúng ta đang nỗ lực thực hiện tâm nguyện Bồ Tát Đạo, nguyện rằng: Thượng Cầu Phật Đạo hạ Hóa Chúng Sanh, học Phật để sống theo Phật và cảm hóa người quanh ta sống như ta..."

Được biết, chương trình khai mạc, các lớp học dành cho Tăng, Ni và Phật tử được các vị giáo thọ hướng dẫn riêng tại các phòng hội nhỏ của khách sạn.

Chương trình giảng dạy Phật Pháp bao gồm từ giáo lý cơ bản đến chuyên môn. Nếu có thể tham dự đều đặn tất cả các Khóa Tu từ trước đến nay và chịu khó lắng nghe, tiếp thu đầy đủ, thì người tham dự đã có được vốn liếng Phật Pháp căn bản làm tư lương tri kiến cho con đường tu tập lâu dài. Chương trình học Phật còn có những thời khóa thảo luận Phật Pháp dành cho chư Tăng, Ni và thời khóa vấn đáp Phật Pháp dành cho tất cả học viên Phật Tử tham dự.

Ngoài ra chương trình còn có phần thuyết giảng bằng Anh ngữ cho giới trẻ tham dự khóa tu.

Chương trình Tu trong các Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ bao hàm Thiền, Tịnh và Mật, là ba pháp môn tu tập theo truyền thống Phật Giáo Việt Nam từ ngàn xưa đến nay. Trong Khóa Tu có thời khóa giảng dạy, hướng dẫn và thực hành Thiền Định, Tịnh Độ và trì chú. Ngoài ra còn có thời khóa hành thiền trong chánh niệm bằng cách đi một vòng lớn khắp khách sạn trong im lặng để cho thân tâm được buông xả nhẹ nhàng.

Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ là cơ hội quý giá để trang bị cho mình những kiến thức Phật Pháp cơ bản làm ngọn đuốc soi đường trong cuộc sống và trau dồi nội lực tu tập để có thể tìm được sự an lạc ngay trong đời sống thường ngày.

Ngoài các lớp tu học riêng còn có buổi thảo luận Phật pháp chung giữa quý chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử tại hội trường lớn.

Lễ bế mạc diễn ra vào lúc chiều Thứ Năm ngày 3 tháng 8 năm 2023. Sau đó Ban Tổ Chức mời chư tôn đức Tăng, Ni và đồng hương Phật tử đi thăm Tu Viện Liên Hoa Sanh.

CÔNG CHA NGHĨA MẸ NHƯ VÀNG NON CAO

Mùa Vu Lan sắp đến
Mùa Báo Hiếu lại về
Thương Cha và nhớ Mẹ!
Ngày buồn dài lê thê!

Bốn mùa cây lớn mau
Thu về lá đỏ nâu
Nhớ thương Cha và Mẹ
Án tình nghĩa đậm sâu!

Ơn Song Thân bao la!
Ám cúng dưới mái nhà,
Công Cha và nghĩa Mẹ
Tình thương yêu chan hòa.

Những kỷ niệm xa xưa
Hình bóng cũ quay về
Căn nhà ngày xưa đó
Đầy mộng đẹp tuổi thơ.

Một căn nhà ấm êm,
Một đàn con ngoan hiền,
Cha quân trường xa vắng
Không một chút ưu phiền!

Mẹ lo từng bữa ăn
May từng tấm áo quần,
Chăm đàn con đầy đủ
Con học tập chuyên cần...

Đàn con lúc ốm đau
Canh khuya mẹ lo sầu!
Nhắc con từng viên thuốc
Xoa dịu nỗi niềm đau.

Cha khuyên con học giỏi,
Mai sau được nên người
Lớn khôn dùng trí tuệ
Góp công đức cho đời.

Cha thường ở quân trường,
Tròn nghĩa vụ non sông
Cha có một lý tưởng
Luôn bảo vệ Quê Hương.

Đàn con lớn thật mau
Mẹ miệt mài công lao
Nuôi các con ăn học
Ngày tháng vẫn trôi mau.

Các con đã lớn khôn
Công dưỡng dục vương tròn
Công Cha và nghĩa Mẹ
Như biển rộng sông nguồn.

Rồi đàn chim bay xa!
Luôn hướng về quê nhà
Song Thân không còn nữa!
Vu Lan lệ chan hòa..!

Thắp một nén tâm hương
Dâng giọt lệ tình thương!
Công Cha và Nghĩa Mẹ
Mãi... mãi trong Tâm con...

(Vu Lan 2023)

thơ HOÀNG THỰC UYÊN



HIẾU THẢO VỚI MẸ CHA ĐẦY ĐỦ CÓ BỐN PHẦN

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Đạo đức con người lấy chữ HIẾU làm đầu.
Không làm tròn điều ấy còn đâu là người.
Vì chim muông còn biết trả nghĩa dưỡng nuôi.
Những ai không làm được thua loài thú kia!?

Hiếu thảo cao nhất trong các hạnh lành,
Làm con nhớ phải thực hành thường xuyên.
Phật dạy: Mẹ Cha Phật sống chớ quên.
Đứa con HIẾU, phước tạo nên đời dào!

Hiếu Thảo gồm tất cả bốn phần sau:
Cổ nhớ kỹ, áp dụng sao cho rành.

(1): **Hiếu Tâm**: phải tưởng nhớ thật chân thành,
Công lao dưỡng dục, sinh thành mẹ cha.
Nghỉ những ngày vất vả lúc nuôi ta.
Nên phải thương kính mẹ cha mới là.

(2): Còn **Hiếu Dưỡng** là chăm cha mẹ già.
Phải lo quần áo, cửa nhà, uống ăn.
Ôm đau, trong nhà có sẵn thuốc men,
Qua đời, tang chế việc nên chu toàn.

(3): Làm con, **Hiếu Hạnh** phải nhớ đáp ân:
Song thân hãnh diện việc con cần làm:
Nhỏ: phải siêng học; lớn: làm việc chăm,
Lộ bày tính tốt, góp phần thành công.

Chân thành, uy tín, khiêm tốn, hòa đồng.
Giao tiếp, nhớ đừng phiến lòng một ai
Còn cúng giỗ ông bà phải cúng chay.
Người nghèo giúp đỡ, nhớ ngay mà làm.

(4): **Hiếu Đạo** quan trọng, khắc cốt ghi tâm:
Hướng cha mẹ đến đường lành như sau:
Luật Nhân Quả phải tin hiểu thật sâu:
Làm lành, lánh ác là câu răn mình.

Trì chú, Cúng dường, Bồ thí, Phóng sinh,
Sám hối, giữ Giới, nhiệt tình Trường trai.
Hàng tháng tới kỳ thọ Bát Quan Trai,
Đi chùa niệm Phật suốt ngày chẳng quên.

Khi Mẹ Cha mất, việc làm trước tiên,
Cầu siêu độ, rất gấp, nên tiến hành.
Làm lành âm đức, đọc chú Vãng sanh,
Ăn chay, niệm Phật chí thành, thiết tha.

Không chấp điều, cũng không nhận vòng hoa.
Xin khách niệm A Mi Đà mà thôi.
Hồi hướng mẹ cha thoát cảnh luân hồi
Được về Cực Lạc, cuộc đời đổi thay.

Rất mong những ai nhớ kỹ điều này:
Song thân quá vắng đừng bày rên rang:
Linh đình thết đãi đồ mặn họ hàng,
Bò, heo,... bia, rượu ngập tràn bàn ăn.

Tưởng vậy, ân đền, mở mắt xóm làng!?
Hương linh cha mẹ chịu ngàn đắng cay!!!
Đọa vào ba đường ác, thật khổ thay!
Nên luôn ghi nhớ cúng Chay: hàng đầu!

Hãy nhớ: mình cung dưỡng cha mẹ sao,
Thì con đáp lại, khác đâu mình làm!
Phải luôn khắc sấu điều ấy trong tâm.
Đó là NHÂN QUẢ, chẳng lầm sai đâu!

Kính mong tất cả những bạn đạo hữu duyên hãy
cùng chúng tôi thực tập bài viết này nhé. Nếu có
nhiều người cùng hưởng ứng, chúng tôi xin đem
công đức này, hồi hướng cho tất cả pháp giới
chúng sanh tương lai đồng sanh về Tịnh độ.



Chung quanh bài thơ *Hoàng Hạc Lâu* của *Thôi Hiệu*

LAM NGUYỄN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Gần như mỗi lần nhắc đến thơ Đường, phần đông người yêu Đường-thi đều thích và khen bài thơ Hoàng Hạc Lâu 黃鶴樓 của **Thôi Hiệu** 崔顥:

Hoàng Hạc Lâu

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ
Thử địa không dư Hoàng Hạc lâu
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản
Bạch vân thiên tải không du du
Tình xuyên lịch lịch Hán Dương thụ
Phương thảo thê thê Anh Vũ châu
Nhật mộ hương quan hà xứ thị?
Yên ba giang thượng sử nhân sầu!
(Thôi Hiệu)

黃鶴樓

昔人已乘黃鶴去
此地空餘黃鶴樓
黃鶴一去不復返
白雲千載空悠悠!
晴川歷歷漢陽樹
芳草萋萋鸚鵡洲
日暮鄉關何處是?
烟波江上使人愁
(崔顥)

Dịch:

Gác Hoàng Hạc

Hạc vàng ai cưỡi đi đâu?
Mà nay Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ!
Hạc vàng đi mất từ xưa
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay
Hán Dương sông tạnh cây bèo
Bãi xa Anh Vũ xanh dày cỏ non
Quê hương khuất bóng hoàng hôn
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?
(Tản Đà)

Hoàng Hạc Lâu là ngôi Lầu xây dựng trên ghềnh đá Hoàng Hạc tại huyện Vũ Xương tỉnh Hồ Bắc. Mặt tiền của Lầu Hoàng Hạc nhìn qua Hán Dương bên kia bờ sông Trường Giang. Và Bãi Anh Vũ ở bờ sông Trường Giang thuộc Hán Dương. Phong cảnh ưu mỹ. Trong thời nhà Đường (618-907), Lầu Hoàng Hạc là nơi quy tụ Tao-nhân Mặc-khách đương thời và cả sau này thi nhân đến đây đều có đề thơ, cảm xúc sâu sắc phong cảnh này! Thi tiên Lý Bạch trước cảnh đẹp hữu tình (đăng cao thiêu lãm 登高眺覽), thi hứng bột phát muốn làm Thơ, nhưng hốt nhiên thấy bài thơ Hoàng Hạc Lâu của

Thôi Hiệu ở trên vách đá đã phải thốt lên rằng:
Nhân tiền hữu cảnh đạo bất đắc,
眼前有景道不得

Thôi Hiệu đề thi tại thượng đầu!
崔顥題詩在上頭

Nghĩa:

Trước cảnh đẹp này mà không thể hạ bút được

Vì đã có bài thơ của Thôi Hiệu ở đây rồi!

Có 3 truyền thuyết cho rằng đã có người từng thấy:

Tiên ông **Phi Văn Vi** cưỡi Hạc hạ cánh xuống nơi ghềnh đá này để nghỉ.

Tiên ông **Lữ Đông Tân** trong Bát Tiên Quá Hải từ trời giáng hạ xuống Xà Sơn.

Tiên ông **Vương Tử An** cưỡi Hạc Vàng từ ghềnh đá này bay lên trời!

Và do đó mà ngôi Lầu này mang tên **Hoàng Hạc Lâu!**

Nghe thi tiên **Lý Bạch** 李白, khen ngợi bài thơ Hoàng Hạc Lâu 黃鶴樓 của Thôi Hiệu 崔顥. Nay ta thử nhìn lại từng câu.

Câu đầu:

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ 昔人已乘黃鶴去

Ta hãy để ý đến chữ "**khứ** 去" = là Đi, nó còn có nghĩa là **Bỏ** (như 2 chữ **Khứ-thủ** 去取 = Bỏ lấy. Hàm ý đi mà không trở lại.

Thử địa không dư Hoàng Hạc lâu 此地空餘黃鶴樓

Câu 2, nên để ý chữ **Dư** 餘 = Còn thừa. Thi nhân muốn bảo cho ta rằng Chim hạc đi rồi, còn thừa lại ngôi Lầu Hoàng Hạc.

Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản 黃鶴一去不復返

Đến đây thi nhân mới cho ta hiểu rằng: một đi không trở lại (nhất khứ bất phục phản 一去不復返. Ý nói Tiên-nhân và chim hạc đều không còn thấy nữa.

Bạch vân thiên tải không du du 白雲天載空悠悠
Trong câu này ta nên nhắc lại nghĩa của chữ Tải 載 = vào thời nhà Đường thì chữ Tải = nghĩa Năm (năm tháng). Nhà Hạ gọi là Tuế 歲, nhà Thương gọi là Tự 祀, nhà Chu gọi là Niên 年, nhà Đường

nhà Ngô gọi là Tải 載! Các CỤ ta thường bảo Ngàn năm một thuở = Thiên tải nhất thì 千載一時! Câu thơ này **nói lên cái còn** của Mây trắng, sau **cái mất** của cánh hạc vàng! Trong nhà Phật bảo rằng **Vô thường!**

Nhà phê bình đời Thanh là Thẩm Đức Tiềm khen rằng: “Ý đặc tượng tiên, thần hành ngữ ngoại 意得象先, 神行語外...!”

Lầu Hoàng Hạc, khí thế rất hào phóng. Thi sĩ Thôi Hiệu 崔顥 ở 4 câu đầu đã giới thiệu tích xưa, chuyện cũ mà “ý” tạo thành 3 tầng: Người Tiên không còn thấy nữa. Bây giờ chỉ còn lại một tòa lầu, bút lực mạnh mẽ, kết cấu giai điệu! Mà cụ ta bảo rằng: “Nhất liên lực cầu công lệ 一聯力求工麗!”.

Lý Bạch 李白 (701-762), trước bài thơ Hoàng Hạc Lâu 黃鶴樓 của Thôi Hiệu 崔顥 đã không sáng tác được nên sau này khi đến Kim Lăng 金陵 thuộc Nam Kinh 南京 đã có Thơ vịnh:

Đăng Kim Lăng Phượng Hoàng Đài

登金陵鳳凰臺

Phượng hoàng đài thượng phượng hoàng du

鳳凰臺上鳳凰遊

Phượng khứ đài không giang tự lưu

鳳去臺空江自流

Ngô cung hoa thảo mai u kính

吳宮花草埋幽徑

Tấn đại y quan thành cổ khâu

晉代衣冠成古邱

Tam sơn bán lạc thanh thiên ngoại

三山半落青天外

Nhị thủy trung phân bạch lộ châu

二水中分白鷺洲

Tổng vị phù vân năng tế nhật

總為浮雲能蔽日

Trường An bất kiến sử nhân sầu

長安不見使人愁!

(Lý Bạch)

Dịch:

Lên Đài Phượng Hoàng Ở Kim Lăng

Phượng hoàng lên Phượng hoàng đài

Phượng đi đài vắng sông dài lặng trôi

Cung Ngô đường lấp cỏ vùi

Y quan triều Tấn ngậm ngùi mồ hoang

Tam sơn sừng sững hiên ngang

Bạch châu xé nửa Nhị giang lạnh lùng

Bốn phương mây tỏa vầng hồng

Trường an khuất nẻo vời trông não người.

(Cao Bá Vũ)

Rồi Lý Bạch, lại du lãm Bãi Anh Vũ (Anh Vũ Châu

鸚鵡洲), hạ một Thủ:

Anh Vũ Châu

鸚鵡洲

Anh Vũ lai qua Ngô giang thủy



鸚鵡來過吳江水
Giang thượng Châu truyền Anh Vũ danh

江上洲傳鸚鵡名

Anh Vũ tây phi lũng sơn khứ

鸚鵡西飛隴山去

Phương Châu chi thảo hà thanh thanh !

芳洲之草何青青

Yên khai lan diệp hương phong hoãn

烟開蘭葉香風暖

Ngạn giáp đào hoa cảm lãng sinh

岸夾桃花錦浪生

Thiên khách thử thời đồ cực mục

遷客此時徒極目

Trường châu cô nguyệt hướng thùy minh?

長洲孤月向誰明?

(Lý Bạch)

Dịch:

Bãi Anh Vũ

Ngày xưa anh vũ đến sông Ngô

Bãi nọ mang tên tự bấy giờ

Anh-vũ sang tây qua núi Lũng,

Xanh xanh cây bãi ngắt hương đưa!

Gió thơm lan tỏa chia làn khói

Sông gấm đào nhô sát cạnh bờ

Nay khách đọa đày trông ngóng ướng;

Soi ai, trăng bãi cứ bơ vơ?

(Trần Trọng San)

Nhờ bài thơ Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu mà Lý Bạch tạo được hình ảnh lạ và hay! Nếu nhìn kỹ, ta khó nói “**bá trọng = tức là phân cao thấp**”, cách điệu đồng với thơ Thôi Hiệu, bút lực khó phân mạnh yếu. Hai từ “Lan diệp 蘭葉 và Đào hoa 桃花”, đây là một kết liên tuyệt đẹp! Khác nào thơ Thôi Hiệu “... **Phương thảo thê thê... 芳草萋萋!**”

Đúng là thiên tài gặp nhau trên văn đàn thời nhà Đường bên Tàu! Càng đọc càng khám phá cái hay, cái lạ trong Đường thi!

Lam Nguyên
Seattle, tháng 5-2023





Cởi trời

(tức **Phương Trời Cao Rộng 4**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG NĂM

Những ngày ấy, bầu trời vẫn vũ những đám mây xám xịt buồn bã, và cứ một ngày hơi tạnh thì có một ngày khác mưa tầm tã đổ xuống. Có khi anh cán bộ bảo vệ đang dẫn tôi đi nửa đường thì gặp cơn mưa đột ngột trút xuống, cả anh và tôi đều chịu ướt sũng. Có lần ngồi trước cán bộ hỏi cung, tôi run lên cầm cập vì mưa lạnh ướt sũng cả áo quần, thấm vào thịt da, chẳng làm sao nói năng cho rõ ràng mạch lạc. Một anh cán bộ khó chịu, nạt nộ ầm ỉ. Bực quá, tôi nghiêm giọng chỉnh lại:

"Tôi lạnh thì tôi run, làm sao mà trách tôi được. Các anh là cái gì chứ? Chẳng phải các anh ăn lương nhân dân để phục vụ nhân dân như tôi sao? Tôi là nhân dân đây."

"Nhân dân? Anh vào đây rồi thì còn công dân với nhân dân gì nữa đây nhỉ?"

"Tôi trạng tôi chưa rõ rệt, đang còn điều tra, tôi cũng chưa ra tòa, chưa bị kết án, làm sao

nói được là tôi đã mất quyền công dân? Các anh có cái lệnh hay án tòa nào xác định tội trạng của tôi chưa? Mà cho dù tôi có mất quyền công dân trên hiến pháp, tôi vẫn cứ là nhân dân, là con người của đất nước này chứ, phải không? Nếu tôi đã không phải là công dân, cũng chẳng phải nhân dân, vậy thì tôi đâu còn lệ thuộc gì với đất nước xã hội này, các anh lấy quyền hạn gì để xử tôi hả?"

Một anh cán bộ nghe tôi nói vậy thì ngồi im trở mặt ra mà nghe, anh khác thì run cầm cập như bị mắc mưa đứng dẫy quắt:

"Anh này... anh thật quá đáng đó nghe, anh không có quyền lý sự với chúng tôi đâu. Tôi cùm anh kỹ luật!"

Nói rồi anh đi vội ra ngoài, để tôi và anh cán bộ kia ngồi lại. Có lẽ anh đi qua văn phòng trưởng trại hay văn phòng của một cán bộ có thẩm quyền nào đó. Tôi nghe tiếng anh vắng vắng vọng lại, chữ được chữ mất. Anh cán bộ trẻ còn ngồi lại với tôi, nhún vai, nói:

"Tánh anh ấy hơi nóng, anh hút thuốc không?"

"Không," tôi đáp rồi ngồi im, cố gắng định tâm để chống cơn lạnh.

Ở đâu đó trên dãy hành lang, tiếng la lối của anh cán bộ nóng tính còn gảng gượng bật lên vài tiếng rồi dịu xuống dần. Có tiếng bàn tán nho nhỏ giống như lời khuyên can. Rồi có tiếng gõ gõ ngoài hành lang hướng về chỗ tôi ngồi. Phương xuất hiện.

"A, lại anh Khang nữa. Tưởng ai? Chuyện gì vậy anh Khang, ô, áo quần anh ướt hết rồi kia! Như vậy bệnh chết. Để tôi lấy nước trà nóng, anh đi hả, ờ, vậy anh đi lấy giùm nhé."

Anh cán bộ ngồi đối diện tôi, ngâm điều thuốc đứng dậy, bước ra ngoài để đi lấy trà. Phương ngồi xuống một cái ghế trống, nói nhỏ với tôi:

"Anh Khang đừng giận nha, mấy anh này chưa có kinh nghiệm làm việc với tù chính trị..." cô thấp giọng hơn, "đang thực tập mà."

"Cái gì? Đang thực tập à?" tôi

cười nhạt một tiếng, nói tiếp với cô nữ cán bộ vốn cố ý dễ dãi với tôi từ những ngày đầu, “bộ mấy người hết chuyện làm, hết người để thực tập hay sao lại đem tôi ra mà thực tập?”

“Áy chết, anh Khang đừng nói như vậy mấy anh nghe được thì phiền lắm. Không phải thực tập đâu, cũng là điều tra thực địa chứ, có điều... ý tôi nói là mấy anh này ít kinh nghiệm thôi. Cái vụ của anh Khang phức tạp lắm... sẽ còn nhiều bộ phận khác cao cấp hơn, đến điều tra nữa chứ không phải chỉ mấy anh khi này. Anh Khang còn chưa gặp cán bộ bên viện Kiểm sát của tỉnh mà, phải không? Hờ, vậy thì còn lâu lắm. Cho nên anh Khang khai thật một lần cho xong, khỏi dây dưa kéo dài, nhúc nhủ đầu óc lắm. A, còn chuyện khi này anh Tám nói sẽ cùm kỷ luật anh Khang, đó là nóng giận mà nói vậy thôi. Người hiền lành như anh Khang mà ai lại đem cùm kỷ luật bao giờ, phải không?”

Nói rồi cô nhón miệng cười duyên. Tôi ngó lơ chỗ khác. Anh cán bộ khi này đem vào một tách trà nóng, đặt trước mặt tôi. Phương đẩy tách trà gần về hướng tôi, nói:

“Anh Khang uống trà cho ấm người đi rồi chốt nữa làm việc với anh Bào, há.”

Phương đứng dậy, bước ra, nhường chỗ cho Bào ngồi vào ghế. Chờ tôi uống gần hết tách trà, Bào bắt đầu làm việc trở lại. Cũng xào tôi xào lui mấy câu hỏi về lực lượng Phục quốc và chỗ ẩn náu của ông Lương. Tôi biết là họ thay phiên nhau tra vấn để tìm chỗ sơ hở của tôi mà phanh phui ra thêm những chi tiết chưa được tôi tiết lộ. Và bởi tôi khai rất thành thật về những chuyện tôi đã làm, cũng như tôi không hề biết gì về chỗ ẩn náu của ông Lương, nên chuyện khai tới khai lui của tôi không mấy khó khăn: tôi không cần phải ghi nhớ đợt trước ra sao để đợt sau ăn khớp như những bạn tù khác. Tôi không cần phải cố gắng thành thật hay thành tâm hồi cải. Tôi khai trước sau như một, chẳng thêm chẳng bớt. Có điều là khai mãi một sự thật cũng nhàm và mệt mỏi lắm.

Khi tôi bắt đầu quen thuộc với sinh hoạt phòng giam tập thể rồi, dù không cố ý, bỗng dưng tôi lại trở thành một thứ nam châm cuốn hút những anh tù, từ

anh giết người đến kẻ ăn cướp, từ anh nghiện xi-ke đến anh tài xế gây tai nạn lưu thông, từ những thanh niên vượt biên đến những ông già chống cộng, từ anh Nghĩa quân Phục quốc đến chàng cựu sĩ quan Quân đội Cộng hòa, thậm chí những anh công nhân viên hay cán bộ nhà nước “thối hóa”... Họ đến với tôi không phải để nghe rao giảng về giáo lý-bởi vì không bao giờ tôi mở miệng nói chuyện Phật pháp hay bất kỳ kinh nghiệm tu tập nào của tôi; họ cũng không đến với tôi vì thứ quyền lợi vật chất nào cả-vì cho đến lúc này, tôi vẫn chưa được phép liên lạc với bên ngoài để có thăm nuôi. Họ chỉ đến với tôi để kể về chuyện đời của họ, và đặc biệt là kể về nguyên do mà họ phải vào tù. Kể chuyện riêng của mình cho một người tù khác là điều mà nội qui có cấm, nếu một ăng-ten nào đi báo cáo cho quản giáo thì cả người kể lẫn người nghe đều bị kỷ luật, hoặc bị khiển trách. Vậy mà người ta cứ thích kể cho tôi nghe. Có nhiều người không bao giờ hé miệng với bất cứ ai, nhưng lại tìm cơ hội để bộc bạch với tôi, làm như thể tôi có một thứ thẩm quyền nào để thay đổi phần số hay tội trạng của họ vậy. Thực ra, tôi biết, chẳng qua người ta thích nói chuyện với tôi chỉ vì họ cảm thấy tội là người luôn luôn chú tâm lắng nghe, thông cảm được nỗi đau khổ của họ. Họ thấy yên tâm và thoải mái để bộc bạch nỗi lòng của họ cho tôi như thể trút được những thùng rác dơ xuống lòng sông, hay cắt được gánh nặng trên vai xuống đất. Có khi tôi cho họ một vài lời khuyên, có khi tôi không biết nói gì, chỉ im lặng vỗ vai họ. Tôi không có khả năng hoán chuyển vận mệnh của từng thân phận hay của cả định mệnh khốn cùng của quê hương, nhưng tôi nguyện là sông, là đất, lặng lẽ đón nhận và gánh chịu tất cả những oan khiên nghiệp chướng cuộc đời.

Những tù nhân chính trị thì chẳng có gì đáng nói. Họ vào tù vì lý do rõ rệt là không bằng lòng chính sách cai trị độc tài của chế độ này, vì muốn mưu cầu một tương lai xán lạn nào đó cho quê hương. Khi kể lại những hoạt động của họ đưa dẫn đến chuyện vào tù, họ đã kể với một giọng kiêu hãnh,

đầy hào khí. Chỉ có mấy anh tù hình sự, tù vượt biên, là thường mang bộ mặt sầu não, hay than thân trách phận. Còn mấy anh cán bộ và công nhân viên nhà nước mà vào tù thì biết ngay là họ phạm phải một trong những tội sau đây: tham nhũng, hối lộ, thâm lạm tài sản của nhà nước... nói cụ thể hơn thì là bán bãi vượt biên, nhận tiền đút lót hoặc tống tiền nhân dân bằng cách làm khó về mặt hành chính hay khủng bố bằng bạo lực, làm giấy tờ giả, ăn cắp vật liệu của nhà nước... Cán bộ, đảng viên nhà nước vào tù không hề mang mặc cảm phạm tội. Họ không ngần ngại tự khoe mình nắm giữ chức vụ gì, có cơ ngơi nhà cửa vườn tược thế nào trong xã hội; thậm chí còn hãnh diện kể lại những vụ trúng ăp-phe, những “mảnh mung” lừa đảo mà họ có cao kiến nghĩ ra để thu vét tiền của vào hầu bao không đáy... Chẳng hạn như anh Bính-một công an cấp tỉnh, có liên hệ với giám đốc công an tỉnh Đồng Nai trong các vụ bán bãi vượt biên ở Long Hải, Vũng Tàu v.v... vào tù rồi mà vẫn không ngớt tự hào về những thành tích trần lột, lương gạt khách vượt biên. Bính còn cho biết sếp của anh, ông giám đốc công an tỉnh, sở dĩ bị đổ bể và bị bắt chẳng qua vì ăn chia không đều với anh em mà bị tố giác. Vụ án này hình như tôi có nghe được lúc còn ở ngoài. Tin đồn (nói là đọc thấy trên báo Nhân Dân) rằng công an trực thuộc bộ Nội vụ từ Hà Nội vào, vây bắt ông giám đốc công an tỉnh Đồng Nai ngay tại tư dinh đồ sộ có lính canh gác, tịch thu cả “tấn” vàng giấu đầy trong vách sau lớp gạch men nguy trang nơi cái phòng tắm nguy nga hiện đại kiểu Âu-Mỹ; ông giám đốc này cặp với bà vợ bé cũ của cựu Tổng thống Thiệu một thời gian, lo cho bà này đi vượt biên trước (rồi sẽ trốn qua sau để cùng chia sẻ tài lợi thu hoạch được), không ngờ bà này qua được nước ngoài, gửi thư về cảm ơn, gửi khắp cơ quan công quyền để gián tiếp tố cáo ngược. Vậy là đổ bể. Hàng chục công an thuộc hạ, trong đó có Bính, cũng bị kết tội đồng lõa. Hầu hết các vụ vượt biên sử dụng các bãi biển thuộc tỉnh Đồng Nai, đều do ông trùm công an này đứng mũi chịu sào cho đàn em tổ chức. Vụ này còn kéo theo cả các ông chủ tịch Ủy ban nhân dân ấp, xã, huyện, tỉnh liên hệ. Bính không những chỉ kể lại tôi nghe, mà còn kể cho nhiều

bạn tù khác trong phòng giam. Rõ ràng trong giọng kể của anh có cái vẻ tự hào hiếm có của một người không hề biết liêm sỉ là gì. Dường như anh và các đồng chí của anh, đều “tự nguyện” cho phép mình tin tưởng rằng để làm công an cán bộ nhà nước, thì phải có quyền “làm tiền” nhân dân và thụ hưởng tối đa những đặc quyền đặc lợi do tính ưu việt của chủ nghĩa mạng đến.

Quả là không ngoa khi nói rằng xã hội Việt Nam ngày nay – xã hội được xưng tụng bằng những ngoa ngôn buồn cười là “trung tâm của nhân loại” hay “đỉnh cao trí tuệ loài người” – được phản ánh rõ ràng qua những tỷ lệ về số lượng, thành phần và tội trạng con người có mặt trong các nhà tù. Những nhân dân thực sự là nhân dân thì vào tù với cái tội phi lý là đã có mặt và đóng góp nghĩa vụ công dân trong chế độ cũ (hàng trăm ngàn sĩ quan và công viên chức chế độ Cộng hòa phải vào các trại tập trung cải tạo từ năm 1975), không cùng chính kiến với chế độ mới, tích cực và trực tiếp “chống lại chính quyền nhân dân”; hoặc tiêu cực và gián tiếp hơn: bất hợp tác với chính thể mới, chấp nhận liả bỏ quê hương bằng cách trốn đi bằng thuyền nhỏ vượt đại dương, băng rừng già biên giới với hai tay không để đối phó bao hiểm nạn. Trong khi đó, những người ăn lương hưởng lộc nhà nước, có liên hệ ít nhiều với đảng và nhà nước, thì cứ dựa vào ưu thế thế trận và cầm quyền, hoặc dựa vào cái “chính nghĩa” vì nhân dân, vì đường lối chính sách của đảng, vì cứu cánh xây dựng xã hội chủ nghĩa mà tha hồ giết người, cướp của, hối lộ... Vậy mà hầu hết các mỹ từ nào có trong bách khoa từ điển, đều đã được triệt để sử dụng để tô vẽ, sơn phết từng lớp dày trên cái xã hội “vượt thường,” “siêu việt” ấy!

Sau vụ cải cách ruộng đất ngoài Bắc hậu bán thập niên 1950, đảng Cộng sản thu vét hầu hết tài sản của nhân dân vào tay, không những vậy, còn gây bao tang tóc chết thảm cho hàng triệu người với những tội danh cổ tình gán ghép vì tư thù, vì ganh tị, vì muốn tăng phần chính nghĩa cho chính sách bạo ngược phi lý này. Vụ cải cách sai lầm ấy, mấy chục năm qua, đảng vẫn chưa ngó một lời nhận



lỗi và xin lỗi. Tháng tư năm 1975, đảng may mắn có cơ hội chiếm được trọn miền Nam, con mồi béo bở mà đảng từng thèm thường, nhưng dĩ nhiên là không thể thu vét tài sản nhân dân miền Nam bằng cách tái áp dụng chính sách cải cách ruộng đất từng gây căm phẫn của hai mươi năm trước, bèn nảy ra sáng kiến “đánh tư sản mại bản.” Đồng thời với chiến dịch “bài trừ văn hóa Mỹ-ngụy” nhằm tiêu hủy toàn bộ sách báo của chế độ cũ, chiến dịch đánh tư sản mại bản cũng tiến hành, kéo dài suốt mấy năm cuối thập niên 1970, đẩy thêm hàng triệu người dân miền Nam Việt Nam vào đại dương thực tế cũng như đại dương thống khổ. Có vẻ như là đảng và nhà nước muốn nhân dân khắp nước nhanh chóng trở thành một khối vô sản thực sự để dễ bề thực hiện chính sách cai trị bằng “bánh mì” – nói theo Trung Hoa và Việt Nam thì phải nói là bằng “nồi cơm,” hoặc thích hợp với thực tế hơn nữa là “khoai mì.” Có tài sản là có tội. Có buôn bán là có tội. Vậy là nhà cửa, vườn tược, xe cộ, tiền bạc, máy móc... cho đến vàng và hột xoàn (những thứ mà nhà nước cho là xa xỉ không ích lợi gì cho đời sống nhân dân!) cũng bị nhà nước thu đoạt hết. Công an cán bộ từng tộp vào nhà từng người dân, bắt khai báo, kiểm kê toàn bộ tài sản. Nghi ngờ dân cất giấu bớt thì họ đào nền nhà, phá rui mè hay trần nhà để tìm kiếm. Ngoài trừ một ít tiền vật để đi chợ, tất cả đều nộp cho nhà nước. Thậm chí gạo, thức ăn, cũng không được cất chứa nhiều. Cất chứa là đầu cơ, là một hình thức của xã hội tư bản. Nhân dân vô sản trong chủ nghĩa xã hội không cần cất chứa tài sản, lương thực. Việc đó đã có nhà nước lo liệu, đảm

trách (vì cán bộ nhà nước đã được huấn luyện tinh thần “chí công vô tư và đạo đức cách mạng cao” để cất giữ và quản lý tất cả giùm cho nhân dân và điều động phân phối tài sản chung đó sao cho công bằng theo giá trị lao động của từng cá nhân!). Vậy là, lịch sử nước nhà lại ghi thêm một thảm họa kinh hoàng đầy máu và nước mắt cho bao lương dân vô tội. Hàng triệu người bị lừa đi các vùng kinh tế mới, bỏ lại nhà cửa vườn tược cho cán bộ nhà nước thụ hưởng, hàng triệu người ồ ạt trốn ra khỏi nước trên những chiếc thuyền con ọp ẹp, hoặc băng rừng sâu vượt biên giới qua Cam-bốt và Thái Lan. Những người không trốn đi được, cũng không muốn đi kinh tế mới (vì biết có đến kinh tế mới cũng đói rét và chết) thì chấp nhận sống lang thang vỉa hè, hoặc trở thành ăn mày, ăn trộm, ăn cướp – đảng viên cán bộ nhà nước cướp nhà cướp của nhân dân trắng trợn giữa ban ngày được thì còn có lý do nào để người dân nhỏ bé từ chối việc ăn trộm những thứ nhỏ bé của kẻ khác! Có câu truyền miệng với nhau rằng: “Thà ăn mày, ăn trộm, ăn cướp chứ không ăn năn.” Ăn năn gì? Ăn năn là đã không chịu tận lực làm ăn mày hay ăn trộm để kiếm gạo về nuôi cha mẹ già và lũ con thơ. Đã có thể nghĩ và nói lên được câu ấy thì đạo đức bấy giờ chỉ còn là một thứ bóng ma vô dụng của lịch sử. Cả nước, từ chính quyền đến nhân dân, đều sống bằng các nghề ăn xin, ăn trộm và ăn cướp, mà tích cực nhất vẫn là đảng và nhà nước: ăn xin các nước tư bản mà mình hằng to miệng đánh đuổi và coi như kẻ thù; ăn trộm của nhân dân bằng các mảnh lối tham nhũng hối lộ, áp-phe chia chác; ăn cướp của nhân dân bằng thuế khóa, đầu tỗ, chiếm đoạt tài

sản, độc tài kinh tế và độc quyền tư hữu... Dân nào tù nhục không muốn hạ mình làm ăn xin hay ăn trộm thì đành chịu chết đói (đã có nhiều gia đình tự sát tập thể, để lại nhà cửa cho nhà nước, chết rồi còn bị tòa án xử phạt vì tội "ngu"), hoặc cũng liều đưa chân đi kinh tế mới, đem sức lao động ra thi thố với núi rừng hoang sơ mà giành lấy miếng ăn. Bao nhiêu chiến dịch, bao nhiêu chính sách đưa ra, đều nhằm củng cố quyền lực và quyền lợi của giai cấp đảng viên và cán bộ nhà nước. Càng đưa ra nhiều chừng nào, đảng và nhà nước càng no đủ, mạnh mẽ hơn lên, và dân càng nghèo đói cùng kiệt thêm. Thậm chí cả những người từng đi theo cách mạng, hoặc thuộc gia đình liệt sĩ có đóng góp xương máu cho cách mạng, nhưng yếu thế quá hoặc không biết chen chân thì cũng lâm vào hoàn cảnh đói khổ có khi còn tệ hại hơn thường dân.

Lượng là tù nhân trẻ nhất trong phòng giam (đâu chừng mười tám tuổi). Lượng đã cùng chào phòng chung một lần với tôi bằng ba câu chuyện tiểu lâm không tức cười vào ngày tôi mới nhập trại B5. Vừa nhận bản cáo trạng của Viện Kiểm sát gửi vào, Lượng đã mang đến nhờ tôi đọc giùm ngay. Lượng nói rằng em cũng biết đọc chữ chứ chẳng phải không, nhưng trong bản cáo trạng có nhiều chữ, nhiều câu em không hiểu. Tôi đọc qua một lượt. Hơi rùng mình. Lượng giết người bằng cuộc chia. Cuộc chia là loại cuộc vừa để xới cỏ, vừa để đào khoai củ dưới đất. Cuộc chia không phải loại cào cỏ. Cuộc chia cỏ ba hoặc năm răng nhọn, mỗi răng có bề ngang gần hai phân, bề dày khoảng từ ba đến năm ly, chiều dài từ một tấc đến gang tay tùy theo loại lớn nhỏ; khoảng cách giữa các răng khá thưa (đâu chừng ba đến bốn phân) chứ không khít như cây cào cỏ. Lượng dùng cuộc chia năm răng, bổ vào đầu một người đàn ông. Lượng kể lại tôi nghe đầu đuôi câu chuyện dù rằng trong bản cáo trạng đã ghi lại khá rõ. Nhưng với giọng kể của Lượng, tôi mới thực sự hiểu được tâm tình và quan niệm sống của em.

Gia đình Lượng quê ở huyện Long Đất. Ba của Lượng đi theo cách mạng, bỏ xác trên Trường Sơn. Mẹ của Lượng sống vậy

nuôi hai con, một gái một trai, vừa tiếp tục đóng góp cho cách mạng bằng cách nuôi chứa cán bộ nằm vùng trong hầm nhà. Năm 1975, vừa hồ hởi vẫy cờ đón rước đoàn quân giải phóng xong, chỉ một thời gian ngắn sau đó, chẳng may mẹ của Lượng bệnh chết khi hai chị em hãy còn nhỏ xíu. Chị mười hai tuổi, em tám tuổi. Nhà nước cấp giấy chứng nhận chị em Lượng thuộc gia đình liệt sĩ và đặc trách cán bộ ủy ban nhân dân tại địa phương "nghiên cứu" giúp đỡ. Hai chữ "nghiên cứu" ghi trên các văn bản hành chính của chế độ cộng sản là một thứ lệnh khả mơ hồ: nó hoàn toàn ủy quyền cho người thi hành giải quyết sự việc theo cảm tính và khả năng của người ấy—và nếu có xảy ra điều gì sai trái làm lỗi, người ra lệnh chẳng phải chịu trách nhiệm gì, cứ việc đổ thừa cho người thi hành; trong khi đó, người thi hành cũng có thể vịn vào hai chữ "nghiên cứu" để bào chữa với nạn nhân của cái lệnh ấy rằng "chúng tôi chỉ nhận lệnh ở trên, nghiên cứu giải quyết." Nghiên cứu là thăm dò, tìm hiểu, điều tra chứ có phải là hành vi giúp đỡ có tính cách quyết định đâu. Như vậy, hoàn cảnh của hai chị em Lượng được "nghiên cứu" một thời gian. Hai đứa bé mồ côi được làng xóm láng giềng bảo bọc một thời gian ngắn với lòng tốt vốn bị giới hạn theo mức kinh tế tệ lậu của cả nước trước bậc thêm của "tiến trình nhảy vọt." Nửa năm sau, sau một vòng tử dưới đề nghị lên trên cứu xét, tử trên ra lệnh bên dưới nghiên cứu, rồi tử dưới lại đệ đơn lên trên xin chứng nhận, rồi tử trên đưa lệnh chứng nhận xuống dưới—từ dưới là từ cấp ấp, từ trên là cấp tỉnh; có nghĩa là phải đi bốn chặng đường xuôi ngược: ấp, xã, huyện, tỉnh... tỉnh, huyện, xã, ấp—hai chị em Lượng mới được nhận giấy chứng nhận là thuộc "gia đình liệt sĩ." Nhờ cái giấy chứng nhận ấy, mỗi tháng hai chị em có được mấy trăm bạc và tiêu chuẩn gạo mằm để sống cầm hơi. Nhưng hẳn nhiên là không đủ. Trên thực tế, tem phiếu hay tiền thưởng của nhà nước cấp cho cũng có tính cách tượng trưng như là cái bằng liệt sĩ treo trên vách. Liên, chị của Lượng, bấy giờ mới được mười

ba tuổi, phải đóng vai một người mẹ trẻ nuôi đứa em trai chín tuổi. Hai chị em bắt chước hàng xóm trồng khoai, trồng bắp trong mảnh vườn nhỏ do cha mẹ để lại. Những người hàng xóm tương đối tốt bụng bấy giờ không nhìn ngó đến hai chị em Liên-Lượng nữa, vì cho rằng chúng thuộc gia đình liệt sĩ đã có nhà nước lo đầy đủ rồi. Vậy rồi, theo luật tự nhiên trời sinh voi sinh cỏ, người ta sống được thì hai chị em cũng lầy lắt sống được qua ngày. Cho đến các năm 1978-79, cả nước lâm vào cảnh đói rét, phần gạo khoai cầm hơi do nhà nước cấp dưỡng cho hai chị em bị giảm xuống, mùa màng lại bị thất thu, hai chị em bị thiếu ăn, buổi tối phải đi trộm khoai bắp của vườn rẫy của người khác. Ăn trộm liên tục từ tháng này qua tháng nọ để sống. Ăn trộm mãi mà chỉ bị nghi ngờ chứ chưa bị phát hiện, hai chị em cứ tiếp tục vừa tự lo sản xuất ban ngày, vừa đi trộm thêm ban đêm, quen thành thói tật, không chữa bỏ được. Năm 1981, tức là cách nay bốn năm, vào một đêm tối mịt, hai chị em chia nhau, chị đào trộm khoai lang ở rẫy này, em nhổ trộm khoai mì ở rẫy khác. Liên đang lui hui bởi đất bẻ khoai (nghĩa là chỉ đào bên hông vòng khoai, bẻ lấy củ chứ không động đến giây lá trên mặt đất—lầm vậy, chủ nhân miếng vườn sẽ không phát giác được là đã bị trộm) thì một bóng người to lớn từ đâu nhảy bổ đến, cầm đòn gánh quất túi bụi vào đầu vào cổ. Liên không chuẩn bị trước nên chẳng làm sao mà chạy được, chỉ biết nằm lăn trên đất mà chịu đòn, rồi vì đau và sợ chết quá, Liên mới gắng la to kêu cứu: "Lượng ơi, Lượng... cứu chị!" Lượng từ một rẫy khoai mì gần đó, vội vàng xách cuộc chia nhằm hướng có tiếng la của chị mà chạy đến. Thấy ông Bảy, một người bộ đội phục viên trong xóm, đang mạnh tay phang đòn gánh một cách chẳng nương tay xuống thân người mềm nhũn của chị dưới đất, Lượng không còn kịp suy nghĩ gì nữa, vung cuộc chia, bổ vào đầu ông ấy. Ông loạng choạng chút rồi ngã quỵ xuống đất, máu phun thành vòi từ sau gáy và khoảng vai cổ. Lượng bỏ mặc ông ấy, lo diu chị về nhà. Hàng xóm lúc đó mới túa ra, phát giác ông Bảy nằm dưới đất, lại phát giác hai chị em Lượng

mặt mày xanh lét với cây cuốc chĩa còn dính máu. Cả ông Bảy và Liên đều được y tá của địa phương lo cứu chữa bằng bó trong khi chờ đợi người ta đi gọi xe cấp cứu của bệnh viện huyện. Liên thì bị mấy chục vết bầm tím từ vai đến chân. Ông Bảy bị ba răng nhọn của cuốc chĩa phạm vào sau ót, cổ và vai, hai lưỡi còn lại cắm vào phần lưng. Bác sĩ nói, may mà Lượng chỉ là một thiếu niên 14 tuổi, ốm tong teo, không đủ sức vùng mạnh cây cuốc chĩa khá nặng ở đầu lưỡi, chứ không thì ông Bảy chết ngay lập tức, không thể cứu được như bây giờ. Ủy ban nhân dân và công an địa phương đến giải quyết sự vụ bằng cách giải hòa gia đình nạn nhân của hai bên mà theo họ, đều có công với cách mạng, đều là người nhà với nhau cả. Ông Bảy im lặng bỏ qua, nhưng bốn năm sau ông chết vì vết thương ở sọ não. Vợ ông truy tố hai chị em Lượng ra tòa. Tội ăn trộm được bỏ qua, nhưng tội giết người thì phải lãnh. Lượng đi tù một mình.

Vụ án của Lượng lại gợi tôi nhớ đến chuyện tôi được nghe kể lúc còn ở vùng kinh tế mới Bàu Cạn. Các thanh niên xã này kể rằng vào năm 1978, toàn quốc thiếu lương thực vì mùa màng bị thất thu (thực ra đó là nói theo lối giải thích đổ thừa và chạy tội của nhà nước thay vì nói thực là do những sai lầm liên tục của nhà nước trong các kế hoạch phát triển kinh tế để chuẩn bị cho “bước nhảy vọt” đến thiên đường cộng sản); dân các tỉnh, từ đô thị đến thôn quê, đều lâm vào cảnh đói, hưởng gì dân ở các vùng kinh tế mới—là những nơi lưu đầy khốn khổ và đói nghèo hạng nhì (sau nhà tù) trên đất nước. Dân kinh tế mới là những người bị bắt buộc phải nghèo đói một cách trắng trợn qua sự hăm dọa, khủng bố, hoặc khuyến dụ của nhà nước, bỏ lại nhà cửa vườn tược đã ổn định từ lâu của mình để nhà nước trưng dụng phân phát cho cán bộ đảng viên, chân ướt chân ráo đến định cư và tranh thủ sống cộn trước cái hùng vĩ ma quái của thiên nhiên nơi những vùng ma thiêng nước độc, sơn lam chướng khí. Tại đây, họ được cấp một số lượng gạo rất khiêm nhường theo mỗi đầu người (trẻ em 6 kí lô, người lớn 12 kí lô một tháng) trong vòng sáu tháng để ra công khai phá rừng già mà lập vườn

rẫy sản xuất. Tiêu chuẩn gạo như thế kể ra đã thật là quá ép, vì trên thực tế, một người lao động nặng cần phải có ít nhất mỗi ngày một kí gạo, vị chỉ một tháng phải có 30 kí mới gọi là đủ; nếu vì tiết kiệm phải độn thêm khoai hay sắn khô trong nồi cơm thì cũng phải có khoảng 20 kí gạo và 10 kí khoai khô. Vậy mà nhà nước cứ việc tính thẳng là 12 kí mỗi đầu người, ai thiếu ráng chịu! “Ráng chịu” với nghĩa đen là phải chịu nhịn đói thực sự, chứ không biết đào đâu ra số lượng thực phẩm thiếu hụt (ngoại trừ phải đi ăn trộm, ăn cướp; nhưng cả vùng kinh tế mới đều đói thiếu như nhau thì ai trộm của ai, ai cướp của ai?). Sau thời hạn sáu tháng tằn tiện khoai bắp trừ bữa để trồng tía hoa màu lúa má, dân kinh tế mới phải hoàn toàn tự túc, có nghĩa là sống bằng mảnh đất mảnh vườn của họ; trồng được bao nhiêu, ăn bấy nhiêu, thiếu thì nhịn, còn nếu lao động tích cực đến nỗi thu hoạch quá dư thì bị bắt đóng thuế hoặc phải bán bớt cho nhà nước với giá thật rẻ mà nhà nước qui định. Trong hoàn cảnh tách biệt với đô thị và các vùng dân cư khác, dân kinh tế mới Bàu Cạn không còn con đường nào khác hơn là phải nỗ lực ngày đêm vào việc sản xuất để tạo được một nền kinh tế tự túc ổn định, không phải nhờ cậy đến các địa phương khác. Vậy mà vào năm 1978, khi cả nước lâm vào nạn đói, dân kinh tế mới Bàu Cạn cũng không khỏi bị lây họa, nhất là một số gia đình mới dọn đến, còn nằm trong thời hạn sáu tháng được nhà nước cấp gạo tiêu chuẩn. Gạo cấp cho những gia đình này tự dưng bị cúp ngang, hỏi đến thì cán bộ đổ thừa cho “ở trên” không đưa gạo xuống thì có đâu mà phát. Hợp tác xã chuyên bán và đổi gạo lấy khoai bắp của dân kinh tế mới cũng đóng cửa vì không có gạo ngoài huyện đưa vào, phần khác vì sợ dân đói làm liều nên tránh mặt luôn. Vậy là đói. Người lớn nhịn ăn nhường cho trẻ em. Nhịn được vài ngày thì cả nhà nhịn. Rồi cả xóm nhịn. Trẻ em, người già, chết như rạ. Không thể ngồi im chịu chết, dân Bàu Cạn rủ nhau đi ăn trộm. Ban đầu đi vài người, sau thành cả tập đoàn đông đảo. Ban đầu đi ăn trộm vào

ban đêm, sau trở thành ăn cướp vào ban ngày. Họ lên đường từ sáng sớm, mỗi người tay cầm cuốc hay rựa, tay mang bao bị, đi sang các xã lân cận (tức những xã không thuộc vùng kinh tế mới). Trên đường đi, thấy ruộng lúa sắp gặt hoặc đang gặt thì xúm lại cắt lúa, gặt rẫy khoai thì tùm lại đào khoai, bất kể chủ nhân ruộng vườn ấy là ai. Các vị chủ nhân thấy đoàn người đói rách liều mạng này tự tiện “thu hoạch” hoa màu của mình cũng không dám nói năng chửi bới gì. Họ chỉ nói đôi lời nhỏ nhẹ, xin lại một ít để ăn thì may ra được yên thân và còn giữ lại lương thực cho vài ngày sau. Một vài vụ ẩu đả, xảy ra án mạng chỉ vì chủ nhân các ruộng rẫy cố sức kháng cự để bảo vệ quyền lợi của mình. Sự kháng cự trong trường hợp này là vô ích vì đoàn người đói không sợ bất kỳ một trở lực nào, ngay cả chính quyền địa phương gồm công an, du kích, cán bộ các cấp. Ruộng vườn của cán bộ nhà nước cũng bị xâm phạm công khai mà không ai dám lên tiếng, chỉ vờ làm lơ hoặc đóng cửa cài then, trốn trong nhà. Họ kiểm lương thực bằng cách đi trong vòng mấy tháng, mỗi ngày xách bị cầm cuốc, kêu réo nhau tập hợp thành đoàn mà đi. Càng lúc càng phải đi xa hơn, nhưng họ không nề hà gì: họ phải giải quyết cái đói của họ và của bảy con nheo nhóc ở nhà. Họ nói lúc ấy họ sẵn sàng giết người, nhất là những cán bộ nhà nước giàu có nếu những cán bộ này can trở việc ăn cướp hoặc có ý bắt bớ họ. Họ tin tưởng rằng họ hành động như vậy là đúng, chẳng có gì sai trái. Quá đói và sẽ đói đến chết. Đó là lý do chính đáng để ăn cướp, giết người. Xin thì không ai cho. Trộm vặt thì bị bắt và bị đánh đập, bắt giam. Đoàn ăn cướp tập thể. Họ làm vậy và kể lại tôi nghe một cách tự nhiên, không xấu hổ. Tôi từng khuyên họ đừng trộm cắp, nhưng cũng chỉ biết cười trừ với lý do trộm cướp của họ. Quá là long trường hợp này, người ta bảo “chân lý nằm trong bao tử” không phải là quá đáng.

Nghiệm câu chuyện của Lượng và câu chuyện đói của dân kinh tế mới Bàu Cạn, tôi vừa lạnh mình nghĩ đến sự tàn bạo của con người, vừa thương cảm cho những nạn nhân của

một xã hội đói nghèo cả thực phẩm lẫn đạo đức lương tri. Một khi giá trị lao động và vật chất được đề cao như là nền tảng của cuộc sống và tiến bộ xã hội thì hệ quả tất nhiên là mọi giá trị đạo đức tinh thần bị xếp vào hàng thứ yếu nếu không nói là không cần thiết. Xã hội từ đó như một người bệnh phung, mất dần từng phần thân thể trước khi bị hủy hoại hoàn toàn. Tôi đã không thể trách người dân Bàu Cạn, thì cũng không thể trách ông Bảy, không thể trách chị em Lương. Họ đều là nạn nhân của một cơn bệnh, một hệ thống hay một quan niệm sống của xã hội hiện tại. Tâm tình người dân quê nước tôi xưa nay đâu có tiếp xử với nhau tàn bạo và thiếu tình cảm như vậy. Nhưng điều đáng e ngại nhất vẫn là con người trong xã hội ấy, như đã nói ở trước, không hề mang chút mặc cảm phạm tội nào sau khi đã gây tội ác. Cách người dân Bàu Cạn, nhất là cách mà Lương kể chuyện tôi nghe chẳng khác gì Bính công an: không hề nghĩ rằng mình đã làm một điều gì tội lỗi, và không hề đếm xỉa gì đến tâm tình và hoàn cảnh của nạn nhân phía kia. Lương nói:

"Tại vì ông Bảy là bộ đội phục viên, cũng gia đình cách mạng, chứ không thôi đâu làm gì được em. Em gia đình liệt sĩ mà!"

Rõ ràng là trong sự đói khổ, khốn cùng, Lương hay Bính công an đều còn bám vào niềm tự hào mình là "dân cách mạng" để ngược mặt mà sống. Và dân cách mạng thì có quyền thụ hưởng các ưu tiên về địa vị và lợi dưỡng của xã hội, có quyền gây tội ác, có quyền nhồi người lên đập đầu đập dân hèn đói rét bất lực mà sống còn. "Sống chết mặc bây," là quan niệm sống thật đơn giản của cái gọi là "hiện thực xã hội chủ nghĩa."

Tôi ngao ngán buồn bã rút về góc phòng, ngồi im một lúc. Đất nước tôi đang lún dần vào một cái vực lầy tưởng chừng không lối thoát. Tôi từng chấp nhận hoàn cảnh tù đầy để làm một cuộc cách mạng tự tâm, nhưng tự đứng bây giờ, tôi lại thấy nồn nả bồn chồn, muốn vượt thoát khỏi trại giam này, xông ra ngoài tiếp tục con đường cứu nguy cho dân tộc. Không thể bỏ tay ngồi im như vậy được. Tôi phải được tự do! Tôi phải ra khỏi nhà tù này!

(còn tiếp)



RẼM THÁNG BẢY DĂNG HƯƠNG

*Lên chùa lễ Phật tụng kinh
Tịnh tâm nghĩ tưởng nghĩa tình mẹ cha
Nhớ ơn đức của ông bà
Minh người con Phật thiết tha niệm lành*

*Ơn thầy hôm sớm tu hành
Hoàng truyền giáo hóa chúng sanh đường về
Giục người ra khỏi cơn mê
Sắc, tài, danh, lợi bộn bề bủa vây*

*Ơn Phật bát ngát trời mây
Mở ra đường đạo đủ đầy pháp môn
Người thành thị, kẻ sơn thôn
Lợi căn, ám độn, thân hôn rõ ràng*

*Ơn cộng sinh rất bộn bàng
Cùng là quốc độ cuu mang chúng mình
Vô tình liên đới hữu tình
Cũng trong một niệm vô hình thể thôi*

*Vu Lan hiếu hội bồi hồi
Pháp hành, pháp học trau dồi chẳng quên
Tứ ân thâm trọng mông mênh
Làm người nhớ lấy báo đền tận tâm*

*Dòng đời cứ mãi thăng trầm
Dòng thời gian với tháng năm vô thường
Ngày rằm tháng Bảy dâng hương
Đề đầu đánh lễ mười phương Phật đà.*

thơ

THANH NGUYỄN

Động mỗi từ tâm

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Đây là một dãy núi rừng phía bắc kinh thành ở khoảng giữa hai ngọn núi cao, núi sà thấp xuống như một lòng chảo. Thung lũng này là đường thường bay qua của loài chim nhạn di cư.

Những ngày đông giá lạnh đang sắp trở về. Chim nhạn vượt qua thung lũng của dãy núi cao, từ Bắc bay về Nam, từng đàn từng đàn cất tiếng kêu vang trời như rú rú, như hò hẹn. Bầy chim vô tình không để ý rằng đã có một người đó biết được sinh hoạt thường kỳ trên của chúng. Người đó là tên bầy chim của nhà Vua, một ông Vua rất ưa ăn thịt chim nhạn.

Tên bầy chim đã chuẩn bị một kế hoạch qui mô. Hắn sắp sẵn cung tên, mang theo một con chim mỗi tuyệt khôn. Và tất cả hy vọng của hắn đặt hết vào một chiếc lưới vừa rộng, vừa dài mà nó sẽ giăng ngang thung lũng trên con đường thường bay qua của bầy chim nhạn. Lần này, không những một vài con sẽ sa lưới mà có thể hắn sẽ bầy trọn cả một đàn.

Một buổi sáng kia, tên bầy chim thức dậy thật sớm. Hắn nghe có tiếng chim nhạn ríu rít gọi đàn. Như có cái gì báo trước một điềm lạ, hắn vượt ve con chim mỗi rồi giả tiếng chim khẽ kêu lên vài tiếng.

Khác ngày thường, sáng nay chim mỗi buồn bã, ủ rũ, vẫn không đáp lại hắn. Giữa lúc đó, thì trên không trung có tiếng vỗ cánh rồi một đàn chim nhạn xếp hàng thứ tự, bay về phương Nam. Chim đầu đàn, lông trắng như tuyết, đuôi thẳng đôi chận ra sau, lướt tới nhẹ nhàng như tên bắn.

Bỗng chim đầu đàn, buông lên vài tiếng đau thương làm cả đàn kinh hoảng. Rồi chim lộn lại mấy vòng và bay sà thấp xuống. Chim vừa thấy dưới thung lũng một con chim nhạn, lông cánh phớt phạc, đôi chân bị trói vào nhau và đôi mắt u buồn. Chim đầu đàn sà thấp hơn nữa. Chim muốn cứu lấy bạn mình. Và có ngờ đâu, trong khi đôi mắt chỉ để ý đến con chim mỗi đau thương, chim nhạn đầu đàn sa vào lưới của tên đánh bầy, đầu chim lọt trọn vào một mắt lưới, đôi cánh cũng bị kẹt vào trong những dây tơ. Càng muốn vươn tới, chim càng bị quấn thêm chặt vào, càng muốn thối lui thì các đường lông bị đẩy ngược xứng lên không tài nào gỡ ra được.

Bầy nhạn trên không quần lại, buông lên những tiếng kêu đau xót trong lúc tên bầy chim, từ trong khóm cây, mừng rỡ chạy ra. Hắn đang tóm lưới lại. Hắn thật hài lòng về các cách đánh bầy mới lạ của hắn và trong trí hắn tưởng tượng đến một lồng nhốt đầy chim nhạn để dâng lên cho Vua hắn.

Hắn đang gom thâu gần hết lưới rồi. Chim nhạn đầu đàn sắp phải nằm gọn trong tay hắn, bị nhốt vào trong lồng để rồi ngày hôm sau biến thành thức ăn thích thú của Hoàng Thượng. Trong lúc đó, thì trên không trung, một con nhạn vụt sà thấp xuống, bay quanh chim đầu đàn, kêu lên

những tiếng dài náo nức như là những tiếng khóc than. Người bầy chim giơ tay xua đuổi mà chim vẫn không chịu bay đi. Giận dữ, hắn nói:

"Tao mà có sẵn cung tên đây thì tao cho mày một phát để mày cùng chết theo bạn mày." Lời nói hung bạo, những tia lửa căm tức, vẫn không làm cho chim nhạn kia sồn lòng. Chim cứ quần đi, quần lại bên chim đầu đàn, có lúc như muốn đâm sầm vào trong lưới và hai ba lần suýt bị người bầy chim nắm được.

Chú rùa đã chán, tên bầy chim lụi lụi hết tay lưới. Tay hắn đã nắm được chim đầu đàn và lần gỡ chim ra. Phải như mọi lần, nó chỉ làm trong nháy mắt là xong để rồi giăng lưới lại, chờ bắt thêm con chim khác, nhưng lần này hắn không thể nhanh tay được. Hắn thấy bộ lông trắng nõn của chim đầu đàn như có cái gì quý giá vô song, nên nó giữ gìn cẩn thận từng tí. Đôi mắt chim không lộ vẻ gì sợ hãi mà trái lại vẫn nhìn thẳng như an nhiên tự tại.

Tên bầy chim cầm chim đầu đàn trong tay, ngồi xuống một phiến đá, bên cạnh lồng. Hắn để ý rằng từ nãy đến giờ, chim nhạn kia vẫn theo sát nó, quần quít một bên chim đầu đàn, tiếng kêu khan trông rất thảm thương. Bỗng nhiên tên bầy chim tự nghĩ: "Con chim nhạn đầu đàn đẹp đẽ, khí thế oai nghiêm này mới đáng quý làm sao. Nếu đem chim nhỏ trụi lông đi, chọc tiết để dọn cỗ cho nhà Vua mua lấy cái thú vị ở đầu lưới, chất đây một cái dạ dày thì thật là quá uổng phí. Hay ta phải trả chim lại cho trời đất!"

Nhưng liền sau đó, hắn nhớ lại nét mặt giận dữ của Vua, trong những bữa ăn thiếu thịt chim nhạn, những lần hắn bị quở mắng và đe dọa bị bãi chức. Không thể được! Hắn còn phải nghĩ đến vợ con, gia đình hắn đang sống nhờ bổng lộc của hoàng thượng. Tên bầy chim mở nắp lồng và nhốt chim nhạn đầu đàn vào. Nhưng nó lại thấy chim nhạn kia sà ngay xuống bên lồng, hai chân bám vào hai vành tre. Chim nhạn mắt vẫn không rời chim nhạn đầu đàn, mồm cất tiếng kêu thê thảm, máu miêng trào ra, chảy thành hai vạch đỏ trên đám đồng trắng dưới cổ chim.

Tên bầy chim ngừng tay lại, ngẫm nghĩ rằng: "Loài chim muông còn biết thương nhau đến đôi quên thân mạng như thế này, ta há nhân tâm giết hại chúng hay sao?"

Vừa lúc đó thì chim nhạn đậu ngoài lồng buông tiếng kêu than và sẽ sẽ đập cánh để khỏi ngã ngất xuống đất. Tên bầy chim lòng đã quyết. Hắn đứng dậy mở tay vừa thả chim ra. Chim đầu đàn bay thẳng lên cao cùng với chim nhạn kia, cất tiếng vui mừng như để cảm ơn rồi nhập vào đàn. Cả đàn chim quần quít lấy nhau, vỗ cánh tung bừng rồi xếp đặt lại đội ngũ, lướt nhanh về phương Nam như một đám mây trắng nõn trên vùng trời xanh.

Khi thả chim xong người bầy chim chợt thấy

mình đứng trước cảnh tình khó xử. Hẳn sẽ nói thế nào để nhà Vua khỏi quở trách khi hẳn trở về với hai bàn tay không? Nếu như nhà Vua cho hẳn là một kẻ bất tài rồi nổi giận mà bãi chức thì gia đình, vợ con hẳn sẽ ra sao? Suy tính hồi lâu, hẳn chỉ thấy còn cách là trình bày hết sự thật và trông mong nhà Vua sẽ thương tình mà tha tội cho hẳn.

Hẳn lúi thủi trở về, lòng nặng một nỗi lo âu. May mắn cho hẳn, hẳn gặp đức Vua trong khi Ngài đang dạo chơi ngoài vườn. Vua cho gọi hẳn đến, muốn xem những chim nhạn mà hẳn vừa bắt được. Lâu nay, Ngài chỉ thấy những con chim nhạn quay vàng trên đĩa bàn ăn mà thôi. Nhà Vua nhìn con chim nhạn lông trắng tuyết đầu cúi gục buồn thảm, trong chiếc lồng tre nhỏ và hỏi tên bầy chim:

"Chim nhạn kia có bộ lông trắng đẹp như thế, sao trông buồn thảm vậy!"

Hẳn quỳ xuống tâu:

"Tâu Bệ hạ, đây là con chim nhạn mới. Lông chim nhạn đều màu trắng như tuyết. Thần đã dùng nó để nhử các chim nhạn khác bay sà vào lưới để bắt chúng dâng thịt cho Bệ hạ."

Nhà Vua nhìn đăm đăm vào bộ lông chim nhạn, vào đôi mắt u buồn của nó. Một lát, Ngài quay sang tên bầy chim.

"Ta khá khen cách bầy chim khá sâu hiểm của ngươi. Lấy chim nhạn để giết chim nhạn. Vậy thì ngươi đã sắp sẵn để sẽ dâng cho ta một bữa ăn tuyệt vời!"

Tên bầy chim cúi đầu sát đất và run run hẳn cất tiếng thưa:

"Tâu Bệ hạ! Hôm nay Thần bầy được con chim nhạn đầu đàn, lẽ ra phải dâng lên cho Bệ hạ. Nhưng vì con chim nhạn khác đã không sợ chết, lặn sà vào chim đầu đàn mà kêu than thảm thiết đến nỗi trào máu miệng ra, suýt chết ngất đi. Nghe những tiếng kêu đăm máu, nhìn thấy cảnh tượng đau thương ấy, thần đã mủi lòng nên đã thả chim ra. Thật là thần đắc tội với Bệ hạ. Cúi xin Bệ hạ rộng lòng tha thứ."

Nhà Vua truyền đỡ tên bầy chim dậy. Vừa đứng lên, hẳn phân vân lo lắng không biết nhà Vua sẽ xử trí với hẳn như thế nào, bỗng hẳn nghe nhà Vua phán:

"Người đã tự tiện giải quyết, như thế là phạm tội khi quân. Tuy nhiên người đã dám trình bày lại sự việc trước mặt ta, nên ta cũng vui lòng tha thứ."

Và trong khi tên bầy chim lạy tạ lui ra, Nhà Vua nghĩ rằng:

"Loài chim thú mà còn biết thương yêu nhau đến quên mạng sống như vậy! Đến cả tên bầy chim mà còn xúc động để thả chúng ra. Lẽ nào, ta là một vị Vua lại không biết trái lòng thương yêu rộng rãi hơn ư!"

Nghĩ rồi, nhà Vua liền phát từ tâm và quay sang các cận thần, phán:

"Các khanh! Các khanh có nghe thấy không? Chim nhạn mà biết thương yêu nhau đến quên cả thân mạng, đó là một bài học cho chúng ta vậy. Riêng ta, ta muốn từ đây không sát hại đến chim nhạn. Ta thề sẽ không ăn thịt chim nhạn nữa."

Rồi quay phía tên bầy chim, nhà Vua nói:

"Ta khá khen cho người đã thả chim nhạn đầu đàn. Và ta còn dặn người điều này nữa, hãy từ bỏ phương pháp hiểm độc: Dùng chim nhạn để sát hại chim nhạn. Nghĩa là người hãy mở cửa lồng, thả cho chim nhạn mới trở lại tự do. Trở về với đất trời cao rộng."

Tên bầy chim làm theo ý Vua. Mọi người cảm thấy lòng thanh thản trong khi chim nhạn cất cánh bay vút lên tận mây xanh tiếng kêu vui mừng đưa theo gió ngàn lồng lộng.

Chim nhạn đầu đàn trong câu chuyện trên là tiền thân của Đức Phật Thích Ca. Con chim nhạn đã liều chết để cứu chim đầu đàn đến nỗi đã làm lay chuyển cả lòng hung bạo của tên bầy chim, phát động từ tâm của nhà Vua trên đây, chim nhạn ấy là tiền thân của Ngài A Nan, người đệ tử gần gũi và tin yêu nhất của Phật.

Dương Trường Giang

*"Bạn bè mấy kẻ đá vàng, hồng khi mưa nắng
lỡ làng cậy nhau.*

*Khi vui thì vỗ tay vào, đến khi họa nạn thì
nào thấy ai."*

